

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THO

CÔNG TY TNHH CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
TNHH
NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)
NIỆM LĨNH - TP. HÀ NỘI

Số: 65 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội ĐT: 096 119 2626
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thân - Phú Ninh - Phú Thọ ĐT: 02103.764.765

2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:.....
Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: **Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)** Mã số QLCTNH: 01.000261.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024. 35250044
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024. 35250044

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	10	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	2	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	64	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	52	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	19	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02769

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: **Trịnh Xuân Thuyền** Ký:..... Ngày: 27-08-2024
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

CÔNG TY
HÀ NỘI ngày 27 tháng 08 năm 2024
NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)
H. MÊ LINH - TP. HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Toshitaka Kuzuoka

8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Phú Thọ, ngày 4 tháng 9 năm 2024
(Chữ ghi được, được ban, đóng dấu)

CÔNG TY
TNHH
MÔI TRƯỜNG
PHÚ MINH
VINA
H. PHÚ LÍNH - TP. PHÚ THO

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

* Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chu nguồn thải (sau khi Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chu nguồn thải (Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại) gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH.

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 64 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đồng An, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thủy - Phú Ninh - Phú Thọ						Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765	
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....						Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....	
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội						Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044	
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	5	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	5	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giấy lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	30	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070313	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cò lấp/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02769							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Trịnh Xuân Thuýn Ký:..... Ngày: 23-08-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin đã ghi ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CỘNG HÒA CHỦNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
TNHH
Số: 63 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINH (HÀ NỘI) Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX
 Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà NộiĐT: 096 119 2626
 Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú ThọĐT: 02103.764.765

2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:.....
 Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:.....
 Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Mã số QLCTNH: 01.000261.T
 Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà NộiĐT: 024. 35250044
 Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà NộiĐT: 024. 35250044

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	5	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	2	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	5	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giấy lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	62	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	40	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý để áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02705

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Thảo Ký:..... Ngày: 20-08-2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
 Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2024
 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)


GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Toshitaka Kuzuoka

8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
 Phú Thọ, ngày 23 tháng 8 năm 2024
 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)


TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 62 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội

ĐT: 096 119 2626

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ

ĐT: 02103.764.765

2. Chủ xử lý CTNH 2:.....

Mã số QLCTNH:.....

Địa chỉ văn phòng:.....

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....

ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)

Mã số QLCTNH: 01.000261.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

ĐT: 024. 35250044

Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

ĐT: 024. 35250044

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	10	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x			180101	-	TD
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TD
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	192	TD
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	15	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TD
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giấy lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	78	TD
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TD
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiếu đói); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02769

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Trịnh Xuân Thuần Ký:..... Ngày: 16-08-2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Phú Thọ, ngày 23 tháng 08 năm 2024

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY

Toshitaka Kuzuoka

8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Phú Thọ, ngày 23 tháng 08 năm 2024

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Quang

* Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINH INSTRUMENTS (HÀ NỘI)
 Số 61 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINH INSTRUMENTS (HÀ NỘI)** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX
 Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà NộiĐT: 096 119 2626
 Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thủy - Phú Ninh - Phú ThọĐT: 02103.764.765

2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:.....
 Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:.....
 Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Mã số QLCTNH: 01.000261.T
 Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà NộiĐT: 024. 35250044
 Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà NộiĐT: 024. 35250044

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	5	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	1	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	6	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	2	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	40	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	97	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: *Sghay* Ngày: 13-08-2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:.....Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2024
 Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)


GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Toshitaka Kuzuoka

8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Phú Thọ, ngày 20 tháng 08 năm 2024
 Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)


TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH)..

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 60 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Niđec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	4	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	5	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	18	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	6	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	60	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: <i>[Chữ ký]</i> Ngày: 09-08-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)  (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Phú Thọ, ngày 10 tháng 8 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  TỔNG GIÁM ĐỐC <i>Lê Văn Quang</i>			
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka							
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THO

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

CÔNG TY Số: 59 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX

TNNH

NIDEC INSTRUMENTS

(HÀ NỘI)

LIÊN - TP. HÀ NỘI

1. Chủ xử lý CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINH** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội ĐT: 096 119 2626
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thân - Phú Ninh - Phú Thọ ĐT: 02103.764.765

2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:.....
Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Mã số QLCTNH: 01.000261.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024. 35250044
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024. 35250044

4. Kể khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	6	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giặt lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đá qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	52	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khắc (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: *[Signature]* Ngày: 06-08-2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2024

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Toshitaka Kuzuoka

8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Phú Thọ, ngày 13 tháng 8 năm 2024

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

*Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú : Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 58 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044					
4. Kể khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	1	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	7	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	2	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	200	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	1	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	56	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	133	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: <i>[Chữ ký]</i> Ngày: 02-08-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) <i>Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2024</i> (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) 				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 <i>Phú Thọ, ngày 9 tháng 8 năm 2024</i> (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) 			
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				TỔNG GIÁM ĐỐC <i>Lê Văn Quang</i>			
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú : Liên 1: Lưu tại Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 ; Liên 2 : Lưu tại Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2 ; Liên 3 : Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1) ; Liên 4 : Lưu tại chủ nguồn thải (Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH)..							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: ST /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX			
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765			
2. Chủ xử lý CTNH 2: Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):		Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:			
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044			
4. Kể khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)					
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại Rắn Lỏng Bùn	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [#]
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x	160106	1	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x	180102	15	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x	180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x	180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải	x	160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	x	070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài để qua sử dụng chứa TPNH	x	070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x	080204	2	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giấy lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x	180201	29	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x	070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x	070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	x	170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x	130101	-	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiếu/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).					
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....					
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:					
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252					
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: Ngày: 30-07-2024					
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....					
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Hàng Anh ở mục 1-4 (hoặc 5) CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu (HÀ NỘI) H. PHÚ NINH - TP. HÀ NỘI			8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Phú Thọ, ngày 30 tháng 07 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA H. PHÚ NINH - TP. HÀ NỘI CÔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang		
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka					
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□					
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).					

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 56 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thôn - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Niđec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	3	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	6	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	45	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (ser chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02769							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Trịnh Xuân Thuyền Ký:..... Ngày: 26-07-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:.....Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Phú Thọ, ngày 26 tháng 07 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
 GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

2500243163 - C.T.N.H

CÔNG TY
TNHH
NIDEC INSTRUMENTS
HÀ NỘI

TP. HÀ NỘI

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 55 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH (HÀ NỘI)
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Tràm Trán - Phú Ninh - Phú Thọ

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX
ĐT: 096 119 2626
ĐT: 02103.764.765

2. Chủ xử lý CTNH 2:.....
Địa chỉ văn phòng:.....
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....

Mã số QLCTNH:.....
ĐT:.....
ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

Mã số QLCTNH: 01.000261.T
ĐT: 024. 35250044
ĐT: 024. 35250044

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	4	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giặt lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	61	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	142	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02769

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: *SgHong* Ngày: 23-07-2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

2500243163 - C.T.N.H

CÔNG TY
TNHH
NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

TP. HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 23 tháng 07 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị chức năng, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Toshitaka Kuzuoka

8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

260100697 - C.T.N.H

CÔNG TY
TNHH
MÔI TRƯỜNG
PHÚ MINH
VINA

TP. PHÚ NINH - T. PHÚ NINH

Phụ Thọ, ngày 24 tháng 07 năm 2024
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

CHỦ GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 54 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) ^a
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	5	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TD
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TD
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	24	TD
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	12	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TD
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	24	TD
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	117	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	16.5	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TD
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TD
^a Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tồn thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: <i>Nguyễn Văn Hồng</i> Ngày: 19-07-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các chất thải nêu ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở			
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu) GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 (Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu) TỔNG GIÁM ĐỐC La Văn Quang			
^a Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							



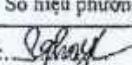
TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 53 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH (VINA) Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dãi lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thám - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) ^a
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	1	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	3	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mới đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	12	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	2	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	26	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký:  Ngày: 16-07-2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)



Phụ hồ, ngày 16 tháng 07 năm 2024
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Toshitaka Kuzuoka

8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở



Phụ hồ, ngày 16 tháng 07 năm 2024
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

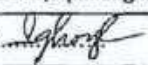
^aLiên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú : Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 ; Liên 2 : Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2 ; Liên 3 : Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1) ; Liên 4 : Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH)...

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 52 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đồng An, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trại Thân - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) ^a
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	2	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	6	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	25	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
^a Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đóng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H 20600							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Hoàng Văn Bình Ký: <i>h.v.binh</i> Ngày: 12-07-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2024 Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Phú Thọ, ngày 12 tháng 07 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
 GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
^b Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							



TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CÔNG TY TNHH CHUNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)		Số: 51 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX			
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA				Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX			
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội				ĐT: 096 119 2626			
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thủy - Phú Ninh - Phú Thọ				ĐT: 02103.764.765			
2. Chủ xử lý CTNH 2:.....				Mã số QLCTNH:.....			
Địa chỉ văn phòng:.....				ĐT:.....			
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....				ĐT:.....			
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)				Mã số QLCTNH: 01.000261.T			
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội				ĐT: 024. 35250044			
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội				ĐT: 024. 35250044			
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	5	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	4	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	33	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02705							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Thảo Ký:  Ngày: 09-07-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các CTNH theo mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở			
 GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
* Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ			CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 50 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX				
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA			Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX				
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội			ĐT: 096 119 2626				
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ			ĐT: 02103.764.765				
2. Chủ xử lý CTNH 2:.....			Mã số QLCTNH:.....				
Địa chỉ văn phòng:.....			ĐT:.....				
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....			ĐT:.....				
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)			Mã số QLCTNH: 01.000261.T				
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội			ĐT: 024. 35250044				
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội			ĐT: 024. 35250044				
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	6	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	16	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	6	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mục khác), giấy lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	26	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	35	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tích/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký:  Ngày: 05-07-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở			
 Hà Nội, ngày 05 tháng 07 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 Phú Thọ, ngày 05 tháng 07 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
*Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□ Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
SỐ: 49 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA (HÀ NỘI)
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đồng Anh, Hà Nội
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thủy - Phú Ninh - Phú Thọ

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX
ĐT: 096 119 2626
ĐT: 02103.764.765

2. Chủ xử lý CTNH 2:
Địa chỉ văn phòng:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):

Mã số QLCTNH:
ĐT:
ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

Mã số QLCTNH: 01.000261.T
ĐT: 024.35250044
ĐT: 024.35250044

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	2	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	5	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	104	TĐ
7	Vật liệu nhồi đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	32	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: *[Signature]* Ngày: 02-07-2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2024
Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Toshitaka Kuzuoka

8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

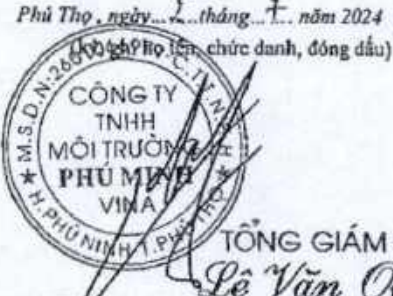
Phú Thọ, ngày 02 tháng 07 năm 2024
Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú : Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 ; Liên 2 : Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2 ; Liên 3 : Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1) ; Liên 4 : Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THO				CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 48 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX			
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đồng Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ				Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765			
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....				Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....			
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội				Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044			
4. Kể khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) ^a
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	6	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	373	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	3	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	72	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	60	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	14	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	30	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiếu/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố tập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02769							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Trịnh Xuân Thuyền Ký:..... Ngày: 28-06-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 Phú Thọ, ngày 5 tháng 7 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú : Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 ; Liên 2 : Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2 ; Liên 3 : Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1) ; Liên 4 : Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH)..							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 47 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX			
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VĨA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thủy - Phú Ninh - Phú Thọ				Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765			
2. Chủ xử lý CTNH 2: Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):				Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:			
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội				Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044			
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	4	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	320	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	8	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giấy lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	55	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký:..... Ngày: 25-06-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)  GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka			8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Phụ Thọ, ngày 2 tháng 7 năm 2024  TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang				
@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 46 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dãi lý: Khu xử lý rác thải - xã Trại Thán - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044					
4. Kể khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	8	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	253	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	5	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giấy lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	62	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	23	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02769							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Trịnh Xuân Thuyền Ký:.....Thuyền Ngày: 21-06-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Hà Nội, ngày 21 tháng 06 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Phú Thọ, ngày 22 tháng 6 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
 GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
④Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú : Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 ; Liên 2 : Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2 ; Liên 3 : Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1) ; Liên 4 : Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH)...							

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÙ THO

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 45 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà NộiĐT: 096 119 2626
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thân - Phú Ninh - Phù ThọĐT: 02103.764.765

2. Chủ xử lý CTNH 2:.....Mã số QLCTNH:.....
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: **Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)** Mã số QLCTNH: 01.000261.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà NộiĐT: 024. 35250044
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà NộiĐT: 024. 35250044

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	5	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	15	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Đầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giấy lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	83	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	102	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	20	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác cơ nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký:..... Ngày: 18-06-2024

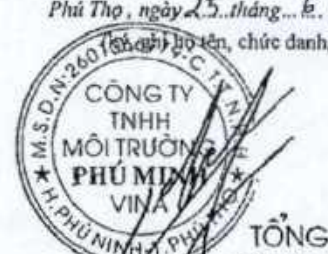
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)



GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Toshitaka Kuzuoka

8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

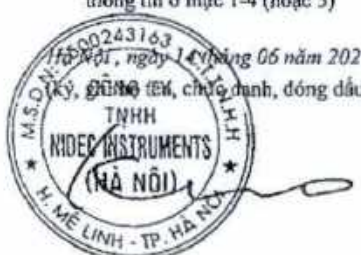


TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

Phù Thọ, ngày 25 tháng 6 năm 2024

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú : Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 ; Liên 2 : Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2 ; Liên 3 : Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1) ; Liên 4 : Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH) ..

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 44 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đồng An, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Niđec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) "
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	4	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	6	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	7	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	69	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	45	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	14	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19C 20753							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký:..... Ngày: 14-06-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú : Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 ; Liên 2 : Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2 ; Liên 3 : Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1) ; Liên 4 : Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH)..							

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CÔNG TY TNHH CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
TNHH Số: 43 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX
 Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà NộiĐT: 096 119 2626
 Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trại Thân - Phú Ninh - Phú ThọĐT: 02103.764.765

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:.....
 Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:.....
 Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Mã số QLCTNH: 01.000261.T
 Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà NộiĐT: 024. 35250044
 Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà NộiĐT: 024. 35250044

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	5	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	53	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiếu độc); HR (Hoà rắn); CL (Cố lết/dóng kết); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khắc (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....
 6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký:..... Ngày: 11-06-2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)



GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Toshitaka Kuzuoka

8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 42 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thôn - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	5	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	8	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	70	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	74	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/xét tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký:..... Ngày: 07-06-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 41 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trại Thân - Phù Ninh - Phú Thọ

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX
ĐT: 096 119 2626
ĐT: 02103.764.765

2. Chủ xử lý CTNH 2:.....
Địa chỉ văn phòng:.....
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....

Mã số QLCTNH:.....
ĐT:.....
ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

Mã số QLCTNH: 01.000261.T
ĐT: 024. 35250044
ĐT: 024. 35250044

4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	17	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giấy lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	88	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	50	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	10	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đốt xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký:..... Ngày: 04-06-2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

M.S.D.N. 2500243163
Hà Nội, ngày 04 tháng 06 năm 2024
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)
H. MÊ LINH - TP. HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Toshitaka Kuzuoka

M.S.D.N. 2500243163
Phụ Thọ, ngày 04 tháng 06 năm 2024
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA
H. PHÚ NINH - TP. PHÚ THỌ

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú : Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 ; Liên 2 : Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2 ; Liên 3 : Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1) ; Liên 4 : Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 40 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX					
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội		ĐT: 096 119 2626					
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ		ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:.....		Mã số QLCTNH:.....					
Địa chỉ văn phòng:.....		ĐT:.....					
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)		Mã số QLCTNH: 01.000261.T					
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		ĐT: 024.35250044					
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		ĐT: 024.35250044					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	3	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	20	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	66	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tích/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: <i>Sgheay</i> Ngày: 31-05-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2024 (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) 				Phú Thọ, ngày 7 tháng 6 năm 2024 (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) <i>Tr</i> 			
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 39 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX

ĐỒNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)

LIÊN 1 - TP. HÀ NỘI

1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội

ĐT: 096 119 2626

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thủy - Phú Ninh - Phú Thọ

ĐT: 02103.764.765

2. Chủ xử lý CTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH NiDEC Instruments (Hà Nội)

Mã số QLCTNH: 01.000261.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

ĐT: 024. 35250044

Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

ĐT: 024. 35250044

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	6	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa IPNH	x			070310	10	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giấy lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	60	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	46	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiều/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đói); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

6. Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02769

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Trịnh Xuân Thuýn

Ký:

Ngày: 28-05-2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA

Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2024

Ký ghi họ tên, chức danh, đóng dấu

(HÀ NỘI)

8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Phụ Thọ, ngày 4 tháng 6 năm 2024

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA

H. PHÚ THỌ

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Quang

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY

Toshitaka Kuzuoka

Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chi cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chi cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chi cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chi cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2 sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 38 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thôn - Phù Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024.35250044 ĐT: 024.35250044					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	4	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giặt lau thải	x			180101	-	TD
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TD
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	143	TD
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TD
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	46	TD
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	12	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TD
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TD
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tân thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiếu đói); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 32S2							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: <i>[Signature]</i> Ngày: 24-05-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				Phú Thọ, ngày 31 tháng 5 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
Liên số: ☐ - 2 ☐ - 3 ☒ - 4							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 37 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINH Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đồng An, Hà Nội Địa chỉ cơ sở đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2: Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):		Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	8	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	5	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x			180101	-	TD
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TD
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TD
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TD
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giấy lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	84	TD
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	70	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	20	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TD
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TD
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: <i>[Chữ ký]</i> Ngày: 21-05-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)  Hà Nội, ngày 21 tháng 05 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4  Phú Thọ, ngày 28 tháng 5 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ				CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 36 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX			
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA				Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX			
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đồng An, Hà Nội				ĐT: 096 119 2626			
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trại Thôn - Phú Ninh - Phú Thọ				ĐT: 02103.764.765			
2. Chủ xử lý CTNH 2:.....				Mã số QLCTNH:.....			
Địa chỉ văn phòng:.....				ĐT:.....			
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....				ĐT:.....			
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)				Mã số QLCTNH: 01.000261.T			
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội				ĐT: 024. 35250044			
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội				ĐT: 024. 35250044			
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	9	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	2	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	65	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02769							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Trịnh Xuân Thuyền Ký:..... Ngày: 17-05-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2024 (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				Phú Thọ, ngày 24 tháng 5 năm 2024 (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) [.....]  TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
Liên số: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 35 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX			
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA (HÀ NỘI) Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đồng An, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thủy - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765			
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....			
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044			
4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)					
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại Rắn Lỏng Bùn	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x	160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x	180102	10	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x	180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x	180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x	070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x	080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x	180201	97	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x	070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x	070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x	130101	-	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).					
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....					
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:					
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02769					
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Trịnh Xuân Thuyến Ký:..... Ngày: 14-05-2024					
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....					
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Hà Nội, ngày 14 tháng 05 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Phú Thọ, ngày 21 tháng 5 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)		
 GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka			 TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang		
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□					
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).					

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ				CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 34 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX			
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ				Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765			
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....				Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....			
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội				Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044			
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	4	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	4	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chưa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	1	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	45	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	40	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02769							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Trịnh Xuân thuyền Ký:..... Ngày: 10-05-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				Phú Thọ, ngày 14 tháng 5 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
* Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi tại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CHỨNG TỰ CHẤT THẢI NGUY HẠI
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINH
(HÀ NỘI)
M.S.D.N. 26010468

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX
ĐT: 096 119 2626
ĐT: 02103.764.765

Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đồng Anh, Hà Nội
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thủy - Phú Ninh - Phú Thọ

2. Chủ xử lý CTNH 2:..... **Mã số QLCTNH:**.....
Địa chỉ văn phòng:..... **ĐT:**.....
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... **ĐT:**.....

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Niđec Instruments (Hà Nội) **Mã số QLCTNH:** 01.000261.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội **ĐT:** 024. 35250044
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội **ĐT:** 024. 35250044

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	12	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	15	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	3	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giấy lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	96	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	20	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	15	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tân thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiếu/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... **Nước nhập khẩu:**..... **Cửa khẩu nhập:**.....
6. Số hiệu phương tiện:..... **Ngày xuất cảng:**..... **Cửa khẩu xuất:**.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng **Ký:** *Sgghg* **Ngày:** 07-05-2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... **Ký:**..... **Ngày:**.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2024
 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Toshitaka Kuzuoka

8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Phú Thọ, ngày 14 tháng 5 năm 2024
 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 32 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thủy - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024.35250044 ĐT: 024.35250044					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	-	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	11	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	40	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	106	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02769							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: <u>Trình Xuân Thuý</u> Ký:..... Ngày: 02-05-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ky:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
Liên số: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
TNHH SỐ: 31- 2024/1-2-3-4-5-6.016.VX
(HÀ NỘI)
H. MÊ LINH - TP. HÀ NỘI

1. Chủ xử lý CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHU MINH VINA** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX
 Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà NộiĐT: 096 119 2626
 Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thân - Phú Ninh - Phú ThọĐT: 02103.764.765

2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:.....
 Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:.....
 Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Mã số QLCTNH: 01.000261.T
 Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà NộiĐT: 024. 35250044
 Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà NộiĐT: 024. 35250044

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	7	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	80	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	70	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

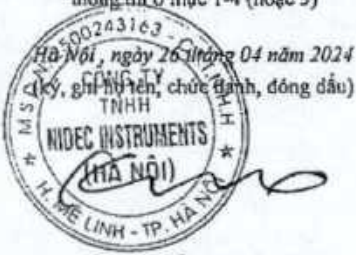
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: *[Signature]* Ngày: 26-04-2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:.....Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)


GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Toshitaka Kuzuoka

8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Phú Thọ, ngày 05 tháng 05 năm 2024


TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú : Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 ; Liên 2 : Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2 ; Liên 3 : Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1) ; Liên 4 : Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ				CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI			
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA				Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX			
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đồng Anh, Hà Nội				ĐT: 096 119 2626			
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ				ĐT: 02103.764.765			
2. Chủ xử lý CTNH 2:.....				Mã số QLCTNH:.....			
Địa chỉ văn phòng:.....				ĐT:.....			
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....				ĐT:.....			
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)				Mã số QLCTNH: 01.000261.T			
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội				ĐT: 024.35250044			
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội				ĐT: 024.35250044			
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	10	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	2	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	1	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	56	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	60	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02769							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Trịnh Xuân Thuyên Ký: <i>AL</i> Ngày: 23-04-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2024 Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu  GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				Phú Thọ, ngày 29 tháng 04 năm 2024 (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
*Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□ Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại Chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHU MINH VINH

Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trại Thân - Phú Ninh - Phú Thọ

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX

ĐT: 096 119 2626

ĐT: 02103.764.765

2. Chủ xử lý CTNH 2:

Địa chỉ văn phòng:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):

Mã số QLCTNH:

ĐT:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)

Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

Mã số QLCTNH: 01.000261.T

ĐT: 024. 35250044

ĐT: 024. 35250044

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	3	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	5	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mục khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	44	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	67	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):.....

6. Số hiệu phương tiện:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252

Nước nhập khẩu:.....

Ngày xuất cảng:.....

Cửa khẩu nhập:.....

Cửa khẩu xuất:.....

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký:..... Ngày: 19-04-2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2024

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Toshitaka Kuzuoka

8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Phú Thọ, ngày 26 tháng 04 năm 2024

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (nếu chủ nguồn thải gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 28 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINH Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đồng Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trại Thôn - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024.35250044 ĐT: 024.35250044					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	4	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nếu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	77	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H 20600							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Hoàng Văn Bình Ký: <i>Hoàng Văn Bình</i> Ngày: 16-04-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				Phú Thọ, ngày 28 tháng 04 năm 2024 (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ			CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI				
			Số: 27 / 2024/1-2-3-4-5-6.016-VX				
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016-VX Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội DT: 096 119 2626 Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thủy - Phú Ninh - Phú Thọ DT: 02103.764.765							
2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:..... Địa chỉ văn phòng:..... DT:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... DT:.....							
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Mã số QLCTNH: 01.000261.T Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội DT: 024.35250044 Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội DT: 024.35250044							
4. Kể khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	2	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	7	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	134	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	94	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	114	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: <i>[Chữ ký]</i> Ngày: 12-04-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2: Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)  Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Phú Thọ; ngày 19 tháng 04 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
PHÚ THỌ		Số: 26 / 2024 / 1-2-3-4-5-6-016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6-016.VX					
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội		ĐT: 096 119 2626					
Địa chỉ cơ sở đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ		ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:.....		Mã số QLCTNH:.....					
Địa chỉ văn phòng:.....		ĐT:.....					
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)		Mã số QLCTNH: 01.000261.T					
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		ĐT: 024. 35250044					
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		ĐT: 024. 35250044					
4. Khai khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	16	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	30	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	3	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	72	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	20	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Chôn lấp/đóng kín); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khắc (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....		Nước nhập khẩu:.....		Cửa khẩu nhập:.....			
6. Số hiệu phương tiện:.....		Ngày xuất cảng:.....		Cửa khẩu xuất:.....			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L-3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: <i>[Signature]</i> Ngày: 09-04-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) M.S.D.N. 243163 CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI) M. MÊ LINH - TP. HÀ NỘI				Phú Thọ, ngày 16 tháng 04 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) M.S.D.N. 2601066979-C.T.T CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA H. PHÚ NINH - T. PHÚ THỌ			
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CHỨNG TỬ CHẤT THAI NGUY HẠI
Số: 25-2024/1-2-3-4-5-6-016.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thủy - Phú Ninh - Phú Thọ

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6-016.VX
ĐT: 096 119 2626
ĐT: 02103.764.765

2. Chủ xử lý CTNH 2:
Địa chỉ văn phòng:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):

Mã số QLCTNH:
ĐT:
ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

Mã số QLCTNH: 01.000261.T
ĐT: 024. 35250044
ĐT: 024. 35250044

4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	2	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	7	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	5	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	13	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	2	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	42	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	70	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu độc); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khắc (ghi rõ lên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: *[Signature]* Ngày: 05-04-2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Phú Thọ, ngày 12 tháng 04 năm 2024
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2024
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Toshitaka Kuzuoka

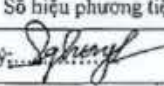
M. S. O. N. 2601066979-C.1.1



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số: 24 / 2024/L-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINH		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX					
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội		ĐT: 096 119 2626					
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ		ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:.....		Mã số QLCTNH:.....					
Địa chỉ văn phòng:.....		ĐT:.....					
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)		Mã số QLCTNH: 01.000261.T					
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		ĐT: 024. 35250044					
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		ĐT: 024. 35250044					
4. Kể khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	6	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	235	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	88	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	124	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	25	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký:  Ngày: 02-04-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				Phú Thọ, ngày 03 tháng 04 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 23 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINH

Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thủy - Phú Ninh - Phú Thọ

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX

ĐT: 096 119 2626

ĐT: 02103.764.765

2. Chủ xử lý CTNH 2:.....

Địa chỉ văn phòng:.....

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....

Mã số QLCTNH:.....

ĐT:.....

ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)

Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

Mã số QLCTNH: 01.000261.T

ĐT: 024. 35250044

ĐT: 024. 35250044

4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	7	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x			180101	-	TD
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TD
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TD
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	10	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	6	TD
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giấy lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	102	TD
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	140	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TD
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tán thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đông xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: *Nguyen Van Hong* Ngày: 29-03-2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

01.000261.T

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

TNHH

NIDEC INSTRUMENTS

(HÀ NỘI)

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY

Toshitaka Kuzuoka

8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Phú Thọ, ngày 02 tháng 04 năm 2024

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

01.000261.T

CÔNG TY

TNHH

MÔI TRƯỜNG

PHÚ MINH

VINH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Quang

Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐

Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải sau khi Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ			CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 22 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX				
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA			Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX				
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội			ĐT: 096 119 2626				
Địa chỉ cơ sở/dãi lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phù Ninh - Phú Thọ			ĐT: 02103.764.765				
2. Chủ xử lý CTNH 2:.....			Mã số QLCTNH:.....				
Địa chỉ văn phòng:.....			ĐT:.....				
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....			ĐT:.....				
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)			Mã số QLCTNH: 01.000261.T				
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội			ĐT: 024. 35250044				
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội			ĐT: 024. 35250044				
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	1	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	3	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	7	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	95	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đông xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 20H 20600							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Hoàng Văn Bình Ký:..... Ngày: 26/03/2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận thông tin nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
®Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH)..							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
Số: 21/2024/1-2-3-4-5-6.016.VX		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA		Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội					
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thủy - Phú Ninh - Phú Thọ		ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:.....		Mã số QLCTNH:.....					
Địa chỉ văn phòng:.....		ĐT:.....					
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)		Mã số QLCTNH: 01.000261.T					
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		ĐT: 024. 35250044					
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		ĐT: 024. 35250044					
4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	1	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	3	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x			180101	-	TD
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TD
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	36	TD
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	12	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	2	TD
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giấy lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	90	TD
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	134	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	18	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TD
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TD
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....		Nước nhập khẩu:.....		Cửa khẩu nhập:.....			
6. Số hiệu phương tiện:.....		Ngày xuất cảng:.....		Cửa khẩu xuất:.....			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02734							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Lê Văn Chung				Ký: <i>Lê Văn Chung</i>		Ngày: 22/03/2024	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:.....				Ký:.....		Ngày:.....	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 20 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thôn - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		Mã số QLCTNH:..... ĐT: ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024.35250044 ĐT: 024.35250044					
4. Kể khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	5	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	188	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	68	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đông xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: <i>[Signature]</i> Ngày: 19/03/2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:.....Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 Phụ Thọ, ngày 26 tháng 03 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 Phụ Thọ, ngày 26 tháng 03 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
① Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH)..							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 19 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX			
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trại Thân - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765			
2. Chủ xử lý CTNH 2: Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):		Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:			
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044			
4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)					
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại Rắn Lỏng Bùn	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x	160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x	180102	3	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x	180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x	180101	-	TD
5	Các loại dầu mỡ thải		160108	-	TD
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		070305	-	TD
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x	070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x	080204	-	TD
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mục khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x	180201	94	TD
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x	070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x	070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		170204	-	TD
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x	130101	-	TD
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); Oxi (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).					
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....					
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:					
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252					
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: <i>Sphory</i> Ngày: 15/03/2024					
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:.....Ký:..... Ngày:.....					
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)			8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4		
MSDN: 2500243163 Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024 (Công ty tên, chức danh, đóng dấu) TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI) <i>[Signature]</i> GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka			Phú Thọ, ngày 22 tháng 03 năm 2024 (Cá, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA H. PHÚ NINH - TP. PHÚ THỌ <i>[Signature]</i> TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang		
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□					
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH)..					

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ				CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 18 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX			
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ				Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765			
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....				Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....			
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội				Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044			
4. Kể khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	4	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	76	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	128	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiếu/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: <i>Sophron</i> Ngày: 12/03/2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Phú Thọ, ngày 19 tháng 03 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THO



CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 17/2024/1-2-3-4-5-6.016.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ

2. Chủ xử lý CTNH 2:
Địa chỉ văn phòng:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX
ĐT: 096 119 2626
ĐT: 02103.764.765

Mã số QLCTNH:
ĐT:
ĐT:

Mã số QLCTNH: 01.000261.T
ĐT: 024. 35250044
ĐT: 024. 35250044

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	3	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	7	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TD
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TD
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	105	TD
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	17	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TD
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	66	TD
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TD
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kín); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... **Nước nhập khẩu:**..... **Cửa khẩu nhập:**.....

6. Số hiệu phương tiện:..... **Ngày xuất cảng:**..... **Cửa khẩu xuất:**.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02769

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Thảo Ký:..... Ngày: 08/03/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)



Phú Thọ, ngày 08 tháng 03 năm 2024
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Toshitaka Kuzuoka

8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4



Phú Thọ, ngày 15 tháng 03 năm 2024
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

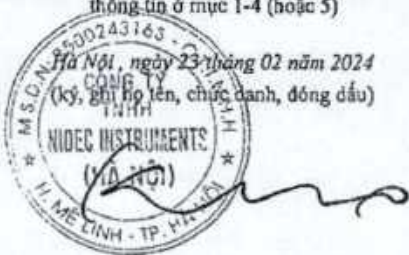
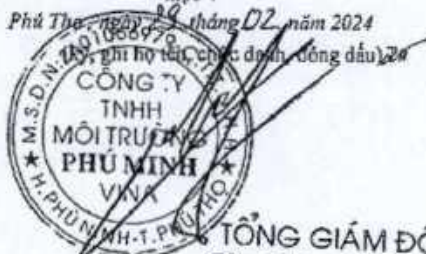
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú : Liên 1 : Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 ; Liên 2 : Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2 ; Liên 3 : Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1) ; Liên 4 : Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ			CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 16 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX				
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thôn - Phú Ninh - Phú Thọ			Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765				
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....			Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....				
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội			Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024.35250044 ĐT: 024.35250044				
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *	
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	4	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giấy lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	65	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đóng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: <i>Ng Hong</i> Ngày: 05/03/2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)			8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4				
Phú Thọ, ngày 05 tháng 03 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka			Phú Thọ, ngày 11 tháng 03 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang				
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□ Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH)..							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CÔNG TY CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 15/2024/1-2-3-4-5-6.016.VX (HÀ NỘI) Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765			
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trục Thân - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765			
2. Chủ xử lý CTNH 2: Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):		Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:			
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024.35250044 ĐT: 024.35250044			
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)					
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại Rắn Lỏng Bùn	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x	160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x	180102	10	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x	180103	3	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x	180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải	x	160108	-	TĐ
6	Dầu lỏng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	x	070305	280	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x	070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x	080204	17	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x	180201	55	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x	070311	37	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x	070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	x	170204	17	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x	130101	-	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đóng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).					
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....					
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....					
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252					
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: <i>Nguyễn Văn Hồng</i> Ngày: 01/03/2024					
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:.....Ký:..... Ngày:.....					
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)			8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4		
Phú Thọ, ngày 01 tháng 03 năm 2024 Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu) TNNH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI) H. MÊ LINH - TP. HÀ NỘI GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka			Phú Thọ, ngày 01 tháng 03 năm 2024 Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu) CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA H. PHÚ THỌ TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang		
*Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□					
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).					

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ				CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 14 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX			
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thủy - Phú Ninh - Phú Thọ				Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765			
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....				Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....			
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội				Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044			
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	2	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	6	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giấy lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	61	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	62	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	20	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: <i>Sghong</i> Ngày: 27-02-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				Phú Thọ, ngày 05 tháng 03 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
Liên số: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số: 13 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ							
		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2: Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....							
		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội							
		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	3	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	170	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	2	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	95	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lặc/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 03386							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Đức Long Ký: <i>Long</i> Ngày: 23-02-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2: Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Phú Thọ, ngày 23 tháng 02 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú : Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 ; Liên 2 : Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2 ; Liên 3 : Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1) ; Liên 4 : Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại giữ lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ				CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 12 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX			
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA				Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX			
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội				ĐT: 096 119 2626			
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thôn - Phú Ninh - Phú Thọ				ĐT: 02103.764.765			
2. Chủ xử lý CTNH 2:.....				Mã số QLCTNH:.....			
Địa chỉ văn phòng:.....				ĐT:.....			
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....				ĐT:.....			
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)				Mã số QLCTNH: 01.000261.T			
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội				ĐT: 024. 35250044			
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội				ĐT: 024. 35250044			
4. Kể khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	6	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	47	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	59	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....				Nước nhập khẩu:.....		Cửa khẩu nhập:.....	
6. Số hiệu phương tiện:.....				Ngày xuất cảng:.....		Cửa khẩu xuất:.....	
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02734							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Lê Văn Chung				Ký: <i>Quang</i>		Ngày: 20-02-2024	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:.....				Ký:.....		Ngày:.....	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
* Liên số: ☐ 1 - ☐ 2 - ☐ 3 - ☒ 4							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 11 / 2024/1-2-3-4-5-6.016.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINH
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX
ĐT: 096 119 2626
ĐT: 02103.764.765

2. Chủ xử lý CTNH 2:
Địa chỉ văn phòng:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):

Mã số QLCTNH:
ĐT:
ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

Mã số QLCTNH: 01.000261.T
ĐT: 024. 35250044
ĐT: 024. 35250044

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	4	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	2	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	51	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	20	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02734

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Lê Văn Chung. Ký: *Chung*. Ngày: 16-02-2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2024
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)


GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Toshitaka Kuzuoka

Phú Thọ, ngày 23 tháng 02 năm 2024
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)


TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH)..

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 10 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	8	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	35	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	6	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	47	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	62	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết nủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: <i>Nguyen</i> Ngày: 06-02-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:.....Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Phú Thọ, ngày 19 tháng 02 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
*Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú : Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 ; Liên 2 : Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2 ; Liên 3 : Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1) ; Liên 4 : Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 9 / 2024/1-2-3-4-5-6.016.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA

Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trại Thân - Phù Ninh - Phú Thọ

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX

ĐT: 096 119 2626

ĐT: 02183.764.765

2. Chủ xử lý CTNH 2:

Địa chỉ văn phòng:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):

Mã số QLCTNH:

ĐT:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)

Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

Mã số QLCTNH: 01.000261.T

ĐT: 024. 35250044

ĐT: 024. 35250044

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	3	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	3	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	284	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mục khác), giấy lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	37	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	120	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	23	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đông kết); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

6. Số hiệu phương tiện:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02734

Nước nhập khẩu:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu nhập:

Cửa khẩu xuất:

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Lê Văn Chung Ký: Ngày: 02-02-2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2024

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY

Toshitaka Kuzuoka

8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Phú Thọ, ngày 02 tháng 02 năm 2024

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Quang

Liên số: 10 - 20 - 30 - 40

Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ			CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 8 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX				
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ			Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765				
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....			Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....				
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội			Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044				
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	5	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giặt lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chưa TPNH	x			070310	16	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	2	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	34	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tích/chiếu/ọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02734							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Lê Văn Chung Ký: <i>Thuy</i> Ngày: 30-01-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) <i>Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024</i> (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 <i>Phú Thọ, ngày 06 tháng 02 năm 2024</i> (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
 GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
⑥ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú : Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 ; Liên 2 : Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2 ; Liên 3 : Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1) ; Liên 4 : Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH)).							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX					
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội		ĐT: 096 119 2626					
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trại Thôn - Phú Ninh - Phú Thọ		ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:.....		Mã số QLCTNH:.....					
Địa chỉ văn phòng:.....		ĐT:.....					
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)		Mã số QLCTNH: 01.000261.T					
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		ĐT: 024.35250044					
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		ĐT: 024.35250044					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	3	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	2	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	80	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	80	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	50	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
* Ghi lên lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu độc); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: <i>Nguyễn Văn Hồng</i> Ngày: 26-01-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
① Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ				CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 6 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX			
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA				Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX			
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội				ĐT: 096 119 2626			
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thủy - Phú Ninh - Phú Thọ				ĐT: 02103.764.765			
2. Chủ xử lý CTNH 2:.....				Mã số QLCTNH:.....			
Địa chỉ văn phòng:.....				ĐT:.....			
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....				ĐT:.....			
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)				Mã số QLCTNH: 01.000261.T			
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội				ĐT: 024. 35250044			
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội				ĐT: 024. 35250044			
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	11	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giấy lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	97	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đông xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....				Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....			
6. Số hiệu phương tiện:.....				Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng				Ký: <i>Nguyễn Văn Hồng</i>		Ngày: 23-01-2024	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:.....				Ký:.....		Ngày:.....	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin 243164-4 (hoặc 5) Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Phú Thọ, ngày 30 tháng 01 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒							
Ghi chú : Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 ; Liên 2 : Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2 ; Liên 3 : Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1) ; Liên 4 : Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ			CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số NH /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX				
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765							
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:..... Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:.....							
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Mã số QLCTNH: 01.000261.T Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024. 35250044 Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024. 35250044							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) ^a
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	6	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	3	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	39	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	85	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
^a Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lết/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02734							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Lê Văn Chung Ký: <i>Chung</i> Ngày: 19-01-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2024 (Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)							
8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Phú Thọ, ngày 16 tháng 01 năm 2024 (Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)							
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 4 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thủy - Phù Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044					
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	5	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	64	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	43	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	102	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02734							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Lê Văn Chung Ký: <i>Thuy</i> Ngày: 16-01-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				Phù Thọ, ngày 23 tháng 01 năm 2024 <i>Phù Thọ, ngày 23 tháng 01 năm 2024</i>  TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú : Liên 1 : Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 ; Liên 2 : Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2 ; Liên 3 : Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1) ; Liên 4 : Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH)..							



TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ	CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI SỐ: 38/2024/1-2-3-4-5-6.016.VX (HÀ NỘI)						
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA							
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội							
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ							
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765							
2. Chủ xử lý CTNH 2:							
Địa chỉ văn phòng:							
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):							
Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:							
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)							
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội							
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội							
Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	9	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TD
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TD
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TD
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TD
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nếu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	65	TD
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TD
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TD
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lết/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H 20600							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Hoàng Thanh Tùng Ký: <i>Luang</i> Ngày: 12-01-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				Phú Thọ, ngày 19 tháng 01 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
*Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH)..							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THO		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 75 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đồng Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044					
4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	1	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	10	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	4	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	22	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giấy lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	43	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
14	Dung dịch nước tẩy thải có các TPNH		x		070106	-	Xử lý nước
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khắc (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: <i>[Chữ ký]</i> Ngày: 04-10-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Hoàng Thị Kiều Dung			
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHUNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 96 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dãi lý: Khu xử lý rác thải - xã Trại Thân - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044					
4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) ^a
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	7	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	60	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	62	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
14	Dung dịch nước tẩy thải có các TPNH		x		070106	-	Xử lý nước
^a Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đông xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khắc (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02769							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Trịnh Xuân Thuyền Ký:..... Ngày: 08-10-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Phú Thọ, ngày 15 tháng 10 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Hoàng Thị Kiều Dung			
^a Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại giữ lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 77 /2024/J-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trầm Thủy - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	7	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	3	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giấy lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	62	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	-	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao		x		130101	-	TĐ
14	Dung dịch nước tẩy thải có các TPNH		x		070106	-	Xử lý nước
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TM (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 03386							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Trần Lê Thăng Ký: <i>Thăng</i> Ngày: 11-10-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 Phú Thọ, ngày 18 tháng 10 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Hoàng Thị Kiều Dung			
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ				CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 78 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX			
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thôn - Phú Ninh - Phú Thọ				Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765			
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....				Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....			
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội				Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044			
4. Khai khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	1	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	7	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	2	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giặt lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	3	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	51	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	86	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	20	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
14	Dung dịch nước tẩy thải có các TPNH		x		070106	520	Xử lý nước
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cò lết/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02769							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Trịnh Xuân Thuyền Ký: <i>Al</i> Ngày: 15-10-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI) H. MÊ LINH - TP. HÀ NỘI GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA H. PHÚ NINH - T. PHÚ THỌ TRƯỞNG TỔNG GIÁM ĐỐC Hoàng Chi Kiều Dung			
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 79 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đồng Anh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044					
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	1	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	7	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	5	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	1	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	64	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	55	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
14	Dung dịch nước tẩy thải có các TPNH		x		070106	312	Xử lý nước
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khắc (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: <i>Sg hay</i> Ngày: 18-10-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2024 (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 Phú Thọ, ngày 18 tháng 10 năm 2024 (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Hoàng Thị Kiều Dung			
Liên số: ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chu cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 80 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đồng An, Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thán - Phú Ninh - Phú Thọ		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX ĐT: 096 119 2626 ĐT: 02103.764.763					
2. Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.000261.T ĐT: 024. 35250044 ĐT: 024. 35250044					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	3	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	7	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			180201	42	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	60	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
14	Dung dịch nước tẩy thải có các TPNH		x		070106	312	Xử lý nước
[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tấn thu/tải chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đóng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lết/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02705							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Thảo Ký:..... Ngày: 22-10-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Hoàng Thị Kiều Dung			
² Liên số: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải theo khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ			CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI				
			Số: 81 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX				
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA			Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX				
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội			ĐT: 096 119 2626				
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trại Thán - Phú Ninh - Phú Thọ			ĐT: 02103.764.765				
2. Chủ xử lý CTNH 2:			Mã số QLCTNH:				
Địa chỉ văn phòng:			ĐT:				
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):			ĐT:				
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)			Mã số QLCTNH: 01.000261.T				
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội			ĐT: 024. 35250044				
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội			ĐT: 024. 35250044				
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	1	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	6	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	-	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giấy lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	-	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	22	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	2	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mục khác), giấy lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	42	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	80	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	-	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
14	Dung dịch nước tẩy thải có các TPNH		x		070106	312	Xử lý nước
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng Ký: <i>Sqloaf</i> Ngày: 25-10-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 HÀ NỘI, ngày 25 tháng 10 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				 PHÚ THỌ, ngày 25 tháng 10 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
GIAM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Hoàng Thị Kiều Dung			
Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại Chủ nguồn thải ban đầu Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 4: Lưu tại Chủ nguồn thải CTNH cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH.							

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số: 82 /2024/1-2-3-4-5-6.016.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX					
Địa chỉ văn phòng: Số 115, Lô C2, Khu nhà ở 3ha, TT Đông Anh, Hà Nội		ĐT: 096 119 2626					
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải - xã Trạm Thôn - Phú Ninh - Phú Thọ		ĐT: 02103.764.765					
2. Chủ xử lý CTNH 2:.....		Mã số QLCTNH:.....					
Địa chỉ văn phòng:.....		ĐT:.....					
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....		ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)		Mã số QLCTNH: 01.000261.T					
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		ĐT: 024. 35250044					
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội		ĐT: 024. 35250044					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	-	Xử lý bóng đèn
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			180102	6	Tẩy rửa
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103	3	Tẩy rửa
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	x			180101	-	TĐ
5	Các loại dầu mỡ thải		x		160108	-	TĐ
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình		x		070305	140	TĐ
7	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa TPNH	x			070310	-	HR
8	Hộp mực in thải	x			080204	-	TĐ
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mục khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	x			180201	66	TĐ
10	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi sắt)	x			070311	54	Tẩy rửa
11	Phoi kim loại từ quá trình gia công tạo hình (Phoi đồng)	x			070311	18	Tẩy rửa
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170204	-	TĐ
13	Rác thải y tế, rác có nguy cơ lây nhiễm cao	x			130101	-	TĐ
14	Dung dịch nước tẩy thải có cào TPNH		x		070106	312	Xử lý nước
[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sử chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
6. Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30L 3252							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hồng. Ký: <i>[Signature]</i> Ngày: 29-10-2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 Ngày 29 tháng 10 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka				 Ngày 29 tháng 10 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Hoàng Thị Kiều Dung			
[*] Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú: Liên 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1; Liên 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2; Liên 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1); Liên 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH).							

**VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội

Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KH&CN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017

Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 24.S.1.AT.1.03.1/2023

1	Tên mẫu	Mẫu khí thải
2	Tên khách hàng	Công Ty TNHH NIDEC SANKYO Việt Nam (Hà Nội)
3	Địa điểm quan trắc	Đ/c: Lô 37 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.
4	Vị trí đo và lấy mẫu	KT1: Mẫu khí thải sau xử lý của hệ thống lọc bụi tay áo trung tâm 1 công suất 2,2kW xưởng A1 (X:2344425,9 Y:579438,4)
5	Ngày lấy mẫu: 15/03/2023	Ngày phân tích: 16-23/03/2023

TT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả KT1				QCTĐHN 01:2014/BTNMT
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB	
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA method 2	4503	4585	4495	4.527	-
2	Bụi PM	mg/Nm ³	US EPA method 5	73,8	-	-	73,8	200
3	CO	mg/m ³	HD.QT.KT-04	KPHT	KPHT	KPHT	KPHT	1.000
4	SO ₂	mg/m ³	HD.QT.KT-05	KPHT	KPHT	KPHT	KPHT	500
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/m ³	HD.QT.KT-03	KPHT	KPHT	KPHT	KPHT	850
6	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,13	-	-	0,13	5 ⁽¹⁾
7	Toluen	mg/Nm ³		0,69	-	-	0,69	750 ⁽¹⁾
8	Styren	mg/Nm ³		0,72	-	-	0,72	100 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- QCVN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội

⁽¹⁾ QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

(-): Không quy định

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

**ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH****Nguyễn Phan Hương Ly****TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH****Th.S Phạm Hoàng Giang****VIỆN TRƯỞNG****PGS. TS Đinh Ngọc Tấn**

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

3. (*) Các chỉ tiêu phân tích của nhà thầu phụ.

**VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội
Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KH&CN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3A-G/1...A5.1.0.3/2023

1	Tên mẫu	Mẫu khí thải
2	Tên khách hàng	Công Ty TNHH NIDEC SANKYO Việt Nam (Hà Nội)
3	Địa điểm quan trắc	Đ/c: Lô 37 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.
4	Vị trí đo và lấy mẫu	KT2: Mẫu khí thải sau xử lý của hệ thống lọc bụi tay áo trung tâm 2 công suất 2,2kW xưởng A1 (X:2344426.7, Y:579348.4)
5	Ngày lấy mẫu: 15/03/2023	Ngày phân tích: 16-23/03/2023

TT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả KT2				QCTĐHN 01:2014/BTNMT
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB	
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA method 2	5828	5794	5845	5822	-
2	Bụi PM	mg/Nm ³	US EPA method 5	79,6	-	-	79,6	200
3	CO	mg/m ³	HD.QT.KT-04	KPHT	KPHT	KPHT	KPHT	1.000
4	SO ₂	mg/m ³	HD.QT.KT-05	KPHT	KPHT	KPHT	KPHT	500
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/m ³	HD.QT.KT-03	KPHT	KPHT	KPHT	KPHT	850
6	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,37	-	-	0,37	5 ^(*)
7	Toluen	mg/Nm ³		0,72	-	-	0,72	750 ^(*)
8	Styren	mg/Nm ³		0,27	-	-	0,27	100 ^(*)

Ghi chú:

QCVN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội

^(*) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

(-): Không quy định

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

**ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH****Nguyễn Phan Hương Ly****TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH****Th.S Phạm Hoàng Giang****VIỆN TRƯỞNG****PGS. TS Đinh Ngọc Tấn**

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.
- (*) Các chỉ tiêu phân tích của nhà thầu phụ.

**VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội

Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017

Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 71-2-1-15-1-13/2023

1	Tên mẫu	Mẫu khí thải
2	Tên khách hàng	Công Ty TNHH NIDEC SANKYO Việt Nam (Hà Nội)
3	Địa điểm quan trắc	Đ/c: Lô 37 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.
4	Vị trí đo và lấy mẫu	KT3: Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 3 công suất 4kW xưởng A1 (X:2344476.3, Y:579437.1)
5	Ngày lấy mẫu: 15/03/2023	Ngày phân tích: 16-23/03/2023

TT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả KT3				QCTĐHN 01:2014/BTNMT
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB	
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA method 2	2185	2230	2166	2193	-
2	Bụi PM	mg/Nm ³	US EPA method 5	84,4	-	-	84,4	200
3	CO	mg/m ³	HD.QT.KT-04	KPHT	KPHT	KPHT	KPHT	1.000
4	SO ₂	mg/m ³	HD.QT.KT-05	KPHT	KPHT	KPHT	KPHT	500
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/m ³	HD.QT.KT-03	KPHT	KPHT	KPHT	KPHT	850
6	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,12	-	-	0,12	5 ⁽¹⁾
7	Toluen	mg/Nm ³		0,58	-	-	0,58	750 ⁽¹⁾
8	Styren	mg/Nm ³		0,20	-	-	0,20	100 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- QCVN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội

⁽¹⁾ QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

(-): Không quy định

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

**ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH****Nguyễn Phan Hương Ly****TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH****Th.S Phạm Hoàng Giang****VIỆN TRƯỞNG****PGS.TS Đinh Ngọc Tấn**

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

3. (*) Các chỉ tiêu phân tích của nhà thầu phụ.

**VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội
Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 71-8/15.03/2023

1	Tên mẫu	Mẫu khí thải
2	Tên khách hàng	Công Ty TNHH NIDEC SANKYO Việt Nam (Hà Nội)
3	Địa điểm quan trắc	Đ/c; Lô 37 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.
4	Vị trí đo và lấy mẫu	KT4: Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 4 công suất 2,2kW xưởng A1 (X:234445.5, Y:579458.5)
5	Ngày lấy mẫu: 15/03/2023	Ngày phân tích: 16-23/03/2023

TT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả KT4				QCTĐHN 01:2014/BTNMT
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB	
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA method 2	2253	2098	2176	2175	-
2	Bụi PM	mg/Nm ³	US EPA method 5	76,5	-	-	76,5	200
3	CO	mg/m ³	HD.QT.KT-04	KPHT	KPHT	KPHT	KPHT	1.000
4	SO ₂	mg/m ³	HD.QT.KT-05	KPHT	KPHT	KPHT	KPHT	500
5	NOx (tính theo NO ₂)	mg/m ³	HD.QT.KT-03	KPHT	KPHT	KPHT	KPHT	850
6	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,38	-	-	0,38	5 ⁽¹⁾
7	Toluen	mg/Nm ³		0,75	-	-	0,75	750 ⁽¹⁾
8	Styren	mg/Nm ³		0,53	-	-	0,53	100 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- QCVN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội

⁽¹⁾ QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

(-): Không quy định

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

**ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH**

Nguyễn Phan Hương Ly

**TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH**

Th.S Phạm Hoàng Giang

VIỆN TRƯỞNG

PGS.TS Đinh Ngọc Tấn

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.
- (*) Các chỉ tiêu phân tích của nhà thầu phụ.

**VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội
Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 71-3.1.45.1.03.1 2023

1	Tên mẫu	Mẫu khí thải
2	Tên khách hàng	Công Ty TNHH NIDEC SANKYO Việt Nam (Hà Nội)
3	Địa điểm quan trắc	Đ/c: Lô 37 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.
4	Vị trí đo và lấy mẫu	KT5: Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 5 công suất 4kW xưởng A1 (X:2344414,2; Y:579450,7)
5	Ngày lấy mẫu: 15/03/2023	Ngày phân tích: 16-23/03/2023

TT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả KT5				QCTĐHN 01:2014/BTNMT
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB	
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA method 2	3.038	3115	3084	3079	-
2	Bụi PM	mg/Nm ³	US EPA method 5	77,4	-	-	77,4	200
3	CO	mg/m ³	HD.QT.KT-04	KPHT	KPHT	KPHT	KPHT	1.000
4	SO ₂	mg/m ³	HD.QT.KT-05	KPHT	KPHT	KPHT	KPHT	500
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/m ³	HD.QT.KT-03	KPHT	KPHT	KPHT	KPHT	850
6	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,16	-	-	0,16	5 ⁽¹⁾
7	Toluen	mg/Nm ³		0,51	-	-	0,51	750 ⁽¹⁾
8	Styren	mg/Nm ³		0,13	-	-	0,13	100 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- QCVN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội

⁽¹⁾ QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

(-): Không quy định

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

**ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH**

Nguyễn Phan Hương Ly

**TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH**

Th.S Phạm Hoàng Giang

VIỆN TRƯỞNG



PGS.TS Đinh Ngọc Tấn

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.
- (*) Các chỉ tiêu phân tích của nhà thầu phụ.

**VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội

Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017

Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆMSố: ~~7~~ / 10 / 157.03 / 2023

1	Tên mẫu	Mẫu khí thải
2	Tên khách hàng	Công Ty TNHH NIDEC SANKYO Việt Nam (Hà Nội)
3	Địa điểm quan trắc	Đ/c; Lô 37 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.
4	Vị trí đo và lấy mẫu	KT6: Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 6 công suất 1,5 kW xưởng AI (X:2344398,9; Y:579359,3)
5	Ngày lấy mẫu: 15/03/2023	Ngày phân tích: 16-23/03/2023

TT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả KT6				QCTĐHN 01:2014/BTNMT
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB	
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA method 2	1246	1215	1293	1251	-
2	Bụi PM	mg/Nm ³	US EPA method 5	83,2	-	-	83,2	200
3	CO	mg/m ³	HD.QT.KT-04	KPHT	KPHT	KPHT	KPHT	1.000
4	SO ₂	mg/m ³	HD.QT.KT-05	KPHT	KPHT	KPHT	KPHT	500
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/m ³	HD.QT.KT-03	KPHT	KPHT	KPHT	KPHT	850
6	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,13	-	-	0,13	5 ⁽¹⁾
7	Toluen	mg/Nm ³		0,65	-	-	0,65	750 ⁽¹⁾
8	Styren	mg/Nm ³		0,26	-	-	0,26	100 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- QCVN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội

⁽¹⁾ QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

(-): Không quy định

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

**ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH**

Nguyễn Phan Hương Ly

**TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH**

Th.S Phạm Hoàng Giang

VIỆN TRƯỞNG

PGS-TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

3. (*) Các chỉ tiêu phân tích của nhà thầu phụ.

**VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội

Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KH&CN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017

Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 21.11/...15.1.03.1/2023

1	Tên mẫu	Mẫu khí thải
2	Tên khách hàng	Công Ty TNHH NIDEC SANKYO Việt Nam (Hà Nội)
3	Địa điểm quan trắc	Đ/c: Lô 37 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.
4	Vị trí đo và lấy mẫu	KT7: Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 7 công suất 4kW xưởng A2 (X:234448,6; Y:579334,2)
5	Ngày lấy mẫu: 15/03/2023	Ngày phân tích: 16-23/03/2023

TT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả KT7				QCVN 01:2014/ BTNMT
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB	
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA method 2	3245	3156	3221	3207	-
2	Bụi PM	mg/Nm ³	US EPA method 5	92,3	-	-	92,3	200
3	CO	mg/Nm ³	HD.QT.KT-04	KPHT	KPHT	KPHT	KPHT	1.000
4	SO ₂	mg/Nm ³	HD.QT.KT-05	2,62	5,24	2,62	3,49	500
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	HD.QT.KT-03	0,752	0,94	0,752	0,815	850
6	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,22	-	-	0,22	5 ⁽¹⁾
7	Toluen	mg/Nm ³		0,66	-	-	0,66	750 ⁽¹⁾
8	Styren	mg/Nm ³		0,25	-	-	0,25	100 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- QCVN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội

⁽¹⁾ QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

(-): Không quy định

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

**ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH**

Nguyễn Phan Hương Ly

**TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH**

Th.S Phạm Hoàng Giang

VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

3. (*) Các chỉ tiêu phân tích của nhà thầu phụ.

**VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội

Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017

Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 71-121.15.103.1/2023

1	Tên mẫu	Mẫu nước thải
2	Tên khách hàng	Công Ty TNHH NIDEC SANKYO Việt Nam (Hà Nội)
3	Địa điểm quan trắc	Đ/c: Lô 37 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.
4	Vị trí đo và lấy mẫu	NT1: Nước thải trước khi vào hệ thống xử lý (X: 2344446,8, Y: 579284,0) NT2: Nước thải sau khi xử lý (X: 2344463,8, Y: 579297,3)
5	Ngày lấy mẫu: 15/03/2023	Ngày phân tích: 16-23/03/2023

TT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả		QCVN 40:2011/BTNMT	
				NT1	NT2	Cột A	Cột B
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	23,5	23,1	40	40
2	Màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015 (C)	64,3	26,5	50	150
3	pH	-	TCVN 6492:2011	6,9	6,9	6 – 9	5,5 – 9
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	102,5	24,8	30	50
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	185,6	48,0	75	150
6	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	83	34	50	100
7	As	mg/L	TCVN 6626:2000	<0,001	<0,001	0,05	0,1
8	Hg	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0002	<0,0002	0,005	0,01
9	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2017	<0,001	<0,001	0,1	0,5
10	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2017	<0,0001	<0,0001	0,05	0,1
11	Cr (III)	mg/L	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500- Cr.B:2017	<0,01	<0,01	0,2	1
12	Cr (VI)	mg/L	SMEWW 3500- Cr.B:2017	<0,01	<0,01	0,05	0,1
13	Cu	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,453	0,428	2	2
14	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,196	0,11	3	3
15	Ni	mg/L	SMEWW 3113B:2017	<0,001	<0,001	0,2	0,5
16	Mn	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,27	0,22	0,5	1
17	Fe	mg/L	SMEWW 3500.Fe.B:2017	3,24	0,32	1	5
18	CN-	mg/L	TCVN 6181:1996	<0,002	<0,002	0,07	0,1
19	Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,001	<0,001	0,1	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	14,6	1,2	5,0	10
21	Sunfua	mg/L	TCVN 6637:2000	0,82	0,07	0,2	0,5
22	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F- .B&D:2017	<0,02	<0,02	5	10
23	Amoni	mg/L	TCVN 6179-:1996	45,1	2,5	5	10

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

3. (*) Các chỉ tiêu phân tích của nhà thầu phụ.



VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội
Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KH&CN Tp. Hà Nội cấp, ngày 08/12/2017
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: / / / 2023

24	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	103,4	15,2	20	40
25	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	4,4	0,6	4,0	6
26	Clorua	mg/L	TCVN 6194:1996	284,8	212,5	500	1.000
27	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,24	0,21	1,0	2
28	Hóa chất BVTV clo hữu cơ (alpha HCH)	µg/L	US EPA method 3510C+ US EPA method 3620C+ US EPA method 8270D	<0,01	<0,01	0,05	0,1
29	Hóa chất BVTV photpho hữu cơ (Diazinon)	µg/L	US EPA method 3510C+ US EPA method 3620C+ US EPA method 8270D	<0,03	<0,03	0,3	1
30	PCB*	mg/L	US EPA Method 3510C US EPA Method 3620C US EPA Method 8270D	<0,00005	<0,00005	0,003	0,01
31	Coliform	MPN /100 mL	SMEWW 9221B:2017	7.500	2.300	3.000	5.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α*	Bq/L	TCVN 6053:2011	<0,02	<0,02	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β*	Bq/L	TCVN 6219:2011	<0,2	<0,2	1,0	1,0

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- Cột A Bảng 1 quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- Cột B Bảng 1 quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện

**ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH**

Nguyễn Phan Hương Ly

**TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH**

Th.S Phạm Hoàng Giang

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.
3. (*) Các chỉ tiêu phân tích của nhà thầu phụ.



VIMCER TS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-VNY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Website: <https://dainamenvm.com> Email: ntdatnam@gmail.com
Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 5555/2023/23.1668/KQTN-ĐN



AOSC
VLAT 1.0458
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam (Hà Nội)
Địa chỉ : Lô 37 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Lô 37 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Loại mẫu : Khí thải
Mã mẫu : 230629.KT.007, KT.026, KT.027
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 29/06/2023
Ngày trả kết quả: 13/07/2023

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả				QCVN 19:2009/BTNMT
				KT1.1	KT1.2	KT1.3	Trung bình	
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	4,612	-	-	-	Cột B
2	CO	SOP - MTĐN - KT 07	mg/Nm ³	1,67	1,74	1,74	1,72	1.000
3	SO ₂	SOP - MTĐN - KT 07	mg/Nm ³	3,67	3,85	4,38	3,97	500
4	NO _x (tính theo NO ₂)	SOP - MTĐN - KT 07	mg/Nm ³	3,30	3,08	3,22	3,20	850
5	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	68,0	-	-	-	200
6	Benzen	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,4)	-	-	-	5 ⁽¹⁾
7	Toluene	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,5)	-	-	-	750 ⁽¹⁾
8	VOCs (Styrene)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,2)	-	-	-	100 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc. Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếm sai từ khách hàng.
- (1) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenvm.com>

Email: mdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT1.1: Mẫu khí thải sau xử lý của hệ thống lọc bụi tay áo trung tâm 1 công suất 2,2kW xường A1. Tọa độ: 21°11'31.309", 105°46'0.067"

+ KT1.2: Mẫu khí thải sau xử lý của hệ thống lọc bụi tay áo trung tâm 1 công suất 2,2kW xường A1 lần 2. Tọa độ: 21°11'31.309", 105°46'0.067"

+ KT1.3: Mẫu khí thải sau xử lý của hệ thống lọc bụi tay áo trung tâm 1 công suất 2,2kW xường A1 lần 3. Tọa độ: 21°11'31.309", 105°46'0.067"

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

+ Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2023

P. GIÁM ĐỐC,

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH



Phạm Văn Huân



Nguyễn Việt Cường

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT-4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Website: <https://dainamenvm.com> Email: mtdainam@gmail.com
Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1934/2023/23.1668/KQTN-ĐN

Tên khách hàng : Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam (Hà Nội)
Địa chỉ : Lô 37 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Lô 37 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Loại mẫu : Khí thải
Mã mẫu : 230629.KT.008, KT.028, KT.029
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 29/06/2023

Ngày trả kết quả: 13/07/2023

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả				QCVN 19:2009/BTNMT
				KT2.1	KT2.2	KT2.3	Trung bình	
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	4,628	-	-	-	-
2	CO	SOP - MTĐN - KT 07	mg/Nm ³	1,82	1,60	1,74	1,72	1.000
3	SO ₂	SOP - MTĐN - KT 07	mg/Nm ³	4,02	4,01	4,38	4,14	500
4	NO _x (tính theo NO ₂)	SOP - MTĐN - KT 07	mg/Nm ³	3,30	3,33	3,33	3,32	850
5	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	74,0	-	-	-	200
6	Benzen	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,4)	-	-	-	5 ⁽¹⁾
7	Toluene	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,5)	-	-	-	750 ⁽¹⁾
8	VOCs (Styrene)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,2)	-	-	-	100 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc. Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày. Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
- (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VINCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, Khu nhà ở Trung Váo, P.Trung Váo, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Website: <https://dainamenvm.com> Email: mdainam@gmail.com
Hotline: 024.22800777

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;

- Vị trí lấy mẫu:

- + KT2.1: Mẫu khí thải sau xử lý của hệ thống lọc bụi tay áo trung tâm 2 công suất 2,2kW xưởng AI Tọa độ: 21°11'32.104", 105°46'0.919"
- + KT2.2: Mẫu khí thải sau xử lý của hệ thống lọc bụi tay áo trung tâm 2 công suất 2,2kW xưởng AI lần 2. Tọa độ: 21°11'32.104", 105°46'0.919"
- + KT2.3: Mẫu khí thải sau xử lý của hệ thống lọc bụi tay áo trung tâm 2 công suất 2,2kW xưởng AI lần 3. Tọa độ: 21°11'32.104", 105°46'0.919"

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- + Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.
- + QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2023

P. GIÁM ĐỐC

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH



Phạm Văn Huân



Nguyễn Việt Cường

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc. Công ty không chịu trách nhiệm lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Website: <https://dainamenvm.com> Email: midainam@gmail.com
Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 393.1/2023/23.1668/KQTN-ĐN



Tên khách hàng : Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam (Hà Nội)
Địa chỉ : Lô 37 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Lô 37 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Loại mẫu : Khí thải
Mã mẫu : 230629.KT.009, KT.030, KT.031
Ngày quan trắc/ : 29/06/2023
nhận mẫu

Ngày trả kết quả: 13/07/2023

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả				QCVN	
				KT3.1	KT3.2	KT3.3	Trung bình	19:2009/BTNMT	Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	1.034	-	-	-	-	-
2	CO	SOP - MTĐN - KT 07	mg/Nm ³	0,76	0,46	0,59	0,60	1.000	-
3	SO ₂	SOP - MTĐN - KT 07	mg/Nm ³	1,22	1,39	1,39	1,33	500	-
4	NO _x (tính theo NO ₂)	SOP - MTĐN - KT 07	mg/Nm ³	0,98	0,98	0,98	0,98	850	-
5	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	59,0	-	-	-	200	-
6	Benzen	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,4)	-	-	-	5 ⁽¹⁾	-
7	Toluene	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,5)	-	-	-	750 ⁽¹⁾	-
8	VOCs (Styrene)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,2)	-	-	-	100 ⁽¹⁾	-

Ghi chú:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu đo khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenvm.com> Email: midainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;

- Vị trí lấy mẫu:

- + KT3.1: Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 3 công suất 4kW xường A1. Tọa độ: 21°11'34.444", 105°46'1.012"
- + KT3.2: Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 3 công suất 4kW xường A1 lần 2. Tọa độ: 21°11'34.444", 105°46'1.012"
- + KT3.3: Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 3 công suất 4kW xường A1 lần 3. Tọa độ: 21°11'34.444", 105°46'1.012"

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- + Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với : Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015;
- + QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2023



Phạm Văn Huân



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc. Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Website: <https://dainamenvm.com> Email: mdainam@gmail.com
Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 332.2023/23.1668/KQTN-DN



Tên khách hàng : Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam (Hà Nội)
Địa chỉ : Lô 37 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Lô 37 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Loại mẫu : Khí thải
Mã mẫu : 230629.KT.010, KT.032, KT.033
Ngày quan trắc/ : 29/06/2023
nhận mẫu :

Ngày trả kết quả: 13/07/2023

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả				QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
				KT4.1	KT4.2	KT4.3	Trung bình	
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	2.264	-	-	-	-
2	CO	SOP - MTĐN - KT 07	mg/Nm ³	0,76	0,68	0,54	0,66	1.000
3	SO ₂	SOP - MTĐN - KT 07	mg/Nm ³	1,22	1,39	1,05	1,22	500
4	NO _x (tính theo NO ₂)	SOP - MTĐN - KT 07	mg/Nm ³	0,95	1,00	0,98	0,98	850
5	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	56,0	-	-	-	200
6	Benzen	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,4)	-	-	-	5 ⁽¹⁾
7	Toluene	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,5)	-	-	-	750 ⁽¹⁾
8	VOCs (Styrene)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,2)	-	-	-	100 ⁽¹⁾

Ghi chú:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu đo khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc. Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Website: <https://dainamenvm.com> Email: ntdainam@gmail.com
Hotline: 024.22800777

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;

- Vị trí lấy mẫu:

- + KT4.1: Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 4 công suất 2,2kW xưởng A1. Tọa độ: 21°11'31.590", 105°45'87.270"
- + KT4.2: Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 4 công suất 2,2kW xưởng A1 lần 2. Tọa độ: 21°11'31.590", 105°45'87.270"
- + KT4.3: Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 4 công suất 2,2kW xưởng A1 lần 3. Tọa độ: 21°11'31.590", 105°45'87.270"

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- + Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với : Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.
- + (1)QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH



Phạm Văn Huân

Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Cường

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Website: <https://dainamenvm.com> Email: midatnam@gmail.com
Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 22574/2023/23.1668/KQTN-ĐN



Tên khách hàng : Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam (Hà Nội)
Địa chỉ : Lô 37 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Lô 37 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Loại mẫu : Khí thải
Mã mẫu : 230629.KT.011, KT.034, KT.035
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 29/06/2023
Ngày trả kết quả: 13/07/2023

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả				QCVN 19:2009/BTNMT
				KT5.1	KT5.2	KT5.3	Trung bình	
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	3.000	-	-	-	Cột B
2	CO	SOP - MTĐN - KT 07	mg/Nm ³	0,53	0,68	0,54	0,58	1.000
3	SO ₂	SOP - MTĐN - KT 07	mg/Nm ³	1,22	1,39	1,57	1,39	500
4	NO _x (tính theo NO ₂)	SOP - MTĐN - KT 07	mg/Nm ³	0,92	0,98	0,92	0,94	850
5	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	63,0	-	-	-	200
6	Benzen	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,4)	-	-	-	5 ⁽¹⁾
7	Toluene	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,5)	-	-	-	750 ⁽¹⁾
8	VOCs (Styrene)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,2)	-	-	-	100 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
- (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Website: <https://dainamenvi.com> Email: ntdainam@gmail.com
Hotline: 024.22800777

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;

- Vị trí lấy mẫu:

- + KT5.1: Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 5 công suất 4kW xưởng A1. Tọa độ: 21°11'34.457", 105°46'1.267"
- + KT5.2: Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 5 công suất 4kW xưởng A1 lần 2. Tọa độ: 21°11'34.457", 105°46'1.267"
- + KT5.3: Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 5 công suất 4kW xưởng A1 lần 3. Tọa độ: 21°11'34.457", 105°46'1.267"

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- + Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.
- + (1)QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ



Phạm Văn Huân

Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2023



Nguyễn Việt Cường

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Website: <https://datnamenv.com> Email: mtddnam@gmail.com
Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 335.2023/23.1668/KQTN-ĐN



Tên khách hàng : Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam (Hà Nội)
Địa chỉ : Lô 37 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Lô 37 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Loại mẫu : Khí thải
Mã mẫu : 230629.KT.012, KT.036, KT.037
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 29/06/2023
Ngày trả kết quả: 13/07/2023

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả				QCVN 19:2009/BNMT
				KT6.1	KT6.2	KT6.3	Trung bình	
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	1,500	-	-	-	-
2	CO	SOP - MTĐN - KT 07	mg/Nm ³	0,46	0,68	0,54	0,56	1.000
3	SO ₂	SOP - MTĐN - KT 07	mg/Nm ³	1,57	1,76	1,57	1,63	500
4	NO _x (tính theo NO ₂)	SOP - MTĐN - KT 07	mg/Nm ³	0,90	0,88	0,87	- 0,88	850
5	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	87,0	-	-	-	200
6	Benzen	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,4)	-	-	-	5 ⁽¹⁾
7	Toluene	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,5)	-	-	-	750 ⁽¹⁾
8	VOCs (Styrene)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,2)	-	-	-	100 ⁽¹⁾

Ghi chú:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc. Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Website: <https://dainamenvm.com> Email: mdainam@gmail.com
Hotline: 024.22800777

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;
- Vị trí lấy mẫu:
- + KT6.1: Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 6 công suất 1,5kW xường A2. Tọa độ: 21°11'34.487", 105°45'57.424"
- + KT6.2: Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 6 công suất 1,5kW xường A2 lần 2. Tọa độ: 21°11'34.487", 105°45'57.424"
- + KT6.3: Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 6 công suất 1,5kW xường A2 lần 3. Tọa độ: 21°11'34.487", 105°45'57.424"
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- + Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với : Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.
- + QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH



Phạm Văn Huân

Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2023

P. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Cường

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Website: <https://dainamenvi.com> Email: mtdainam@gmail.com
Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2236/2023/23.1668/KQTN-ĐN



Tên khách hàng : Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam (Hà Nội)
Địa chỉ : Lô 37 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Lô 37 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Loại mẫu : Khí thải
Mã mẫu : 230629.KT.013, KT.038, KT.039
Ngày quan trắc/ : 29/06/2023
nhận mẫu

Ngày trả kết quả: 13/07/2023

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả				QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
				KT7.1	KT7.2	KT7.3	Trung bình	
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	3.000	-	-	-	-
2	CO	SOP - MTĐN - KT 07	mg/Nm ³	0,61	0,54	0,68	0,61	1.000
3	SO ₂	SOP - MTĐN - KT 07	mg/Nm ³	1,57	1,23	1,39	1,40	500
4	NO _x (tính theo NO ₂)	SOP - MTĐN - KT 07	mg/Nm ³	0,98	0,92	1,03	0,98	850
5	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	60,0	-	-	-	200
6	Benzen	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,4)	-	-	-	5 ⁽¹⁾
7	Toluene	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH ⁺ (MDL=0,5)	-	-	-	750 ⁽¹⁾
8	VOCs (Styrene)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,2)	-	-	-	100 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
- (*) Quy chuẩn về môi trường không quy định.



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Website: <https://datnamenvi.com> Email: midatnam@gmail.com
Hotline: 024.22800777

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;

- Vị trí lấy mẫu:

- + KT7.1: Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 7 công suất 4kW xưởng A1. Tọa độ: 21°11'29.546", 105°45'57.217"
- + KT7.2: Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 7 công suất 4kW xưởng A1 lần 2. Tọa độ: 21°11'29.546", 105°45'57.217"
- + KT7.3: Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 7 công suất 4kW xưởng A1 lần 3. Tọa độ: 21°11'29.546", 105°45'57.217"

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- + Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với : Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, chế biến, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.
- + QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH



Phạm Văn Huân

Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Cường

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenvm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3931.../2023/23.1668/KQTN-ĐN



Tên khách hàng : Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam (Hà Nội)
Địa chỉ : Lô 37 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Lô 37 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Loại mẫu : Nước thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 230629.NT.002
Ngày quan trắc/
nhận mẫu : 29/06/2023 Ngày trả kết quả: 13/07/2023

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
				NT1	Cột A	Cột B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,2	6 - 9	5,5 ÷ 9
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550.B:2017	°C	26,5	40	40
3	Độ màu	TCVN 6185:2015	Pt-Co	160	50	150
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	45	50	100
5	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)(20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	127	30	50
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	mg/L	308	75	150
7	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	28,38	5	10
8	Tổng photpho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/L	4,42	4	6
9	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	mg/L	51,33	20	40
10	Clo dư	TCVN 6225-3:2011	mg/L	KPH (MDL= 0,25)	1	2
11	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	60,23	500	1.000
12	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500F-B&D:2017	mg/L	1,46	5	10
13	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	0,45	0,2	0,5
14	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	2,9	5	10
15	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	KPH (MDL= 0,002)	0,1	0,5
16	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	KPH (MDL=0,002)	0,07	0,1
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	SMEWW 3500Cr.B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,004)	0,05	0,1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P. Trung Văn, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
				NT1	Cột A	Cột B
18	Crom III (Cr^{3+})	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500-Cr.B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,055)	0,2	1
19	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,57	1	5
20	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,05)	0,5	1
21	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,095)	2	2
22	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,1)	3	3
23	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,01)	0,2	0,5
24	Asen (As)	SMEWW 3114B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,002)	0,05	0,1
25	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	<0,0003 (LOQ=0,0003)	0,05	0,1
26	Chì (Pb)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	<0,045 (LOQ=0,045)	0,1	0,5
27	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0007)	0,005	0,01
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ ^(e)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	µg/L	<0,021 (LOQ=0,021)	50	100
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ^(e)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	µg/L	KPH (MDL=0,002)	300	1.000
30	Tổng PCB ^(e)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,003	0,01
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	TCVN 8879:2011 + TCVN 6053:2011	Bq/L	KPH (MDL=0,02)	0,1	0,1
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 8879:2011 + TCVN 6219:2011	Bq/L	KPH (MDL=0,25)	1,0	1
33	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100mL	54x10 ³	3000	5000

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;

- (e): Tổng hàm lượng các hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ trả dựa trên tổng giá trị các cấu tử được công nhận trong QĐ 2544/QĐ-BTNMT và QĐ 09/GCN-BTNMT ;

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

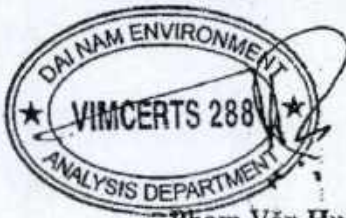
Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

- (f): Tổng hàm lượng các hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ trả dựa tổng giá trị các cấu tử được công nhận trong QĐ 2544/QĐ-BTNMT và QĐ 09/GCN-BTNMT ;
- (g): Tổng hàm lượng các hóa chất PCBs trả dựa trên tổng giá trị các cấu tử được công nhận trong QĐ 2544/QĐ-BTNMT và QĐ 09/GCN-BTNMT ;
- Vị trí lấy mẫu:
 - + NT1: Nước thải trước khi vào hệ thống xử lý. Tọa độ: 21°11'31.457", 105°46'1.267"
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
 - + Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
 - + Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2023

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH



Phạm Văn Huân

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Cường

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P. Trung Văn, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenvm.com>

Email: midainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 5938/2023/23.1668/KQTN-ĐN



Tên khách hàng : Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam (Hà Nội)
Địa chỉ : Lô 37 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Lô 37 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Loại mẫu : Nước thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 230629.NT.003
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 29/06/2023 Ngày trả kết quả: 13/07/2023

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
				NT2	Cột A	Cột B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	6 - 9	5,5 - 9
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550.B:2017	°C	26,5	40	40
3	Độ màu	TCVN 6185:2015	Pt-Co	<15 (LOQ=15)	50	150
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	11	50	100
5	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)(20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	8	30	50
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	mg/L	22	75	150
7	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,06 (LOQ=0,06)	5	10
8	Tổng photpho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/L	2,38	4	6
9	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	mg/L	16,81	20	40
10	Clo dư	TCVN 6225-3:2011	mg/L	0,77	1	2
11	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	31,87	500	1.000
12	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500F-B&D:2017	mg/L	0,43	5	10
13	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	KPH (MDL=0,035)	0,2	0,5
14	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	<0,9 (LOQ=0,9)	5	10
15	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	KPH (MDL=0,002)	0,1	0,5
16	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	KPH (MDL=0,002)	0,07	0,1
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	SMEWW	mg/L	KPH	0,05	0,1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
				NT2	Cột A	Cột B
		3500Cr.B:2017		(MDL=0,004)		
18	Crom III (Cr ³⁺)	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500-Cr.B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,055)	0,2	1
19	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/L	KPH (MDL=0,025)	1	5
20	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,05)	0,5	1
21	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,095)	2	2
22	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,1)	3	3
23	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	<0,03 (LOQ=0,03)	0,2	0,5
24	Asen (As)	SMEWW 3114B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,002)	0,05	0,1
25	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0001)	0,05	0,1
26	Chì (Pb)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,0486	0,1	0,5
27	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0007)	0,005	0,01
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ ^(e)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	µg/L	<0,021 (LOQ=0,021)	50	100
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ^(f)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	µg/L	KPH (MDL=0,002)	300	1.000
30	Tổng PCB ^(g)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,003	0,01
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	TCVN 8879:2011 + TCVN 6053:2011	Bq/L	KPH (MDL=0,02)	0,1	0,1
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 8879:2011 + TCVN 6219:2011	Bq/L	KPH (MDL=0,25)	1,0	1
33	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100mL	1,2x10 ³	3000	5000

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com> Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

- (e): Tổng hàm lượng các hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ trả dựa trên tổng giá trị các cấu tử được công nhận trong QĐ 2544/QĐ-BTNMT và QĐ 09/GCN-BTNMT ;
- (f): Tổng hàm lượng các hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ trả dựa tổng giá trị các cấu tử được công nhận trong QĐ 2544/QĐ-BTNMT và QĐ 09/GCN-BTNMT ;
- (g): Tổng hàm lượng các hóa chất PCBs trả dựa trên tổng giá trị các cấu tử được công nhận trong QĐ 2544/QĐ-BTNMT và QĐ 09/GCN-BTNMT ;
- **Vị trí lấy mẫu:**
 - + NT2: Nước thải sau khi xử lý. Tọa độ: 21°11'30.599", 105°45'58.182"
- **Quy chuẩn so sánh:**
 - + QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
 - + Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
 - + Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2023

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH



Phạm Văn Huân



Nguyễn Việt Cường

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liền kề 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
Điện thoại: 0243.202.8865 Email: phantich.ecvn@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01677.1/2023/PKQ

Đơn vị yêu cầu quan trắc : CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)
Địa chỉ : Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 27/09/2023 Thời gian phân tích: 27/09/2023 – 07/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích				QCTĐHN 01:2014/ BTNMT
				A2309/1084				Cmax
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB	
1.	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	3.274	-	-	-	-
2.	CO ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	1000
3.	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	850
4.	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	450
5.	Bụi tổng ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	4,6	-	-	-	200
6.	Toluen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	-	-	-	750 ¹
7.	Styren ^(a)	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,03)	-	-	-	100 ¹
8.	Benzene ^(a)	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,03)	-	-	-	5 ¹

Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:

+ A2309/1084: KT1/01/27.09.2023/Mẫu khí thải sau xử lý của hệ thống lọc bụi tay áo trung tâm 1 công suất 2,2kW xường A1 (X:2344425,9 Y:579438,4).

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (Cmax= C*Kp*Kv trong đó Kp = 1, Kv = 1 với thông số CO,NO₂, Kv=0,9 với thông số SO₂).

+ ¹QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 3. Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liền kề 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

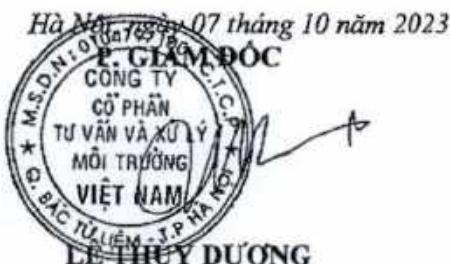
Điện thoại: 0243.202.8865

Email: phantich.ecvn@gmail.com

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; TB: giá trị trung bình của các lần đo; (-) Không quy định hoặc không phân tích.

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG



1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 3. Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01697/2023/PKQ

Đơn vị yêu cầu quan trắc : CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)
Địa chỉ : Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 05/10/2023 Thời gian phân tích: 05/10/2023 – 12/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích				QCTĐHN 01:2014 /BTNMT
				A2310/1206				Cmax
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB	
1.	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.237	-	-	-	-
2.	CO ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	1000
3.	NO _x (tính theo NO ₂) ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	850
4.	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	450
5.	Bụi tổng ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	2,17	-	-	-	200
6.	Toluen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL =0,03)	-	-	-	750 ¹
7.	Styren ^(a)	mg/Nm ³		KPH (MDL =0,03)	-	-	-	100 ¹
8.	Benzene ^(a)	mg/Nm ³		KPH (MDL =0,03)	-	-	-	5 ¹

Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:

+ A2310/1206: KT1/01/05.10.2023/ Mẫu khí thải sau xử lý của hệ thống lọc bụi tay áo trung tâm 2 công suất 2,2kW xưởng A1 (X:2344426.7, Y:579348.4).

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (Cmax= C*Kp*Kv trong đó Kp = 1, Kv = 1 với thông số CO,NO₂, Kv=0,9 với thông số SO₂).

+ ¹QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
3. Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận VIMCERTS. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liên kè 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
Điện thoại: 0243.202.8865 Email: phantich.ecvn@gmail.com

chất hữu cơ.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; TB: giá trị trung bình của các lần đo; (-) Không quy định hoặc không phân tích.

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2023
P. GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ
MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM
Q. BẮC TỪ LIÊM - TP HÀ NỘI
LÊ THUY DƯƠNG

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 3. Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vincerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liền kề 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
Điện thoại: 0243.202.8865 Email: phantich.ecvn@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01676.1/2023/PKQ

Đơn vị yêu cầu quan trắc : CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)
Địa chỉ : Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 26/09/2023 Thời gian phân tích: 26/09/2023 – 07/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích				QCTĐHN 01:2014/ BTNMT
				A2309/1080				Cmax
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB	
1.	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	771	-	-	-	-
2.	CO ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	1000
3.	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	850
4.	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	450
5.	Bụi tổng ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	3,27	-	-	-	200
6.	Toluen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL= 0,03)	-	-	-	750 ¹
7.	Styren ^(a)	mg/Nm ³		KPH (MDL= 0,03)	-	-	-	100 ¹
8.	Benzene ^(a)	mg/Nm ³		KPH (MDL= 0,03)	-	-	-	5 ¹

Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:

+ A2309/1080: KT1/01/26.09.2023/Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 3 công suất 4kW xưởng A1 (X:2344476.3, Y:579437.1).

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (Cmax= C*Kp*Kv trong đó Kp = 1, Kv = 1 với thông số CO, NO₂, Kv=0,9 với thông số SO₂).

+ ¹QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 - Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 - Thông số đánh giá^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận VIMCERTS. Thông số đánh giá^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận VILAS.
 - Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 - Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liên kè 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243.202.8865

Email: phantich.ecvn@gmail.com

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; TB: giá trị trung bình của các lần đo; (-) Không quy định hoặc không phân tích.

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2023



LÊ THUY DƯƠNG

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 3. Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liền kề 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
Điện thoại: 0243.202.8865 Email: phantich.ecvn@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01676.2/2023/PKQ

Đơn vị yêu cầu quan trắc : CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)
Địa chỉ : Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 26/09/2023 Thời gian phân tích: 26/09/2023 – 07/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích				QCTĐHN 01:2014/ BTNMT
				A2309/1081				Cmax
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB	
1.	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.357	-	-	-	-
2.	CO ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	1000
3.	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	850
4.	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	450
5.	Bụi tổng ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	2,63	-	-	-	200
6.	Toluen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL= 0,03)	-	-	-	750 ¹
7.	Styren ^(a)	mg/Nm ³		KPH (MDL= 0,03)	-	-	-	100 ¹
8.	Benzene ^(a)	mg/Nm ³		KPH (MDL= 0,03)	-	-	-	5 ¹

Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:

+ A2309/1081: KT2/01/26.09.2023/Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 4 công suất 2,2kW xร่อง A1 (X:234445.5, Y:579458.5).

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (Cmax= C*Kp*Kv trong đó Kp = 1, Kv = 1 với thông số CO, NO₂, Kv=0,9 với thông số SO₂).

+ ¹QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 - Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 - Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 - Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 - Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liền kề 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
Điện thoại: 0243.202.8865 Email: phantich.ecvn@gmail.com

chất hữu cơ.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; TB: giá trị trung bình của các lần đo; (-) Không quy định hoặc không phân tích.

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2023



LÊ THỦY DƯƠNG

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 3. Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liền kề 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
Điện thoại: 0243.202.8865 Email: phantich.ecvn@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01676.3/2023/PKQ

Đơn vị yêu cầu quan trắc : CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)
Địa chỉ : Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 26/09/2023 Thời gian phân tích: 26/09/2023 – 07/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích				QCTĐHN 01:2014/ BTNMT
				A2309/1082				C _{max}
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB	
1.	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	3.089	-	-	-	-
2.	CO ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	1000
3.	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	850
4.	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	450
5.	Bụi tổng ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	3,11	-	-	-	200
6.	Toluen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	-	-	-	750 ¹
7.	Styren ^(a)	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,03)	-	-	-	100 ¹
8.	Benzene ^(a)	mg/Nm ³		KPH (MDL=0.03)	-	-	-	5 ¹

Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:

+ A2309/1082: KT3/01/26.09.2023/Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 5 công suất 4kW xưởng A1 (X:2344414,2; Y:579450,7).

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (Cmax= C*Kp*Kv trong đó Kp = 1, Kv = 1 với thông số CO,NO₂, Kv=0,9 với thông số SO₂).

+ ¹QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 - Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 - Thông số đánh giá^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh giá^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 - Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 - Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liền kề 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
Điện thoại: 0243.202.8865 Email: phantich.ecvn@gmail.com

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; TB: giá trị trung bình của các lần đo; (-) Không quy định hoặc không phân tích.

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2023



LÊ THUY DƯƠNG

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 3. Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liền kề 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
Điện thoại: 0243.202.8865 Email: phantich.ecvn@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01677.3/2023/PKQ

Đơn vị yêu cầu quan trắc : CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)
Địa chỉ : Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 27/09/2023 Thời gian phân tích: 27/09/2023 – 07/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích				QCTĐHN 01:2014/ BTNMT
				A2309/1087				Cmax
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB	
1.	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.406	-	-	-	-
2.	CO ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	1000
3.	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	850
4.	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	450
5.	Bụi tổng ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	2,95	-	-	-	200
6.	Toluen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL= 0,03)	-	-	-	750 ¹
7.	Styren ^(a)	mg/Nm ³		KPH (MDL= 0,03)	-	-	-	100 ¹
8.	Benzene ^(a)	mg/Nm ³		KPH (MDL= 0,03)	-	-	-	5 ¹

Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:

+ A2309/1087: KT4/01/27.09.2023/ Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 6 công suất 1,5kW xưởng A2 (X:2344398,9; Y:579359,3).

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (Cmax= C*Kp*Kv trong đó Kp = 1, Kv = 1 với thông số CO, NO₂, Kv=0,9 với thông số SO₂).

+ ¹QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 3. Thông số đánh giá^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh giá^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liền kề 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243.202.8865

Email: phanhich.ecvn@gmail.com

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; TB: giá trị trung bình của các lần đo; (-) Không quy định hoặc không phân tích.

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2023



LÊ THỊ DƯƠNG

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 3. Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liền kề 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
Điện thoại: 0243.202.8865 Email: phantich.ecvn@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01677.2/2023/PKQ

Đơn vị yêu cầu quan trắc : CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)
Địa chỉ : Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 27/09/2023 Thời gian phân tích: 27/09/2023 – 07/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích				QCTĐHN 01:2014/ BTNMT
				A2309/1086				Cmax
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB	
1.	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.238	-	-	-	-
2.	CO ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	1000
3.	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	850
4.	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	450
5.	Bụi tổng ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	3,53	-	-	-	200
6.	Toluen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	-	-	-	750 ¹
7.	Styren ^(a)	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,03)	-	-	-	100 ¹
8.	Benzene ^(a)	mg/Nm ³		KPH (MDL=0.03)	-	-	-	5 ¹

Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:

+ A2309/1086: KT3/01/27.09.2023/Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 7 công suất 4kW xưởng A1 (X:234448,6; Y:579334,2).

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (Cmax= C*Kp*Kv trong đó Kp = 1, Kv = 1 với thông số CO, NO₂, Kv=0,9 với thông số SO₂).

+ ¹QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
- Thông số đánh giá^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh giá^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếm nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 150-4
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liên kè 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243.202.8865

Email: phantich.ecvn@gmail.com

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; TB: giá trị trung bình của các lần đo; (-) Không quy định hoặc không phân tích.

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2023



LÊ THUY DƯƠNG

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
3. Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liên kề 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
Điện thoại: 0243.202.8865 Email: phantich.ecvn@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01675/2023/PKQ

Đơn vị yêu cầu quan trắc : CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)
Địa chỉ : Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 02
Ngày lấy mẫu : 26/09/2023 Thời gian phân tích: 26/09/2023 – 07/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 40:2011/ BTNMT
				W2309/5798	W2309/5799	Cột A
1.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,96	6,93	6 ÷ 9
2.	Nhiệt độ ^(a)	°C	SMEWW 2550B:2017	28,1	28,5	40
3.	Độ màu ^(a)	Pt/Co	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)	329	26,7	50
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	107	15,2	30
5.	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	182	52	75
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	34	31,4	50
7.	F ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-F-B&D:2017	1,48	0,72	5
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	36,8	0,11	5
9.	Tổng Nito ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	43	12,9	20
10.	Tổng Photpho ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,56	2,99	4
11.	Clo dư ^(a)	mg/L	SMEWW 4500.Cl-G:2017	0,12	0,11	1
12.	Clorua (Cl ⁻) ^(a)	mg/L	TCVN 6194:1996	41,8	48,6	500
13.	Tổng Phenol ^(a)	mg/L	TCVN 6216:1996	0,034	0,062	0,1
14.	Sunfua (S ²⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ -B&D:2017	0,39	KPH (MDL=0,02)	0,2
15.	Sắt (Fe) ^(a)	mg/L	TCVN 6177:1996	1,04	0,65	1
16.	Xyanua (CN ⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-CN-C&E:2017	KPH (MDL=0,005)	KPH (MDL=0,005)	0,07
17.	Crom (VI) ^(a)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	KPH (MDL=0,005)	KPH (MDL=0,005)	0,05

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 - Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 - Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vincerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 - Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 - Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liền kề 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
Điện thoại: 0243.202.8865 Email: phantich.ecvn@gmail.com

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 40:2011/ BTNMT
				W2309/5798	W2309/5799	Cột A
18.	Crom III (Cr ³⁺) ^(a)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017 + TCVN 6222:2008	KPH (MDL=0,005)	KPH (MDL=0,005)	0,2
19.	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3114B:2017	0,009	0,008	0,05
20.	Thủy ngân (Hg) ^(a)	mg/L	TCVN 7877:2008	0,0005	0,0002	0,005
21.	Cadimi (Cd) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0002)	KPH (MDL=0,0002)	0,05
22.	Chì (Pb) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	0,003	0,003	0,1
23.	Đồng (Cu) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	2
24.	Kẽm (Zn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,152	0,117	3
25.	Ni ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	0,002	0,002	0,2
26.	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,17	0,075	0,5
27.	Hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ ^(a)	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	0,35	KPH (MDL=0,01)	50
28.	Hóa chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ ^(a)	µg/L		74	KPH (MDL=0,03)	300
29.	Tổng PCBs ^(*)	mg/L	US EPA Method 3510C+US EPA Method 3620C+US EPA Method 8270D	<0,00005	<0,00005	3
30.	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	0,85	0,73	5
31.	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(a)	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	0,1
32.	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(a)	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL=0,06)	KPH (MDL=0,06)	1
33.	Coliform ^(a)	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2017	2,1x10 ⁴	13	3.000

Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:

+ W2309/5798: NT1/01/26.09.2023/Nước thải trước khi vào hệ thống xử lý.

(X: 2344446,8, Y: 579284,0).

+ W2309/5799: NT2/01/26.09.2023/Nước thải sau khi xử lý.

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.

2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.

3. Thông số đánh giá^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận VIMCERTS. Thông số đánh giá^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.

4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.

Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liền kề 29, Khu đô thị mới Vân Canh, Xã Vân Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
Điện thoại: 0243.202.8865 Email: phantich.ecvn@gmail.com

(X: 2344463,8, Y: 579297,3).

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Cột A quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi Viện Y học lao động và Công nghệ môi trường - Vimcerts 306 - VLAT-1.0559

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG



1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 3. Thông số đánh (*) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh (b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

**VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội

Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KH&CN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017

Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2093 /.....12 /.....11 / 2024

1	Tên mẫu	Mẫu khí thải
2	Tên khách hàng	CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENT (HÀ NỘI)
3	Địa chỉ	Lô 37 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
4	Ký hiệu mẫu	KT1: Mẫu khí thải hệ thống xử lý trung tâm 1 công suất 2,2kW (X:2344425 Y:579438) KT2: Mẫu khí thải hệ thống xử lý trung tâm 2 công suất 2,2kW (X:2344426, Y:579348) KT3: Mẫu khí thải hệ thống xử lý trung tâm 3 công suất 4kW (X:2344476, Y:579437) KT4: Mẫu khí thải hệ thống xử lý trung tâm 4 công suất 2,2kW (X:234445, Y:579458)
5	Ngày lấy mẫu: 29/10/2024	Ngày phân tích: 29/10/2024 đến 18/11/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả				QCVN 19:2009/BTNMT
				KT1	KT2	KT3	KT4	QCSS
1	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	74	71	79	72	200
2	CO	mg/Nm ³	HD.QT.KT-04	KPHT	KPHT	KPHT	KPHT	1000
3	SO ₂	mg/Nm ³	HD.QT.KT-05	KPHT	KPHT	KPHT	KPHT	500
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	HD.QT.KT-03	KPHT	KPHT	1,88	KPHT	850
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	< 0,08	< 0,08	< 0,08	< 0,08	5(QCVN20)
6	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	< 0,08	< 0,08	< 0,08	< 0,08	750(QCVN20)
7	Styren	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	< 0,08	< 0,08	< 0,08	< 0,08	100(QCVN20)

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ
- QCVN 20: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

**ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH**

Th.S Vũ Quang Huy

**TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH**

Nguyễn Phan Hương Ly

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2024

**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

Th.S Phạm Hoàng Giang

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.
3. (*) Các chỉ tiêu gửi nhờ mẫu phụ phân tích

**VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội

Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KH&CN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017

Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10.44 / 10.44 / 10.44 / 2024

1	Tên mẫu	Mẫu khí thải
2	Tên khách hàng	CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENT (HÀ NỘI)
3	Địa chỉ	Lô 37 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
4	Ký hiệu mẫu	KT5: Mẫu khí thải hệ thống xử lý trung tâm 5 công suất 4kW (X:2344414; Y:579450) KT6: Mẫu khí thải hệ thống xử lý trung tâm 6 công suất 1,5kW (X:2344398; Y:579359) KT7: Mẫu khí thải hệ thống xử lý trung tâm 7 công suất 4kW (X:2344486; Y:579334)
5	Ngày lấy mẫu: 29/10/2024	Ngày phân tích: 29/10/2024 đến 18/11/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			QCVN 19:2009/BTNMT
				KT5	KT6	KT7	QCSS
1	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	83	66	87	200
2	CO	mg/Nm ³	HD.QT.KT-04	KPHT	1,14	KPHT	1000
3	SO ₂	mg/Nm ³	HD.QT.KT-05	KPHT	KPHT	KPHT	500
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	HD.QT.KT-03	KPHT	KPHT	KPHT	850
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	< 0,08	< 0,08	< 0,08	5(QCVN20)
6	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	< 0,08	< 0,08	< 0,08	750(QCVN20)
7	Styren	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	< 0,08	< 0,08	< 0,08	100(QCVN20)

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ

- QCVN 20: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

**ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH**

Th.S Vũ Quang Huy

**TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH**

Nguyễn Phan Hương Ly



- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.
- (*) Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ phân tích



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG - VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liền kề 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh, Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
Điện thoại: 0243.202.8865 Email: phantich.ecvn@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01006/2024/PKQ

Đơn vị yêu cầu quan trắc : CÔNG TY TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)

Địa chỉ : Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

Địa điểm quan trắc : Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

Loại mẫu : Khí thải

Ngày lấy mẫu : 07/05/2024

Số lượng mẫu: 04

Thời gian phân tích: 07/05/2024 – 13/05/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích				QCVN 19:2009/BTNMT - Cột B
				A2405/1008	A2405/1009	A2405/1010	A2405/1011	
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.340	3.535	887	2.854	1000
2	CO - Lần 1 ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	
3	CO - Lần 2 ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	
4	CO - Lần 3 ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	
5	NO _x (tính theo NO ₂) - Lần 1 ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	
6	NO _x (tính theo NO ₂) - Lần 2 ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	850
7	NO _x (tính theo NO ₂) - Lần 3 ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	
8	SO ₂ - Lần 1 ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	500

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.

2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.

3. Thông số đánh giá chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimecerts. Thông số đánh giá là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.

4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vì tính 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.

Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

04/07/2024

Lần ban hành: 01/2021

Trane 1/2



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liền kề 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh, Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
Điện thoại: 0243.202.8865 Email: phantich.ecvn@gmail.com

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích				QCVN 19:2009/ BTNMT
				A2405/1008	A2405/1009	A2405/1010	A2405/1011	
9	SO ₂ - Lần 2 ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	Cột B
10	SO ₂ - Lần 3 ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	KPH	
11	Bụi tổng ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	1,16	1,56	1,22	1,67	200
12	Toluen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	750 ⁽¹⁾
13	Styren ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	100 ⁽¹⁾
	Benzene ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	5 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- **Vị trí quan trắc:**
 - + A2405/1008: KT1/01/07.05.2024/ Mẫu khí thải sau xử lý của hệ thống lọc bụi tay áo trung tâm 1 công suất 2,2kW xường A1.
- Tọa độ (X:2344425,9 Y:579438,4).
- + A2405/1009: KT2/01/07.05.2024/ Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 6 công suất 1,5kW xường A2.
- Tọa độ (X:2344398,9; Y:579359,3).
- + A2405/1010: KT3/01/07.05.2024/ Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 7 công suất 4kW xường A1.
- Tọa độ (X:234448,6; Y:579334,2).
- + A2405/1011: KT4/01/07.05.2024/ Mẫu khí thải sau xử lý của hệ thống lọc bụi tay áo trung tâm 2 công suất 2,2kW xường A1.
- Tọa độ (X:2344426,7; Y:579348,4).
- **Quy chuẩn so sánh:**
 - + QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
3. Thông số đánh giá chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh giá chỉ được công nhận Vilas.
4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.

Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
BM 7.8.02.ECVN

Lần ban hành: 01.2021



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG - VIMCERTS 174-VILAS 1504

Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liền kề 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh, Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243.202.8865

Email: phantich.ecvn@gmail.com

Cột B: Nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG

LÊ THUY DƯƠNG



1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
3. Thông số đánh giá chỉ tiêu chỉ được công nhận VIMcerts. Thông số đánh giá là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khi thời và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.

Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

BM 7.8.02.ECVN

Lần ban hành: 01.2021



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01018/2024/PKQ

Đơn vị yêu cầu quan trắc : CÔNG TY TNHH Nidec Instruments (Hà Nội)
Địa chỉ : Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 03
Ngày lấy mẫu : 06/05/2024 Thời gian phân tích: 06/05/2024 – 15/05/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			QCTĐHN 01:2014/ BTNMT
				A2405/ 995	A2405/ 996	A2405/ 997	
1.	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	3.467	2.527	1.254	-
2.	CO - Lần 1 ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	1.000
3.	CO - Lần 2 ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	
4.	CO - Lần 3 ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	
5.	NO _x , (tính theo NO ₂) - Lần 1 ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	1.000
6.	NO _x , (tính theo NO ₂) - Lần 2 ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	
7.	NO _x , (tính theo NO ₂) - Lần 3 ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	
8.	SO ₂ - Lần 1 ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	500
9.	SO ₂ - Lần 2 ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	
10.	SO ₂ - Lần 3 ^(a)	mg/Nm ³	SOP/ECVN.ĐN-KT	KPH	KPH	KPH	
11.	Bụi tổng ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	1,9	1,18	1,52	200
12.	Toluen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL= 0,03)	KPH (MDL= 0,03)	KPH (MDL= 0,03)	750 ⁽¹⁾
13.	Styren ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL= 0,03)	KPH (MDL= 0,03)	KPH (MDL= 0,03)	100 ⁽¹⁾
14.	Benzene ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL= 0,03)	KPH (MDL= 0,03)	KPH (MDL= 0,03)	5 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 - Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 - Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 - Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 - Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liền kề 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243.202.8865

Email: phantich.ecvn@gmail.com

+ A2405/995: KT1/01/06.05.2024/Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 3 công suất 4kW xưởng A1. Tọa độ (X:2344476.3, Y:579437.1)

+ A2405/996: KT2/01/06.05.2024/Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 4 công suất 2,2kW xưởng A1. Tọa độ (X:234445.5, Y:579458.5).

+ A2405/997: KT3/01/06.05.2024/Mẫu khí thải sau xử lý của tủ hút lọc bụi trung tâm 5 công suất 4kW xưởng A1. Tọa độ (X:2344414,2; Y:579450,7).

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

+ ⁽¹⁾QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

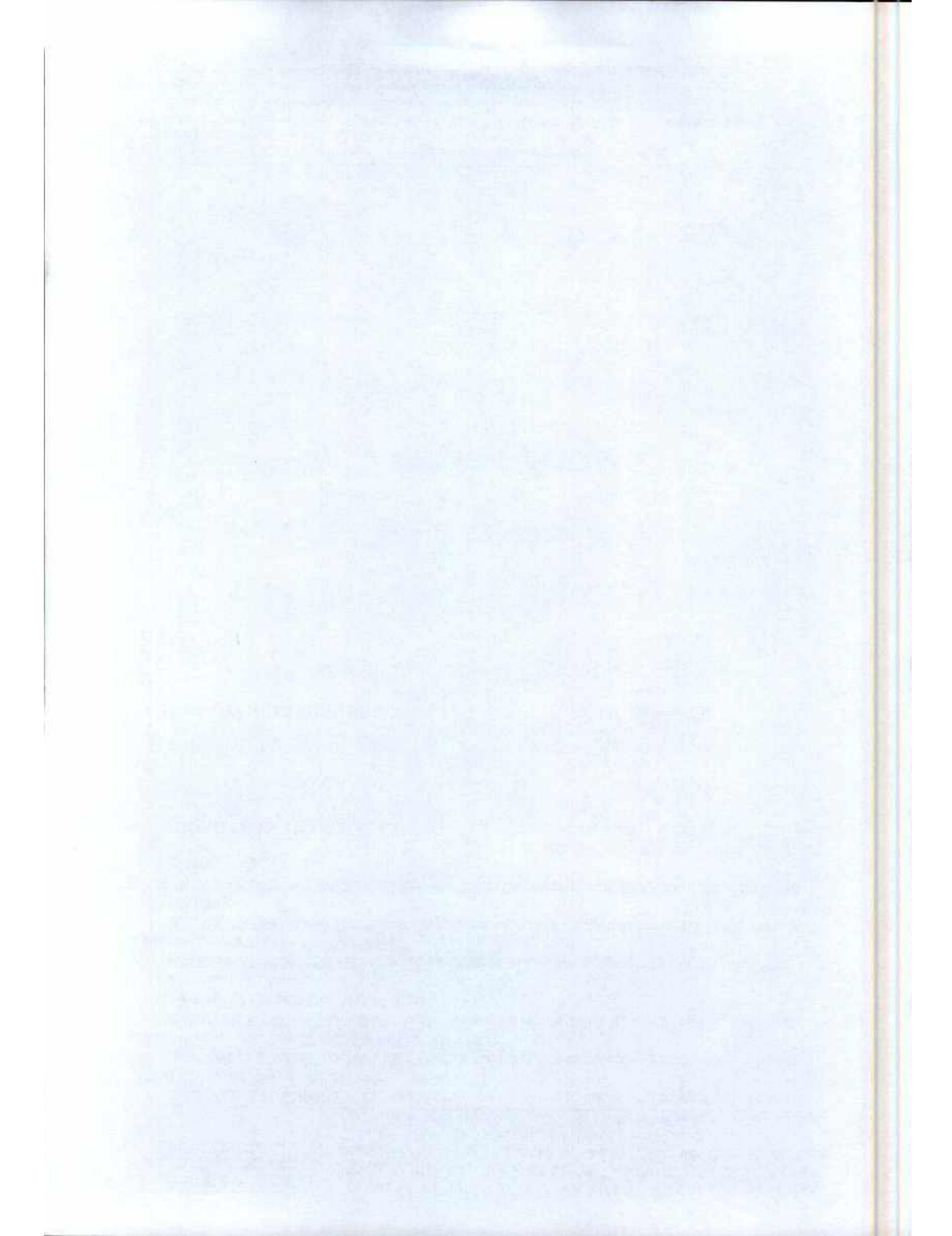
NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2024



LÊ THUYẾT ĐƯƠNG

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 3. Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh. 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC**
Số: 224./2024/CV-ND

V/v lấy ý kiến liên quan đến kế hoạch
đổi mới quản lý VH XLNT
tại KCN Quang Minh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Các doanh nghiệp hoạt động trong KCN Quang Minh

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức (Công ty Nam Đức) gửi tới Quý Công ty lời chào trân trọng và hợp tác.

Nhằm mục đích phục vụ các Doanh nghiệp ngày một tốt hơn, Chúng tôi bắt đầu triển khai Quản lý vận hành theo hướng KCN thông minh. Theo đó, Công ty Nam Đức sẽ đưa vào vận hành hệ thống Lấy mẫu/Quan trắc nước thải tự động liên tục tại cửa xả của các Doanh nghiệp từng thời điểm theo kế hoạch thực tế.

Trên cơ sở đó, Công ty Nam Đức đề xuất 2 phương án theo Đề án “Đổi mới quản lý vận hành xử lý nước thải tại KCN Quang Minh” của Công ty CP đầu tư phát triển môi trường SFC là nhà thầu của Chúng tôi. 2 phương án cụ thể như sau:

1. **Phương án 1:** Các đơn vị không cần phải xử lý cục bộ, thay vào đó là đóng phí bổ sung ở mức thấp hơn chi phí mà các đơn vị hiện nay đang tự xử lý.
2. **Phương án 2:** Các đơn vị vẫn tiếp tục xử lý cục bộ, Công ty Nam Đức sẽ giám sát bằng trực tuyến. Các đơn vị sẽ có thời gian khoảng 3-4 tháng để rà soát, nâng cấp các trạm xử lý cục bộ (nếu chưa ổn định) để đảm bảo 100% nước thải xử lý đạt giá trị C, cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT và theo Hợp đồng DV XLNT; Cam kết đã ký với Công ty Nam Đức. Sau thời gian này, chủ đầu tư sẽ nâng mức phạt để đảm bảo theo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả đủ tiền xử lý” do ảnh hưởng đến chi phí xử lý của lượng nước thải lớn 5.000m³/ngày của Nhà máy XLNT tập trung.

(Cụ thể như đề án kèm theo công văn này)

Để Chúng tôi có thể hoàn thiện đề án, kính đề nghị quý đơn vị nghiên cứu đề án, lựa chọn phương án bằng cách điền vào mẫu kèm theo công văn này.

Tiến độ:

Các đơn vị có ý kiến cần làm rõ, xin gửi về email: info@sfcwater.com; hoadt19@tnpm.com.vn; caodd3@tnpm.com.vn trước ngày 15/01/2025.

Chủ đầu tư phản hồi các ý kiến của các đơn vị: 15÷20/01/2025;

Các đơn vị gửi phiếu lựa chọn phương án đến Công ty Nam Đức (**Bản gốc**): trước ngày 25/01/2025.

Trên cơ sở lựa chọn của các đơn vị, cùng tôi sẽ thông báo đến các đơn vị và quyết định phương án thực hiện.



Các ý kiến, nội dung làm rõ và phiếu ý kiến đề nghị gửi bằng email đến địa chỉ ở trên. Trường hợp không có phản hồi, chúng tôi coi như Quý công ty đồng ý với phương án 1.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

HỢP ĐỒNG KINH TẾ ECONOMIC CONTRACT

(Thu mua phế liệu, phế phẩm)

(Purchasing scrap, waste products)

HĐKT số: 2604/MTĐA/NIDEC

Economic contract No.: 2604/MTĐA/NIDEC

- Căn cứ Bộ luật Dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;

- Pursuant to the Civil Code passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Viet Nam on November 24th 2015;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

- Pursuant to the Enterprise Law of the Socialist Republic of Viet Nam No 59/2020/QH14 on June 17th 2020;

- Căn cứ đề nghị của Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) về việc vận chuyển thu mua các loại phế liệu, phế phẩm.

- Pursuant to the proposal of the Nidec Instruments (Ha Noi) Limited Company on transportation and purchasing of scrap, waste products.

Hôm nay, ngày 26 tháng 04 năm 2024, tại Công ty TNHH Nidec Instruments (Hà Nội) chúng tôi gồm hai bên như sau:

Today, on April 26th 2024, at Nidec Instruments (Ha Noi) Co., Ltd, we are including both parties as following:

I/ ĐẠI DIỆN BÊN A (BÊN BÁN): CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)

I/ PARTY A'S REPRESENTATIVE: NIDEC INSTRUMENTS (HANOI) CORPORATION

Đại diện: Ông: **SEKI TOSHIHIRO**

Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Representative: **Mr SEKI TOSHIHIRO**

Position: **General Director**

Địa chỉ: Lô 37, Khu công nghiệp Quang Minh – thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh – TP Hà Nội, Việt Nam

Address: Lot 37, Quang Minh Industrial Park - Me Linh District - Hanoi City – Viet Nam

Mã số thuế: 25002430163

Tax code: 25002430163

Điện thoại: 0243.5250044

Fax: 0243.5250045

Telephone: 0243.5250044

Fax: 0243.5250045

Tài khoản số: 112000023819- Tại Ngân hàng Vietinbank, chi nhánh Quang Minh

Account number: 112000023819- At Vietinbank, Quang Minh branch

**II/ ĐẠI DIỆN BÊN B (BÊN MUA): CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ỨNG DỤNG
KỸ THUẬT CAO VỆ SINH MÔI TRƯỜNG ĐÔNG ANH**

**II/ REPRESENTATIVE OF PARTY B (BUYER): DONG ANH SERVICE
ENVIRONMENT CLEANING HIGH TECHNOLOGY APPLICATION JOINT STOCK
COMPANY**

Đại diện: Ông Hồ Xuân Hùng

Chức vụ: Giám đốc

Representative: Mr. Ho Xuan Hung

Position: Director

Địa chỉ: Tổ 3, Khu 3 ha, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội, Việt Nam

Address: 3 Hamlet- 3 Ha Area – Dong Anh Town- Dong Anh District – Ha Noi City –
Viet Nam.

Mã số thuế: 0101953383

Tax Code: 0101953383

Điện thoại: 0243.968 2919

Fax: 0243.968 2919

Tel : 0243.968 2919

Fax: 0243.968 2919

Tài khoản: 2140303673 - Tại ngân hàng Đầu tư và phát triển – CN Đông Hà Nội

Account No.: 2140303673 - At Joint Stock Commercial Bank for investment and
Development of Viet Nam - Branch of Dong - Ha Noi.

Sau khi bàn bạc và thống nhất, hai bên ký kết hợp đồng mua bán với các điều khoản
cụ thể như sau:

After discussion and agreement, both parties signed into sales contract with the
specific terms as follows:

Điều 1: Hàng hoá

Article 1: Commodity

a. Loại phế liệu: Hai bên sẽ thống nhất bằng văn bản, đơn giá phế liệu dựa vào chủng
loại và chất lượng tại thời điểm phát sinh.

a. Type of scrap: Both parties will agree in writing, the scrap price based on the type
and quality at the time of arising.

b. Khối lượng: Theo khối lượng thực tế từng lần lấy với mỗi loại phế liệu.

b. Volume: According to the actual volume each time taken with each type of scrap.

c. Đối với mỗi loại phế liệu không có đơn giá, trong tùy trường hợp hai bên thỏa thuận
theo đơn giá thị trường từng thời điểm.

c. For each type of scrap without unit price, in case both parties agree at the unit price
of the market at each time.

Nếu đơn giá thay đổi hai bên thỏa thuận bằng công văn hoặc báo giá. Báo giá gốc sẽ
được đi kèm với hợp đồng này (kể từ ngày hiệu lực ký báo giá).

If the unit price changes, the two parties agree in writing or quotation. The original
quotation will be attached to this contract (from the effective date of signing the quotation).

Điều 2: Thời gian và địa điểm giao hàng, vận chuyển

Article 2: Time and place of delivery and shipping

- Địa điểm: Tại kho hàng Bên A.
- Location: At Party A's warehouse.
- Thời gian giao hàng: Theo yêu cầu giao hàng của Bên A, Bên A báo trước cho Bên B lịch bốc hàng trước 1 ngày.
- Delivery time: According to Party A's delivery request, Party A informs Party B of the delivery schedule 1 day in advance.
- Chi phí vận chuyển: Do Bên B chịu
- Transportation costs: Party B will pay

Điều 3: Giá cả và thanh toán:

Article 3: Price and payment:

Bên A đồng ý bán và Bên B đồng ý mua các loại phế liệu tại trụ sở của Bên A.

Party A agrees to sell and Party B agrees to buy scraps at Party A's factory

Chi tiết giá cụ thể như sau:

Detailed Prices are as following:

STT No	Tên phế liệu Scrap name	Đơn giá (VNĐ/KG) Dạng nguyên phế phẩm	Đơn giá (VNĐ/KG) Nhựa xay nhỏ
1	Nhựa ABS trắng phế liệu/White ABS	13.500	15.000
2	Nhựa PS trắng phế liệu/White PS	12.200	14.200
3	Nhựa POM trắng phế liệu/White POM	14.000	15.800
4	Nhựa PC trắng phế liệu/White PC	14.200	17.000
5	Nhựa PMMA trắng phế liệu/White PMMA	12.200	15.500
6	Nhựa PA trắng phế liệu/White PA	12.700	13.500
7	Nhựa PBT trắng phế liệu/White PBT	10.200	11.700
8	Nhựa tổng hợp trắng phế liệu/White mixed plastics	10.200	11.200
9	Nhựa ABS màu phế liệu/Color ABS	11.200	13.000
10	Nhựa PS màu phế liệu/Color PS	10.200	10.700
11	Nhựa POM màu phế liệu	11.500	13.000
12	Nhựa PC màu phế liệu/Color PC	12.200	13.200
13	Nhựa PA màu phế liệu/Color PA	7.200	8.500
14	Nhựa PA vàng phế liệu/Yellow PA	12.000	13.500
15	Nhựa TPE vàng phế liệu/Yellow TPE	10.200	10.200
16	Nhựa PC+ABS màu phế liệu/Color PC+ABS	12.200	14.000

17	Nhựa PMMA màu phế liệu/Color PMMA	10.200	11.500
18	Nhựa PBT màu phế liệu/Color PBT	5.200	6.500
19	Nhựa tổng hợp màu loại 1 phế liệu/Color mixed plastics	8.200	8.700
20	Nhựa cục phế liệu/Lump plastic	3.500	
21	Nhựa tổng hợp màu loại 2 phế liệu	1.200	1.200
22	Nhựa PP phế liệu	7.000	9.000
23	Nhựa PPE phế liệu	2.000	2.000
24	Nhựa PET phế liệu	0	0
25	Thùng nhựa xanh phế liệu/Danpla box	5.000	
26	Dây đồng phế liệu/Copper wire	82.200	
27	Đồng cục (màu đỏ) phế liệu/Copper	134.200	
28	Sắt phế liệu/Iron	7.500	
29	Màng khay phế liệu/Tray burr	6.000	
30	Bìa giấy phế liệu/Cartron box	3.000	
31	Nilon phế liệu	6.500	
32	Vỏ bao phế liệu/Packaging	1.000	

- Giá trên không bao gồm chi phí vận chuyển, thuế và thủ tục hải quan. Chi phí vận chuyển, thuế thu mua, thủ tục hải quan do bên B thanh toán.

- The above prices do not include shipping costs, taxes and customs clearance. Transportation costs, purchase tax, customs procedures are paid by Party B.

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 07 ngày (không kể ngày lễ và ngày nghỉ) kể từ khi Bên B nhận hàng và hóa đơn tài chính hợp lệ của bên A.

- Payment Term: Within 07 days (Excluding Holidays and Weekends) since Party B receives goods and the receipt and valid financial invoice of Party A.

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Payment Method: Transfer by Bank.

- Bên B đặt cọc trước tiền hàng cho Bên A số tiền là: 300.000.000 VND (Ba trăm triệu Việt Nam Đồng), số tiền này sẽ được hoàn lại sau khi hai bên chấm dứt hợp đồng.

- Party B deposits advance payment to Party A the amount is: 300.000.000 VND (Three hundred Million Viet Nam Dong), This amount will be refunded after the both parties terminate the contract.

Điều 4: Trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên.:

Article 4: Responsibilities and obligations of the parties:

1. Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên A:

1. Party A's responsibilities and obligations:

- Bên A có trách nhiệm xuất hóa đơn, chứng từ cho bên B theo đúng quy định của pháp luật.
- *Party A is responsible for issuing invoices and vouchers to Party B in accordance with the law*
- Giao hàng đúng thời gian thỏa thuận, tạo điều kiện cho bên B nhận hàng nhanh chóng.
- *Delivery on time as agreed, facilitate party B to receive goods quickly*
- Phối hợp với bên B trong quá trình kê khai Hải quan và thực hiện các yêu cầu kê khai khác mà pháp luật yêu cầu.
- *To coordinate with Party B in the process of customs declaration and comply with other declaration requirements as required by law.*

2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên B:

2. Party B's responsibilities and obligations:

- Chịu trách nhiệm vận chuyển, bốc dỡ từ trụ sở bên A về bên B.
- *Responsible for transportation, loading and unloading from office of party A to party B.*
- Nhựa phế liệu dạng nguyên phế phẩm của Bên A, khi Bên B lấy về có trách nhiệm xay nghiền nhỏ mới được bán ra thị trường.
- *Plastic scrap in the form of raw waste of Party A, when Party B takes it back, it is responsible for grinding it to be sold to the market.*
- Bên B chịu trách nhiệm bố trí nhân công và phương tiện vận chuyển đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải theo quy định của Bên A, không được làm rơi vãi phế liệu trên đường, tuân thủ quy định môi trường và chịu mọi trách nhiệm liên quan đến môi trường.
- *Party B is responsible for arranging qualified and hygienic workers and means of transport to transport waste according to Party A's regulations, not to drop scrap on the road, comply with environmental regulations and take all responsibility regulations related to the environment.*
- Thay mặt bên A làm thủ tục Hải quan, nộp các khoản thuế, phí phát sinh trong quá trình kê khai Hải quan.
- *On behalf of Party A to carry out customs procedures, to pay taxes and fees arising in the process of customs declaration.*
- Thanh toán đúng hạn cho bên A.
- *Payment on time for Party A.*
- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho nhân sự của bên B theo quy định của pháp luật.
- *To fully equip labor protection equipment for personnel of Party B in accordance with the provisions of law.*
- Tuân thủ tất cả các quy định đối với nhà thầu và khách viếng thăm của bên A.
- *Comply with all regulations for contractors and visitors of Party A.*

- Giữ gìn tài sản của bên A. Nếu bên B làm ảnh hưởng, thiệt hại đến tài sản của bên A, bên B phải có trách nhiệm bồi thường.
- *To preserve property of Party A. If Party B affects or damages to the Party A's property, Party B must responsible for compensation.*
- Bên B không được tặng quà cho nhân viên của Bên A dưới mọi hình thức.
- *Party B must not give any gifts to Party A's employee under any form.*
- Tuyển dụng công khai người lao động, không phân biệt giới tính, dân tộc, tôn giáo.
- *Publicly recruit employees, regardless of gender, ethnicity or religion*
- Không sử dụng lao động trẻ em, lao động chưa đủ 18 tuổi.
- *Do not use child labor or workers under 18 years of age.*
- Không ép buộc lao động, không ép lao động trả nợ, không lạm dụng hình phạt, không áp bức về tinh thần, thể chất người lao động, không phân biệt đối xử, không quấy rối tình dục, không quấy rối quyền lực.
- *No forced labor, no forced labor to pay debts, no abuse of penalties, no mental and physical oppression of employees, no discrimination, no sexual harassment, no harassment of power.*
- Người lao động được tự do tham gia các tổ chức chính trị, đoàn thể, tôn giáo.
- *Employees are free to join political, union and religious organizations*
- Tuyệt đối không tham gia các hoạt động liên quan đến buôn người, nô lệ,...
- *Absolutely do not participate in activities related to human trafficking, slavery, etc.*
- Tuân thủ Luật Lao động Việt Nam.
- *Comply with Vietnam Labor Law.*

Điều 5: Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn:

Article 5: Terminate contract before period:

- Nếu một trong hai bên ký kết hợp đồng có đề nghị chấm dứt thanh lý hợp đồng thì gửi thông báo cho bên kia trước 30 ngày. Hai bên có trách nhiệm hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan.
- *If one of the two sides signed the contract request to terminate and liquidate the contract, it must send notice to the other party 30 days in advance. Both party are responsible for completing all related obligations.*
- Nếu một trong hai bên ký kết hợp đồng (Sau đây gọi là bên vi phạm) không hoàn thành bất kỳ nghĩa vụ nào trong hợp đồng và không sửa sai hợp đồng đó trong thời hạn một tháng kể từ khi bên kia (Bên không vi phạm) gửi thông báo cho bên vi phạm sửa sai, bên không vi phạm có thể chấm dứt ngay hợp đồng bằng cách gửi công văn thông báo cho bên vi phạm. Mọi thiệt hại về kinh tế bên vi phạm phải bồi thường cho bên không vi phạm.
- *If one of the two sides signed the contract (hereinafter referred to as the offending party) fails to fulfill any obligations in the contract and does not correct such contract within one month after the other party (Non-violating Party) sent a notice to the offending party for correction, the non-violating party may immediately terminate the contract by sending a written notice to the offending party. Any economic loss shall be compensated by the offending party to the non-violating party.*

Điều 6: Điều khoản chung

Article 6: General Provisions:

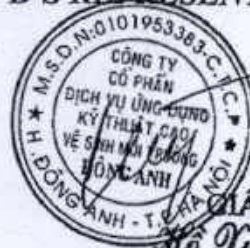
- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng.
 - *Both parties pledge to fully implement the terms stated in the contract.*
 - Nếu bên nào không thực hiện theo đúng cam kết thì bên đó chịu hoàn toàn trách nhiệm và phải bồi thường các khoản tổn thất đã gây ra.
 - *If any party does not comply with the commitment, this party shall be fully responsible and must compensate the losses caused.*
 - Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có khó khăn hay thay đổi ngoài dự tính, hai bên phải thông báo cho nhau kịp thời, cùng bàn bạc giải quyết.
 - *In the process of contract performance if there are any difficulties or unexpected changes, the two parties must notify each other in time and discuss solutions together.*
 - Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này nếu các bên không thương lượng và hòa giải được với nhau sẽ được giải quyết tại tòa án kinh tế TP Hà Nội.
 - *Any disputes arising from this contract if the parties cannot negotiate and reconcile with each other, it shall be resolved in the economic court of Hanoi City.*
 - Các điều khoản của hợp đồng này sẽ được áp dụng cho mỗi lần mua bán và có sự xác nhận của đại diện có thẩm quyền của hai bên. Các sửa đổi, bổ sung phải được thông báo trước 15 ngày.
 - *The terms of this contract will be applied to each purchase and will be confirmed by the authorized representatives of both parties. Amendments and supplements must be notified prior 15 days.*
 - Hợp đồng này có giá trị từ ngày 02 tháng 05 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 04 năm 2025.
 - *This contract is valid from May 02nd 2024 until the end of April 30th 2025.*
 - Hợp đồng được lập thành 02 bản song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Anh, mỗi bên giữ 01 bản, có pháp lý như nhau; phần tiếng Việt sẽ được coi là bản chính thức nếu 2 bên có tranh chấp xảy ra.
- The Appendix is made in 02 bilingual versions in Vietnamese and English, each of which is kept in 01 copie, with the same legal status; The Vietnamese version will be considered as the official version if two parties have a dispute.*

ĐẠI DIỆN BÊN A
PARTY A'S REPRESENTATIVE



TỔNG GIÁM ĐỐC
SEKI TOSHIHIRO

ĐẠI DIỆN BÊN B
PARTY B'S REPRESENTATIVE



GIÁM ĐỐC
Ho Xuân Hùng

TỈNH/THÀNH PHỐ HÀ NỘI		BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RÀN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG	
Số: 2207/2024/NSVH-VSĐT			
1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)			
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, tp. Hà Nội		ĐT: 02435250044	
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, tp. Hà Nội		ĐT: 02435250044	
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH VỆ SINH MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ SỐ 1 VĨNH PHÚC			
Địa chỉ văn phòng: Số nhà 65 phố Trung Nhị, phường Trung Trắc, TP Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc		ĐT: 0963446369	
Địa chỉ cơ sở xử lý: Xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203717555			
3. Khối lượng: CTCRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCRCNTT)		
2	Chất thải phải xử lý	30 000	
3	Tổng khối lượng	30 000	
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Hà Nội, ngày 22 tháng 07 Năm 2024 Bên giao (Chữ ký, đóng dấu nếu có)  GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka		Hà Nội, ngày 22 tháng 07 Năm 2024 Bên nhận (Chữ ký, đóng dấu nếu có)  GIÁM ĐỐC <i>Trình Hữu Hiệp</i>	

TỈNH/THÀNH PHỐ HÀ NỘI		BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG	
Số: 2001/2024/NSVH-VSĐT			
1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)			
Địa chỉ văn phòng: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, tp. Hà Nội		ĐT: 02435250044	
Địa chỉ cơ sở: Lô 37, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, tp. Hà Nội		ĐT: 02435250044	
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH VỆ SINH MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ SỐ 1 VĨNH PHÚC			
Địa chỉ văn phòng: Số nhà 65 phố Trung Nhị, phường Trung Trắc, TP Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc		ĐT: 0963446369	
Địa chỉ cơ sở xử lý: Xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203717555			
3. Khối lượng: CTCRNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTCRNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCRNTT)		
2	Chất thải phải xử lý	30 000	
3	Tổng khối lượng	30 000	
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Hà Nội, ngày 20 tháng 01 Năm 2024  GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Toshitaka Kuzuoka		Hà Nội, ngày 20 tháng 01 Năm 2024 Bên nhận (Chữ ký, đóng dấu nếu có)  GIÁM ĐỐC Trịnh Hữu Hiệp	

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
QUẢN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG**

TẠI: CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)
Lô 37, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh,
Huyện Mê Linh, TP. Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 12 năm 2024

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: VIỆN CÔNG NGHỆ SỨC KHỎE VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK24 KĐT Athena Xuân Phương, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
TEL: 0912061312 ; 083 937 1995-EMAIL: web : SUCOMO.COM

HÀ NỘI – 12/2024

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Thực hiện Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;
Nghị định số 39/2016/ NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

Thực hiện công bố số 483/MT- LĐ ngày 22/5/2018 về việc công bố tổ chức thực
hiện quan trắc môi trường lao động của Viện công nghệ sức khỏe và môi trường.
Viện công nghệ sức khỏe và môi trường.

Địa chỉ: LK24, KĐT Athena Xuân Phương, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 024.39438108; do ông Nguyễn Quốc Thức làm đại diện.

Đã tiến hành quan trắc môi trường lao động tại:

Công ty TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)

Địa chỉ: Lô 37, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

Ngày 26 tháng 12 năm 2024.

1. PHƯƠNG PHÁP & THIẾT BỊ

* **Phương pháp:** Đo các chỉ số vi khí hậu, bụi, ánh sáng, tiếng ồn, rung chuyển, hơi
khí độc, phóng xạ, điện từ trường theo “Kỹ thuật xét nghiệm Vệ sinh lao động và bệnh
nghề nghiệp” - Bộ Y tế 2012; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT.

* **Thiết bị đo:**

TT	Tên thiết bị	Model - nước sản xuất	Phương pháp/QCVN
1	Máy đo vi khí hậu	TSI - USA	26:2016/BYT
2	Máy đo ánh sáng	Lutron-Taiwan	22:2016/BYT
3	Máy đo bụi	TSI, MIE - USA	02:2019/BYT
4	Máy đo tiếng ồn	QUEST - USA, Cel-UK	24:2016/BYT
5	Máy đo điện từ trường	Alpha - USA	25:2016/BYT
6	Máy đo khí	Dräger (Ger), Miran (USA)	03:2019/BYT
7	Máy lấy mẫu	Gillán, SKC - USA	03:2019/BYT
8	Máy phân tích	Miran, Spectronic - USA	03:2019/BYT

2. NỘI DUNG VÀ QUI CHUẨN

* **Thực hiện quan trắc:** các yếu tố có hại đã được người sử dụng lao động ghi trong
Hồ sơ vệ sinh lao động. Qua rà soát quy trình công nghệ, nguyên vật liệu và các chất
được sử dụng trong quá trình sản xuất, dịch vụ, đề nghị quan trắc các yếu tố có hại sau:
Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, ánh sáng, tiếng ồn, bụi, hơi khí độc.

* **Chỉ tiêu bổ sung:** không có

* **Qui chuẩn vệ sinh lao động:** QCVN 02: 2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; Qui chuẩn quốc gia
QCVN 22:2016/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ánh sáng nơi làm việc, QCVN
24:2016/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn nơi làm việc, QCVN
26:2016/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu nơi làm việc, QCVN
21:2016/BYT quy chuẩn quốc gia về điện từ trường tần số cao, QCVN 02:2019 về bụi,
QCVN 03:2019 về hơi khí nơi làm việc. Với các kết quả trong phần 3.

3. KẾT QUẢ

3.1. YẾU TỐ VI KHÍ HẬU (Mùa lạnh)

Giới hạn cho phép QCVN 26: 2016/BYT			Nhiệt độ (°C)		Độ ẩm (%)		Tốc độ gió (m/s)	
			18,0 – 32,0		40,0 – 80,0		0,05 - 1,50	
TT	Vị trí quan trắc		Mẫu đạt	chưa đạt	Mẫu đạt	chưa đạt	Mẫu đạt	chưa đạt
A	Nhà máy A (tầng 1)							
1	P. máy cạnh P. giải lao		24,8		55,9		0,36	
2	VP Q. lý chất lượng		25,1		60,2		0,25	
3	P. K. tra chất lượng	Kiểm ngoại quan	25,2		58,4		0,33	
		Khu máy đo	25,4		57,9		0,32	
4	Chuyển SX 1-6	Line 2	23,9		56,0		0,25	
		Line 4	24,5		55,7		0,18	
		Line 6	25,0		53,3		0,22	
5	Chuyển SX 10,11	Line 10	24,8		57,9		0,22	
6	Văn phòng sản xuất		25,5		58,1		0,19	
7	KV sản xuất 14		25,4		52,9		0,24	
8	Phòng nén khí		24,5		52,8		0,38	
9	Phòng làm mát		24,2		53,5		0,37	
10	Chuyển SX 7,8	Line 7	24,5		55,3		0,15	
11	Chuyển SX 9		24,2		55,2		0,35	
12	Kho nguyên liệu		24,2		53,7		0,40	
B	Nhà máy B (tầng 1)							
13	Kho bán thành phẩm		23,4		56,8		0,31	
14	KV G. công Cđoạn 2 (SP)	Line 2	23,5		57,0		0,22	
		Line 4	23,6		57,0		0,18	

Giới hạn cho phép QCVN 26: 2016/BYT			Nhiệt độ (°C)		Độ ẩm (%)		Tốc độ gió (m/s)	
			18,0 – 32,0		40,0 – 80,0		0,05 - 1,50	
TT	Vị trí quan trắc		Mẫu đạt	chưa đạt	Mẫu đạt	chưa đạt	Mẫu đạt	chưa đạt
15	KV kho thành phẩm	Đầu kho	23,6		55,1		0,21	
		Cuối kho	23,9		55,0		0,27	
16	KV máy đúc lớn		23,8		54,4		0,12	
17	KV máy gia công khuôn	Gắn đầu KV	24,2		58,3		0,25	
		KV sửa khuôn ME	24,3		55,6		0,19	
18	Văn phòng khuôn		24,5		57,9		0,17	
19	Phòng thiết kế		24,6		58,6		0,13	
C	Nhà máy B (tầng 2)							
20	Khu vực văn phòng		24,5		55,6		0,15	
21	Kho phụ kiện lắp ráp		24,6		57,1		0,22	
22	Phòng lắp ráp	Đầu phòng	24,6		58,1		0,14	
		Cuối phòng	24,7		58,0		0,13	
23	Kho thành phẩm PC		24,6		56,5		0,11	
24	Khu khay thùng	K sản sắt kho QC	25,2		53,0		0,26	
		K sản sắt kho PC	25,1		52,2		0,22	
Tổng số mẫu			32	0	32	0	32	0

* Tổng hợp kết quả quan trắc:

Số mẫu nhiệt độ: 32

Số mẫu độ ẩm: 32

Số mẫu tốc độ gió: 32

Số mẫu chưa đạt QCVN: 0

Số mẫu chưa đạt QCVN: 0

Số mẫu chưa đạt QCVN: 0

3.2. CÁC YẾU TỐ ÁNH SÁNG, TIẾNG ỒN

Giới hạn cho phép QCVN 22 & 24:2016/BYT			Chiếu sáng chung 100 – 10.000(Lux)			Tiếng ồn ≤ 85,0 (dBA)	
TT	Vị trí quan trắc		Mức MIN theo vị trí	Mẫu đạt	chưa đạt	Mẫu đạt	chưa đạt
A	Nhà máy A (tầng 1)						
1	P. máy cạnh P. giải lao		200	604		54,4	
2	VP Q.lý chất lượng		300	371		54,7	
3	P. K.tra chất lượng	Kiểm ngoại quan	500	788		54,7	
		Khu máy đo	300	306		50,0	
4	Chuyển SX 1-6	Line 2	300	771		62,7	
		Line 4	300	2870		68,5	
		Line 6	300	1372		81,6	
5	Chuyển SX 10,11	Line 10	300	1006		76,8	
6	Văn phòng sản xuất		300	394		60,1	
7	KV sản xuất 14		300	302		67,1	
8	Phòng nén khí		100	154		83,7	
9	Phòng làm mát		100	200		67,7	
10	Chuyển SX 7,8	Line 7	300	322		84,0	
11	Chuyển SX 9		300	1458		83,4	
12	Kho nguyên liệu		100	208		67,0	
B	Nhà máy B (tầng 1)						
13	Kho bán thành phẩm		100	110		54,9	
14	KV G.công Cđoạn 2 (SP)	Line 2	300	1175		59,2	
		Line 4	300	2620		60,7	

Giới hạn cho phép QCVN 22 & 24:2016/BYT			Chiếu sáng chung 100 – 10.000(Lux)			Tiếng ồn ≤ 85,0 (dBA)	
TT	Vị trí quan trắc		Mức MIN	Mẫu đạt	chưa đạt	Mẫu đạt	chưa đạt
15	KV kho thành phẩm	Đầu kho	100	174		50,3	
		Cuối kho	100	124		47,9	
16	KV máy đúc lớn		200	329		56,2	
17	KV máy gia công khuôn	Gần đầu KV	200	334		62,6	
		KV sửa khuôn ME	300	323		81,6	
18	Văn phòng khuôn		300	356		60,0	
19	Phòng thiết kế		300	302		54,7	
C	Nhà máy B (tầng 2)						
20	Khu vực văn phòng		300	490		51,1	
21	Kho phụ kiện lắp ráp		100	244		59,0	
22	Phòng lắp ráp	Đầu phòng	300	1154		61,7	
		Cuối phòng	300	1476		62,5	
23	Kho thành phẩm PC		100	153		58,6	
24	Khu khay thùng	K sản sắt kho QC	100	202		49,3	
		K sản sắt kho PC	100	127		42,9	
Tổng cộng				32	0	32	0

* **Ghi chú:** - TCCP ánh sáng: + Tại khu vực kho: 100 - 10.000 (lux)
+ Tại khu vực còn lại: 300 - 10.000 (lux)

* **Tổng hợp kết quả quan trắc:**

Số mẫu ánh sáng: 32

Số mẫu chưa đạt QCVN: 0

Số mẫu độ ồn: 32

Số mẫu chưa đạt QCVN: 0

3.3. ĐIỆN TỪ TRƯỜNG

Yếu tố quan trắc QCVN 02:2019/BYT		Điện trường tần số công nghiệp – Mix QCVN 25:2016		Điện từ trường tần số Radio QCVN 21:2016	
		≤ 650 (V/m)		≤ 10,000 (μW/cm ²)	
TT	Vị trí quan trắc	Mẫu đạt	Chưa đạt	Mẫu đạt	Chưa đạt
A	Nhà máy A (tầng 1)				
1	P. máy cạnh P. giải lao	3		0,323	
2	VP quản lý chất lượng	505		0,416	
3	KV sản xuất 14	423		0,257	
B	Nhà máy B (tầng 1)				
4	Văn phòng khuôn	439		0,195	
5	Phòng thiết kế	365		0,234	
C	Nhà máy B (tầng 2)				
6	Khu vực văn phòng	438		0,268	
	Tổng cộng	6	0	6	0

* Tổng hợp kết quả quan trắc:

Số mẫu điện từ trường công nghiệp: 6 Số mẫu chưa đạt QCVN: 0
Số mẫu điện từ trường radio: 6 Số mẫu chưa đạt QCVN: 0

3.4. BỤI, HƠI KHÍ ĐỘC

Tên khí			CO ₂		Bụi TSP	
Giới hạn theo QCVN 03:2019/BYT			≤ 9.000 mg/m ³		< 6.000 μg/m ³	
TT	Vị trí quan trắc		Mẫu đạt	Chưa đạt	Mẫu đạt	Chưa đạt
A	Nhà máy A (tầng 1)					
1	P. máy cạnh P. giải lao		875			
2	VP quản lý chất lượng		1056		90	
3	P. kiểm tra chất lượng	Check ngoại quan	1275		86	
		Khu vực máy đo	1124		85	
4	Chuyến SX 1-6	Line 2	902		82	
		Line 4	862		91	
		Line 6	894		92	
5	Chuyến SX 10,11	Line 10	911		95	
6	Văn phòng sản xuất		1317		82	
7	KV sản xuất 14		1124		92	
8	Phòng nén khí		971		99	
9	Phòng làm mát		683		56	

Tên khí		CO ₂		Bụi TSP	
Giới hạn theo QCVN 03:2019/BYT		≤ 9.000 mg/m ³		< 6.000 µg/m ³	
TT	Vị trí quan trắc	Mẫu đạt	Chưa đạt	Mẫu đạt	Chưa đạt
10	Chuyến SX 7,8	Line 7	851	92	
11	Chuyến SX 9		906	90	
12	Kho nguyên liệu		891	112	
B	Nhà máy B (tầng 1)				
13	Kho bán thành phẩm		859	86	
14	KV gia công Cđoạn 2 (SP)	Line 2	1078	89	
		Line 4	993	93	
15	KV kho thành phẩm	Đầu kho	703	85	
		Cuối kho	683	81	
16	KV máy đúc lớn		781	98	
17	KV máy gia công khuôn	Gần đầu KV	933	95	
		KV sửa khuôn ME	1152	111	
18	Văn phòng khuôn		1055		
19	Phòng thiết kế		1276	92	
C	Nhà máy B (tầng 2)				
20	Khu vực văn phòng		1273		
21	Kho phụ kiện lắp ráp		671		
22	Phòng lắp ráp	Đầu phòng	1218	91	
		Cuối phòng	1108	90	
23	Kho thành phẩm PC		761		
24	Khu khay thùng	K sản sắt kho QC	682		
		K sản sắt kho PC	615		
Tổng cộng		32	0	25	0

* Tổng hợp kết quả quan trắc:

Số mẫu bụi TSP: 25

Số mẫu khí CO₂: 32

Số mẫu chưa đạt QCVN: 0

Số mẫu chưa đạt QCVN: 0

Tên khí		Butadiene 1,3		Styren		Etylen Oxit		Propylen oxit	
Giới hạn theo QĐ 3733 và QCVN:03/BYT		$\leq 20,000$ mg/m ³		$\leq 85,000$ mg/m ³		$\leq 1,000$ mg/m ³		$\leq 4,800$ mg/m ³	
TT	Vị trí quan trắc	Mẫu đạt	Chưa đạt	Mẫu đạt	Chưa đạt	Mẫu đạt	Chưa đạt	Mẫu đạt	Chưa đạt
D	KV Chung								
1	KV Line 1-6	0,932		1,815		0,031		0,021	
2	KV Line 9	0,525		2,396		0,048		0,019	
3	KV Line 2	0,716		1,741		0,042		0,015	
Tổng cộng		3	0	3	0	3	0	3	0

* Tổng hợp kết quả quan trắc:

Số mẫu khí hữu cơ: 12

Số mẫu chưa đạt QCVN: 0

3.5. TÂM SINH LÝ, EC GONOMY

3.5.1. Sinh lý lao động

TT	Chỉ tiêu	Nhịp tim (Nhịp/phút)		Sức bền cơ (% giảm)		Số mmHg tăng huyết áp tâm thu	
		Nhịp	Điểm nặng nhọc	% giảm	Điểm nặng nhọc	mmHg tăng	Điểm nặng nhọc
1	Lắp ráp	86	4	-	3	25	3
2	Vận hành xe nâng	83	3	-	3	18	2
3	Bảo dưỡng khuôn	81	3	0	2	15	2
4	Kỹ thuật viên sản xuất	78	2	0	2	12	2
5	Gia công khuôn	82	3	-	3	19	2
6	Công nhân đứng máy	85	3	-	3	22	3
Cộng số mẫu		6		6		6	

3.5.2. Tâm lý lao động

TT	Chỉ tiêu	% giảm nhớ ngắn hạn		% giảm thính vận động		% giảm thị vận động	
		% giảm	Điểm nặng nhọc	% giảm	Điểm nặng nhọc	% giảm	Điểm nặng nhọc
1	Lắp ráp	12	2	23	3	16	2
2	Vận hành xe nâng	12	2	26	3	12	2
3	Bảo dưỡng khuôn	0	1	18	2	17	2
4	Kỹ thuật viên sản xuất	0	1	15	2	15	2
5	Gia công khuôn	12	2	21	3	21	3
6	Công nhân đứng máy	12	2	22	3	18	2
Cộng số mẫu		6		6		6	

3.5.3. Tư thế lao động theo OWAS

TT	Vị trí theo công việc	Mã tư thế OWAS			Giải pháp
		Lưng	Tay	chân	
1	Lắp ráp	1	1	1	1
2	Vận hành xe nâng	1	1	1	1
3	Bảo dưỡng khuôn	2	1	2	1
4	Kỹ thuật viên sản xuất	1	1	2	1
5	Gia công khuôn	2	1	2	1
6	Công nhân đứng máy	1	1	2	1
Cộng số mẫu		6		6	

3.5.2. Kích thước ecgonomy trong lao động

Chi tiêu		Chiều cao bề mặt làm việc (cm)		Khoảng cách nhìn (cm)	Không gian để chân (cm)		
		Nam	Nữ		Cao	Sâu	Sau
Vị trí đo theo công việc							
Mức khuyến nghị theo QĐ3733		86-99		30-50	≥15	≥15	≥90
1	Công nhân đứng máy	103		32	26	29	98
2	Bảo dưỡng khuôn	118		40	25	28	90
3	Gia công khuôn	112		35	30	43	91
4	Kỹ thuật viên sản xuất	117		50	18	30	95
5	Lắp ráp	106		48	20	17	92
6	Vận hành xe nâng	92		45	17	33	90
Cộng số mẫu		6		6			6

TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

TT	Yếu tố đo, kiểm tra	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt QCVN	Số mẫu Chưa đạt
1	Nhiệt độ	32	32	0
2	Độ ẩm	32	32	0
3	Tốc độ gió	32	32	0
4	Ánh sáng	32	32	0
5	Ồn	32	32	0
6	Điện từ trường	12	12	0
7	Bụi TSP	25	25	0
8	Hơi khí độc	44	44	0
9	Tâm sinh lý, ecgonomy	48	48	0
Tổng số mẫu:		289	289	0

Tại thời điểm quan trắc môi trường lao động, các chỉ số quan trắc tại các vị trí lấy mẫu đều nằm trong giới hạn cho phép. Đề nghị doanh nghiệp tiếp tục duy trì công việc và có kế hoạch quan trắc môi trường lao động định kỳ theo quy định.

PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN

NGUYỄN QUỐC THỨC
0912061312

P. VIÊN TRƯỞNG



NGUYỄN VIỆT PHONG

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TID
Số (No.): 1431

Ngày (Date) 18 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): Công ty TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)

Mã số thuế (Tax code): 2500243163

Địa chỉ (Address): Lô 37 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản (Account No.):

[illegible]

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa chịu thuế suất	5%	13.891.540	694.577	14.586.117
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	90.909	7.273	98.182
Tổng cộng tiền thanh toán		13.982.449	701.850	14.684.299

Số tiền viết bằng chữ : Mười bốn triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm chín mươi chín đồng

Người mua hàng

(K): ghi rõ họ tên)

(Buyer, sign and full name)

Nguyễn Thị Hoa

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Seller, sign and fill name)

Ký điện từ bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG
NGHIỆP IDICO
Ký ngày 18 tháng 01 năm 2024

Trang (page) 1 / 1

(Cần kiểm tra đối chiếu khí lộn, giao, nhận hóa đơn)

Mô hình cơ quan thuế: 003931D808D9154DA6A23DF1F234E073A5

(Hỗ trợ Điện tử được tra cứu trực tuyến tại <http://tracu.evot.vn>, mã tra cứu: **LCLIQORCQ9**, mã công ty: **3600257771**.)

(Cung cấp giải pháp hòa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TID
Số (No.): 7829

Ngày (Date) **21** tháng (month) **03** năm (year) **2024**

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): Công ty TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)

Mã số thuế (Tax code): 2500243163

Địa chỉ (Address): **Lô 37 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

Hình thức thanh toán (*Payment method*): **Chuyển khoản**

Số tài khoản (Account No.):

[illegible]

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa chịu thuế suất	5%	13.612.780	680.639	14.293.419
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	90.909	7.273	98.182
Tổng cộng tiền thanh toán		13.703.689	687.912	14.391.601

Số tiền viết bằng chữ : Mười bốn triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm lẻ một đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer, sign and full name)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller, sign and full name)

Ký điện từ bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG
NGHIỆP IDICO
Ký ngày 21 tháng 03 năm 2024

Trang (page) 1 / 1

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

MD cîst cer încon thud: 0019021E2C91964671B6E855B9616E5C77

(Hỗ trợ Điện tử được truy cập trực tuyến tại đây: tracuu.evot.vn, mã truy cứu: C9E3P0EPYF, mã công ty: 3600257771)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TID
Số (No.): 13706

Ngày (Date) 17 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): Công ty TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)

Mã số thuế (Tax code): 2500243163

Địa chỉ (Address): **Lô 37 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

Hình thức thanh toán (*Payment method*): Chuyển khoản Số tài khoản (*Account No.*)

[illegible]

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa chịu thuế suất	5%	20.837.310	1.041.866	21.879.176
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	90.909	7.273	98.182
Tổng cộng tiền thanh toán		20.928.219	1.049.139	21.977.358

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi một triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi tám đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer, sign and full name)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller, sign and full name)

Ký điện từ bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG
NGHIỆP IDICO
Ký ngày 17 tháng 05 năm 2024

Trung (page)1 / 1

(Cần kiểm tra đổi chiến khi lập, giao, nhận hóa đơn)

MD5 encryption hash: 00ADF42BEDA4BA4398BA4BF58D975BBF0B

(Hòa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuudvtu.vn>, mã tra cứu: 27AG6548YN, mã công ty: 3600257771)

(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - A/NST: 03/2303803 - www.win-tech.vn)

Mã số thuế (Tax code): 3 6 0 0 2 5 7 7 7 1

Địa chỉ: Đường Tôn Đức Thắng, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Address: Ton Duc Thang St., Nhon Trach 1 Industrial Zone, Phuoc Thien Ward, Nhon Trach Dist, Dong Nai Province
Tel: (0251) 3560 475 Fax: (0251) 3560 477 Email: Website:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TID

S₀ (No.) 10689

Ngày (Date) 16 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ho tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): Công ty TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)

Mã số thuế (Tax code): **2500243163**

Địa chỉ (Address): **Lô 37 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

Hình thức thanh toán (Payment method): **Chuyển khoản** Số tài khoản (Account No.):

[illegible]

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa chịu thuế suất	5%	21.952.350	1.097.618	23.049.968
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	90.909	7.273	98.182
Tổng cộng tiền thanh toán		22.043.259	1.104.891	23.148.150

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi ba triệu một trăm bốn mươi tám nghìn một trăm năm mươi đồng

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Bayer, sign and full name)

Người bán hàng

(Kỹ, ghê rồi họ tên.

(Seller, sign and full name)

Ký điện từ bên: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG
NGHIỆP IDICO

Ký ngày 16 tháng 04 năm 2024

Trans (cose)I / 1

(Cẩn kiểm tra đầu chiều khi lắp, gài, nhận hoặc đem)

Mã chỉ số quốc gia: 0070D214F5D31B41B2997E1DDB02E9CA75

(Mô tả đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại http://tracuu.evat.vn, mã tra cứu: **AYDB8ZK19Z**, mã công ty: **3600257771**)

(Công cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312305803 - www.win-tech.vn)

ĐẦU TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN

Mã số thuế (Tax code): 3 6 0 0 2 5 7 7 7 1

Địa chỉ: Đường Tôn Đức Thắng, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Address: Ton Duc Thang St., Nhon Trach I Industrial Zone, Phuoc Thien Ward, Nhon Trach Dist, Dong Nai Province
Tel: (0251) 3560 475 Fax: (0251) 3560 477 Email: Website:

(VAT INVOICE)

1C24TID

4445

Ngày (Date) 21 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Tên đơn vị (Company): Công ty TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)

Địa chỉ (Address): Lô 37 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Account No.):

Tổng cộng (Total):

Hàng hóa chịu thuế suất

Hàng hóa chịu thuế suất

Tổng cộng tiền thanh toán

Số tiền viết bằng chữ : Mười sáu triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Buyer, sign and full name)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Seller, sign and full name)

Ký diện từ bồi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG
NGHIỆP IDICO
Ký ngày 21 tháng 02 năm 2024

Trang (page) 1 / 1

(Cẩn kiểm tra đối chiếu khi lắp, giao, nhận hóa đơn)

Mã công cụ quản thuế: 003A487DF85AE04A4F8E88F42CED9C4CF8

(Hầu đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuu.evot.vn>, mã tra cứu: **YCOD2FUEXU**, mã công ty: **3600257771**)

(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Ký hiệu (Serial): 1C24TID
Số (No.): 19921

Ngày (Date) 18 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): Công ty TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)

Mã số thuế (Tax code): 2500243163

Địa chỉ (Address): Lô 37 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, services)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa VAT (Amount not included VAT)	Thuế suất GTGT (VAT Rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8 = 6 x 7)	(9 = 6 + 8)
1	Thuê bao đồng hồ đo lưu lượng nước ký tháng 7/2024	CÁI	1	90.909	90.909	8%	7.273	98.182
2	Nước sử dụng ký tháng 7/2024	M3	2.600	11.615	30.199.000	5%	1.509.950	31.708.950
Tổng cộng (Total):					30.289.909		1.517.223	31.807.132

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa chịu thuế suất	5%	30.199.000	1.509.950	31.708.950
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	90.909	7.273	98.182
Tổng cộng tiền thanh toán		30.289.909	1.517.223	31.807.132

Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi một triệu tám trăm lẻ bảy nghìn một trăm ba mươi hai đồng

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Buyer, sign and full name)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Seller, sign and full name)

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG
NGHIỆP IDICO
Ký ngày 18 tháng 07 năm 2024

Trang (page) 1 / 1

(Cần kiểm tra dấu chấu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã của cơ quan thuế: 0024C83A48080A479DB7F7D173755AC5A1

(Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại http: tracuu.vnn.vn, mã tra cứu: CDKONOFQX, mã công ty: 3600257771)

(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - AST: 0212303803 - www.win-tech.vn)

(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312301803 - www.win-tech.vn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): IC24TID
Số (No.): 26307

Ngày (Date) 24 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ho tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): Công ty TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)

Mã số thuế (Tax code): **2500243163**

Địa chỉ (Address): **Lô 37 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

Hình thức thanh toán (*Payment method*): Chuyển khoản

Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, services)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa VAT (Amount not included VAT)	Thuế suất GTGT (VAT Rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8 = 6 x 7)	(9 = 6 + 8)
1	Thuế bảo đóng hồ đo lưu lượng nước kỳ tháng 9/2024	CÁI	1	90.909	90.909	8%	7.273	98.182
2	Nước sử dụng kỳ tháng 9/2024	M3	2.765	16.000	44.240.000	5%	2.212.000	46.452.000
Tổng cộng (Total)					44.330.909		2.219.273	46.550.182

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa chịu thuế suất	5%	44.240.000	2.212.000	46.452.000
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	90.909	7.273	98.182
Tổng cộng tiền thanh toán		44.330.909	2.219.273	46.550.182

Số tiền viết bằng chữ : Bốn mươi sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn một trăm tám mươi hai đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer, sign and full name)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller, sign and full name)

Ký điện từ bên: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KINH CÔNG
NGHIỆP IDICO
Ký ngày 24 tháng 09 năm 2024

(Thay thế cho ký hiệu mẫu số hóa đơn 1, ký hiệu hóa đơn C24THD, số hóa đơn 26149, ngày lập 20/09/2024)

Trang (page) 1 / 1

(Cần kiểm tra đổi chuẩn khi lắp, giao, nhận hàng)

Mã chủ cơ quan thuế: 00681CC368E72B4EE7882897FA6BC6E1F4

(Hòa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại <http://tracu.evot.vn>, mã tra cứu: **OSU08MR0B8**, mã công ty: **3600257771**)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn

Mã số thuế (Tax code): **3 6 0 0 2 5 7 7 7 1**

Địa chỉ: Đường Tôn Đức Thắng, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Address: Ton Duc Thang St., Nhon Trach 1 Industrial Zone, Phuoc Thien Ward, Nhon Trach Dist, Dong Nai Province
Tel: (0251) 3560 475 Fax: (0251) 3560 477 Email: Website:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TID
Số (No.): 29088

Ngày (Date) **22** tháng (month) **10** năm (year) **2024**

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): Công ty TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)

Mã số thuế (Tax code): **2500243163**

Địa chỉ (Address): Lô 37 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán (*Payment method*): **Chuyển khoản** Số tài khoản (*Account No.*):

[illegible]

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa chịu thuế suất	5%	38.320.000	1.916.000	40.236.000
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	90.909	7.273	98.182
Tổng cộng tiền thanh toán		38.410.909	1.923.273	40.334.182

Số tiền viết bằng chữ : Bốn mươi triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn một trăm tám mươi hai đồng

Người mua hàng

(Kỹ ghi rõ họ tên)

(Bayer, sign and full name)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Seller, sign and full name)

Ký điện từ bên: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG
NGHIỆP IDICO
Ký ngày 22 tháng 10 năm 2024

Trang (page) 1 / 1

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoặc đem)

Mã của cơ quan thuế: 00A4F7ADE977E64783AF86F8B45883D07B

(Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuu.evnt.vn>, mã tra cứu: **QYV2DATYW3**, mã công ty: **3600257771**)

(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử; Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TID
Số (No.): 16904

Ngày (Date): 19 tháng (month): 06 năm (year) 2024

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): Công ty TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)

Mã số thuế (Tax code): 2500243163

Địa chỉ (Address): Lô 37 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, services)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa VAT (Amount not included VAT)	Thuế suất GTGT (VAT Rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8 = 6 x 7)	(9 = 6 + 8)
1	Thuê bao đóng hồ đo lưu lượng nước kỳ tháng 6/2024	CÁI	1	90.909	90.909	8%	7.273	98.182
2	Nước sử dụng kỳ tháng 6/2024	M3	2.066	11.615	23.996.590	5%	1.199.830	25.196.420
Tổng cộng (Total):					24.087.499		1.207.103	25.294.602

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa chịu thuế suất	5%	23.996.590	1.199.830	25.196.420
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	90.909	7.273	98.182
Tổng cộng tiền thanh toán		24.087.499	1.207.103	25.294.602

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm lẻ hai đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer, sign and full name)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller, sign and full name)

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG
NGHIỆP IDICO
Ký ngày 19 tháng 06 năm 2024

Trang (page) 1 / 1

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã của cơ quan thuế: 00176B01BADA184D71AB7986DA19FBF1D6

(Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuu.evut.vn>, mã tra cứu: SAPRTSCW4P, mã công ty: 3600257771)

(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

Địa chỉ: Đường Tôn Đức Thắng, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Address: Ton Duc Thang St., Nhon Trach 1 Industrial Zone, Phuoc Thien Ward, Nhon Trach Dist, Dong Nai Province
Tel: (0251) 3560 475 Fax: (0251) 3560 477 Email: Website:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TID
Số (No.): 31493

Ngày (Date) 18 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): Công ty TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)

Mã số thuế (Tax code): **2500243163**

Địa chỉ (Address): **Lô 37 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

Hình thức thanh toán (*Payment method*): Chuyển khoản

Số tài khoản (Account No.)

[illegible]

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa chịu thuế suất	5%	41.968.000	2.098.400	44.066.400
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	90.909	7.273	98.182
Tổng cộng tiền thanh toán		42.058.909	2.105.673	44.164.582

Số tiền viết bằng chữ : Bốn mươi bốn triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi hai đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer, sign and full name)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller, sign and full name)

Ký điện từ bên: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG
NGHIỆP IDICO
Ký ngày 18 tháng 11 năm 2024

Trang (page) 1 / 1

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, ghi, nhận hóa đơn)

Mã của cơ quan thuế: 00ECD6C7EBD876428F964F06448471967E

(Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuu.evui.vn>, mã tra cứu: 50V3I8HYOZ, mã công ty: 3600257771)

(Cung cấp giải pháp bảo đảm điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TID
Số (No.): 35535

Ngày (Date) 19 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): Công ty TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)

Mã số thuế (Tax code): 2500243163

Địa chỉ (Address): **Lô 37 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

Hình thức thanh toán (Payment method): **Chuyển khoản** Số tài khoản (Account No.):

[illegible]

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa chịu thuế suất	5%	27.168.000	1.358.400	28.526.400
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	90.909	7.273	98.182
Tổng cộng tiền thanh toán		27.258.909	1.365.673	28.624.582

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi tám triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi hai đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer, sign and full name)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller, sign and full name)

Ký diện từ bên: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG
NGHIỆP IDICO
Ký ngày 19 tháng 12 năm 2024

Trang (page) 1 / 1

(Cần kiểm tra đầu chuỗi khi lấy vào, nếu không)

Mã chỉ cơ quan thuế: 0096DC4C34EFC84F5C8D40E73BEC81FC82

(Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại <http://tracu.evnt.vn>, mã tra cứu: **IOMYU16KEJ**, mã công ty: **3600257771**)

(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

SAU THAY ĐỔI

TRƯỚC THAY ĐỔI

TT 1
39 máyTT 1
49 máy

300	300 1-1.7	300 2-1.4	300	300 3-1.0
300	300 1-1.4	300 2-1.0	300	300 3-0.9
300	300 1-1.1	300 2-0.8	300	300 3-0.8
300	300 1-1.4	300 2-1.0	300	300 3-0.7
300	300 1-1.1	300 2-0.8	300	300 3-0.6
300	300 1-1.0	300 2-0.8	300	300 3-0.5
300	300 1-0.9	300 2-0.8	300	300 3-0.4
300	300 1-0.8	300 2-0.8	300	300 3-0.3
300	300 1-0.7	300 2-0.8	300	300 3-0.2
300	300 1-0.6	300 2-0.8	300	300 3-0.1

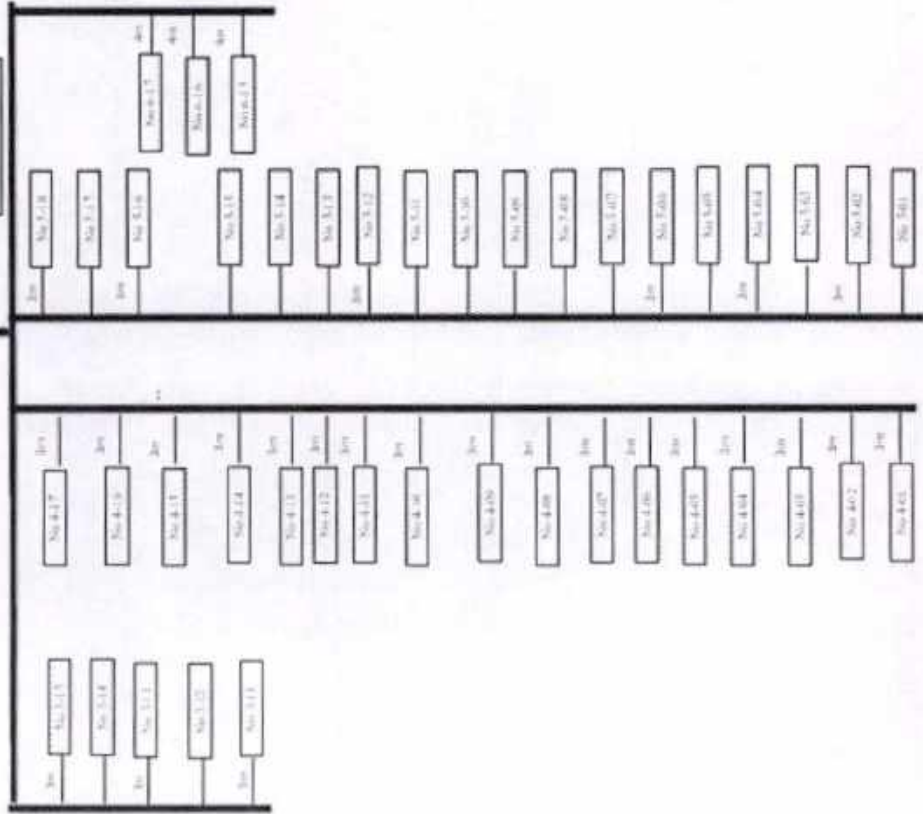
4m	No 1-17	No 2-14	No 3-15	No 4-15
4m	No 1-16	No 2-13	No 3-14	No 4-16
4m	No 1-15	No 2-12	No 3-13	No 4-17
4m	No 1-14	No 2-11	No 3-12	No 4-18
4m	No 1-13	No 2-10	No 3-11	
4m	No 1-12	No 2-9	No 3-10	
4m	No 1-11	No 2-8	No 3-9	
4m	No 1-10	No 2-7	No 3-8	
4m	No 1-9	No 2-6	No 3-7	
4m	No 1-8	No 2-5	No 3-6	
4m	No 1-7	No 2-4	No 3-5	
4m	No 1-6	No 2-3	No 3-4	
4m	No 1-5	No 2-2	No 3-3	
4m	No 1-4	No 2-1	No 3-2	
4m	No 1-3			
4m	No 1-2			
4m	No 1-1			

CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI TRUNG TÂM 2



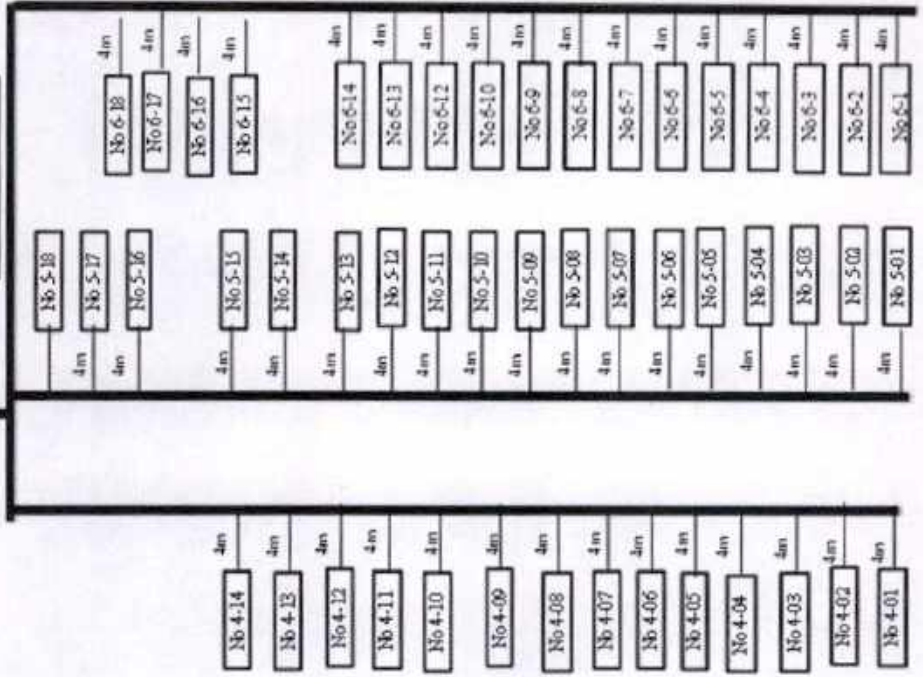
TRƯỚC THAY ĐỔI

TT 2
43 máy



SAU THAY ĐỔI

TT 2
49 máy



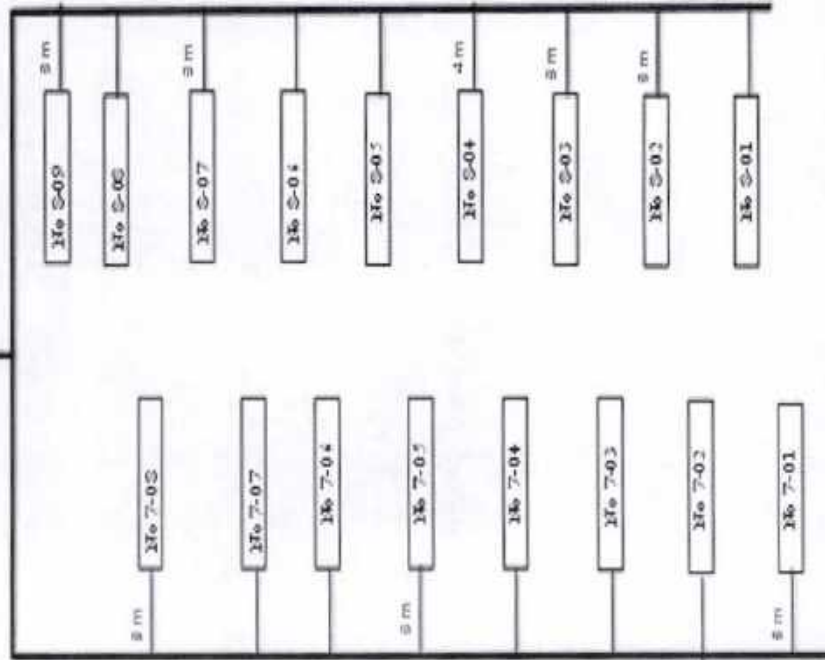
CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI TRUNG TÂM 3

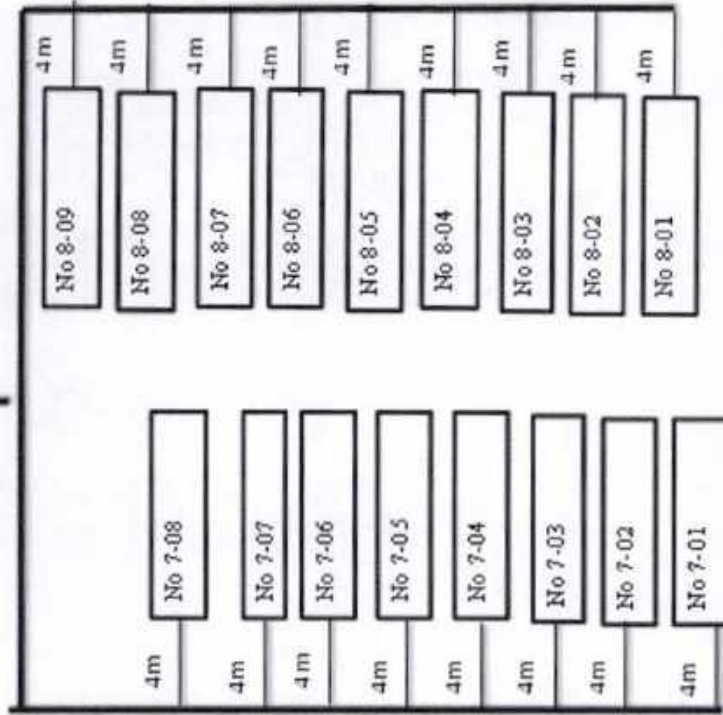
NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

TRƯỚC THAY ĐỔI

TT 3
17 máy



TT 3
17 máy



CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI TRUNG TÂM 4

NIDEC INSTRUMENTS

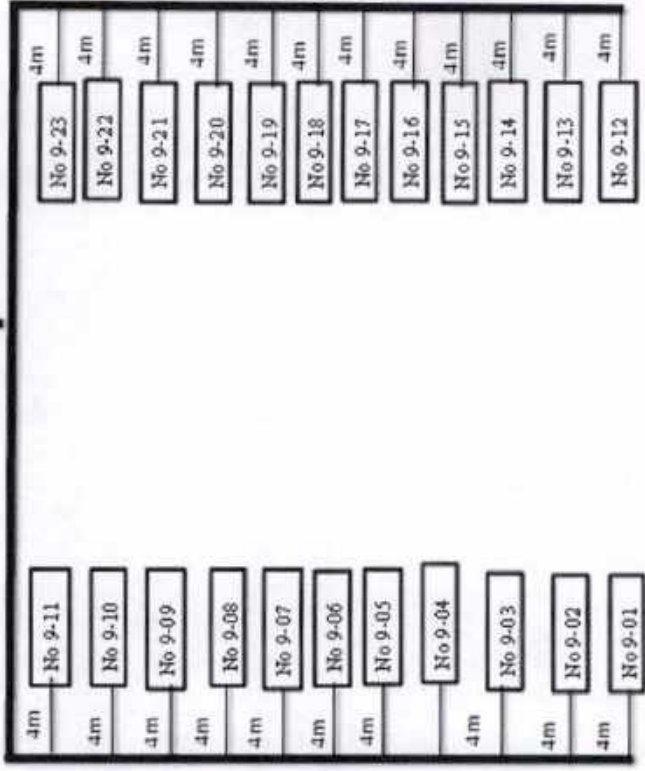
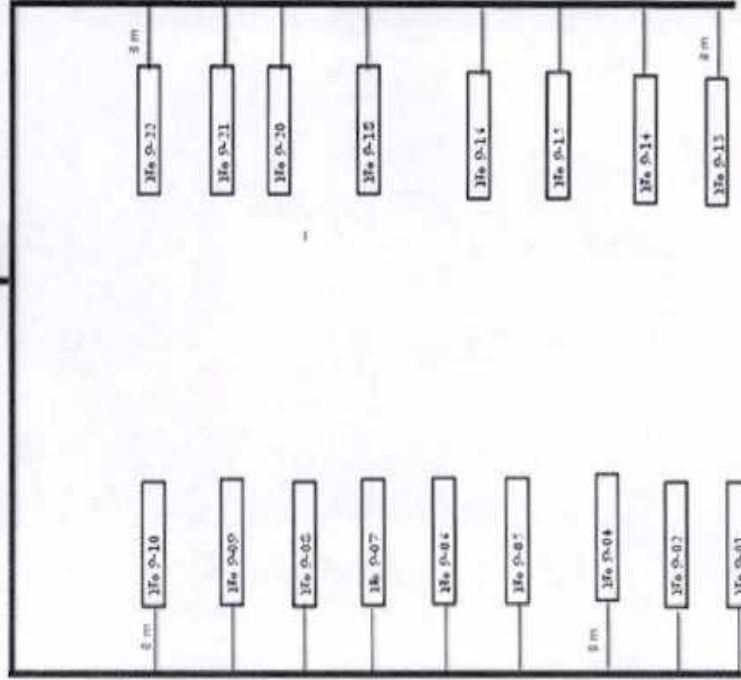
(HÀ NỘI)

TRƯỚC THAY ĐỔI

SAU THAY ĐỔI

TT 4
17 máy

TT 4
23 máy



CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI TRUNG TÂM 5

NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

TRƯỚC THAY ĐỔI

TT 5
37 máy

TT 5
23 máy

SAU THAY ĐỔI

Nhà 6-14
Nhà 6-13
Nhà 6-12
Nhà 6-10
Nhà 6-9
Nhà 6-8
Nhà 6-7
Nhà 6-6
Nhà 6-5
Nhà 6-4
Nhà 6-3
Nhà 6-2
Nhà 6-1

Nhà 10-11
Nhà 10-10
Nhà 10-9
Nhà 10-8
Nhà 10-7
Nhà 10-6
Nhà 10-5
Nhà 10-4
Nhà 10-3
Nhà 10-2
Nhà 10-1

Nhà 11-12
Nhà 11-11
Nhà 11-10
Nhà 11-9
Nhà 11-8
Nhà 11-7
Nhà 11-6
Nhà 11-5
Nhà 11-4
Nhà 11-3
Nhà 11-2
Nhà 11-1

Nhà 10-11
Nhà 10-10
Nhà 10-9
Nhà 10-8
Nhà 10-7
Nhà 10-6
Nhà 10-5
Nhà 10-4
Nhà 10-3
Nhà 10-2
Nhà 10-1

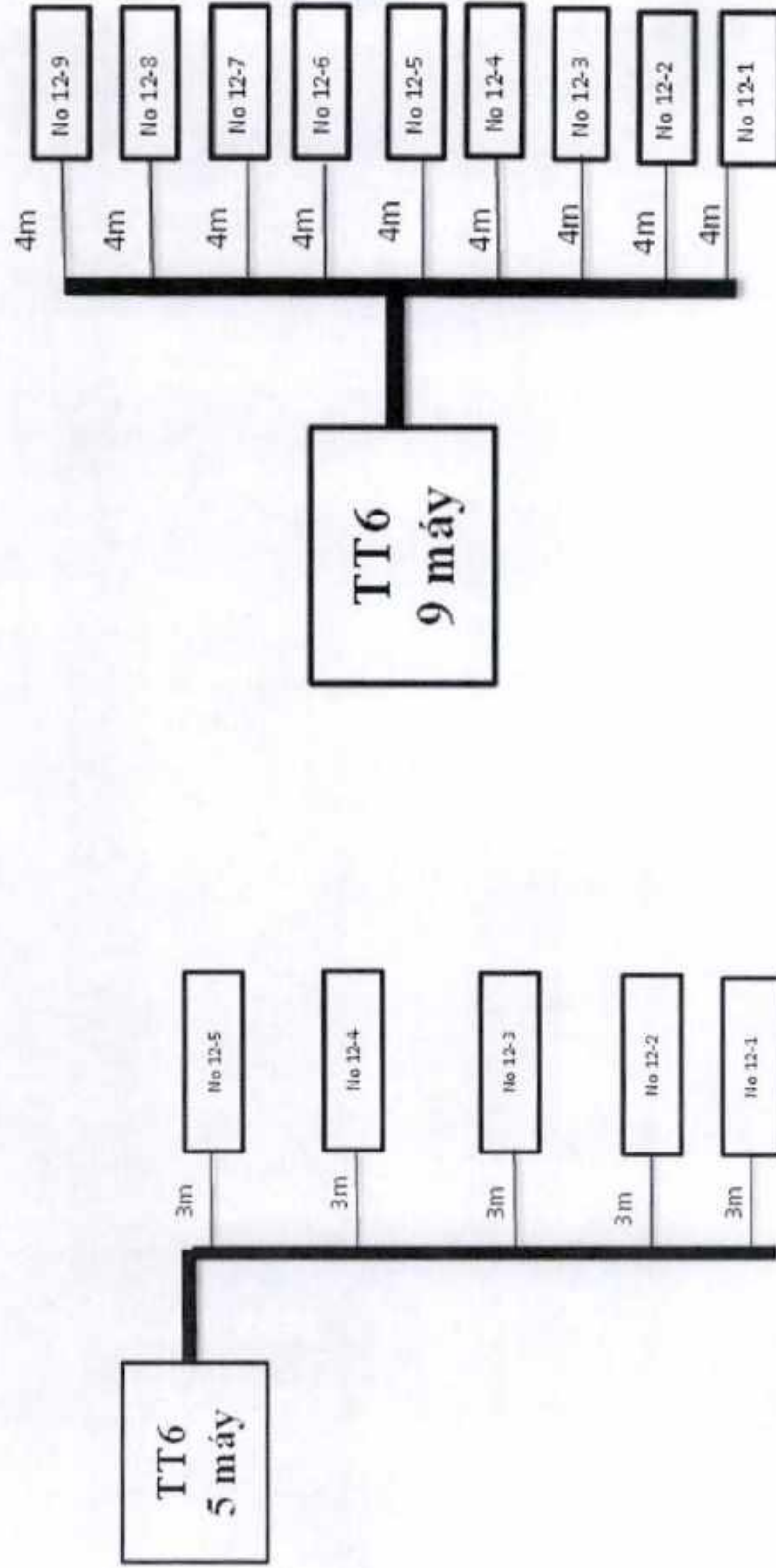
Nhà 11-12
Nhà 11-11
Nhà 11-10
Nhà 11-9
Nhà 11-8
Nhà 11-7
Nhà 11-6
Nhà 11-5
Nhà 11-4
Nhà 11-3
Nhà 11-2
Nhà 11-1



CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI TRUNG TÂM 6

TRƯỚC THAY ĐỔI



CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (HÀ NỘI)

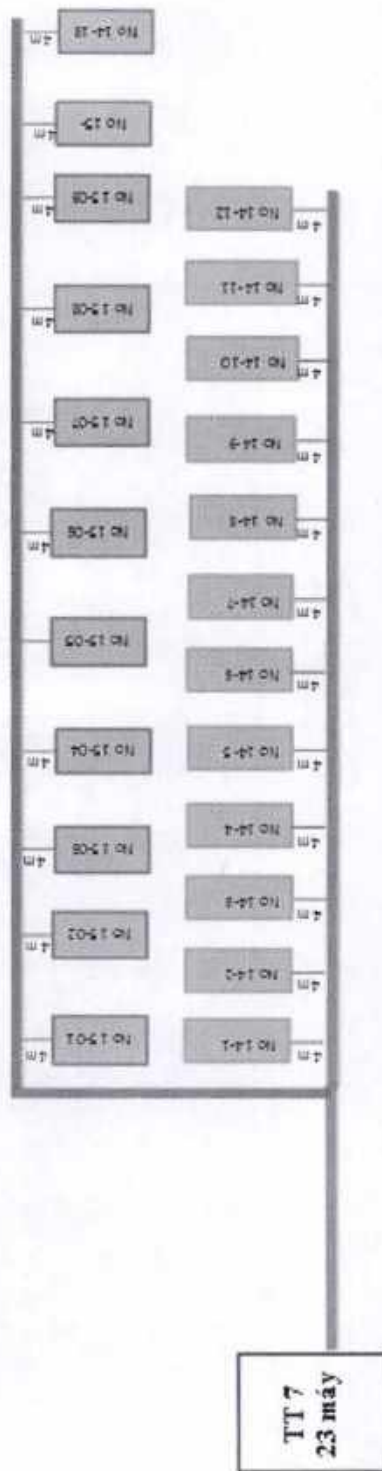
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI TRUNG TÂM 7



TRƯỚC THAY ĐỔI



SAU THAY ĐỔI

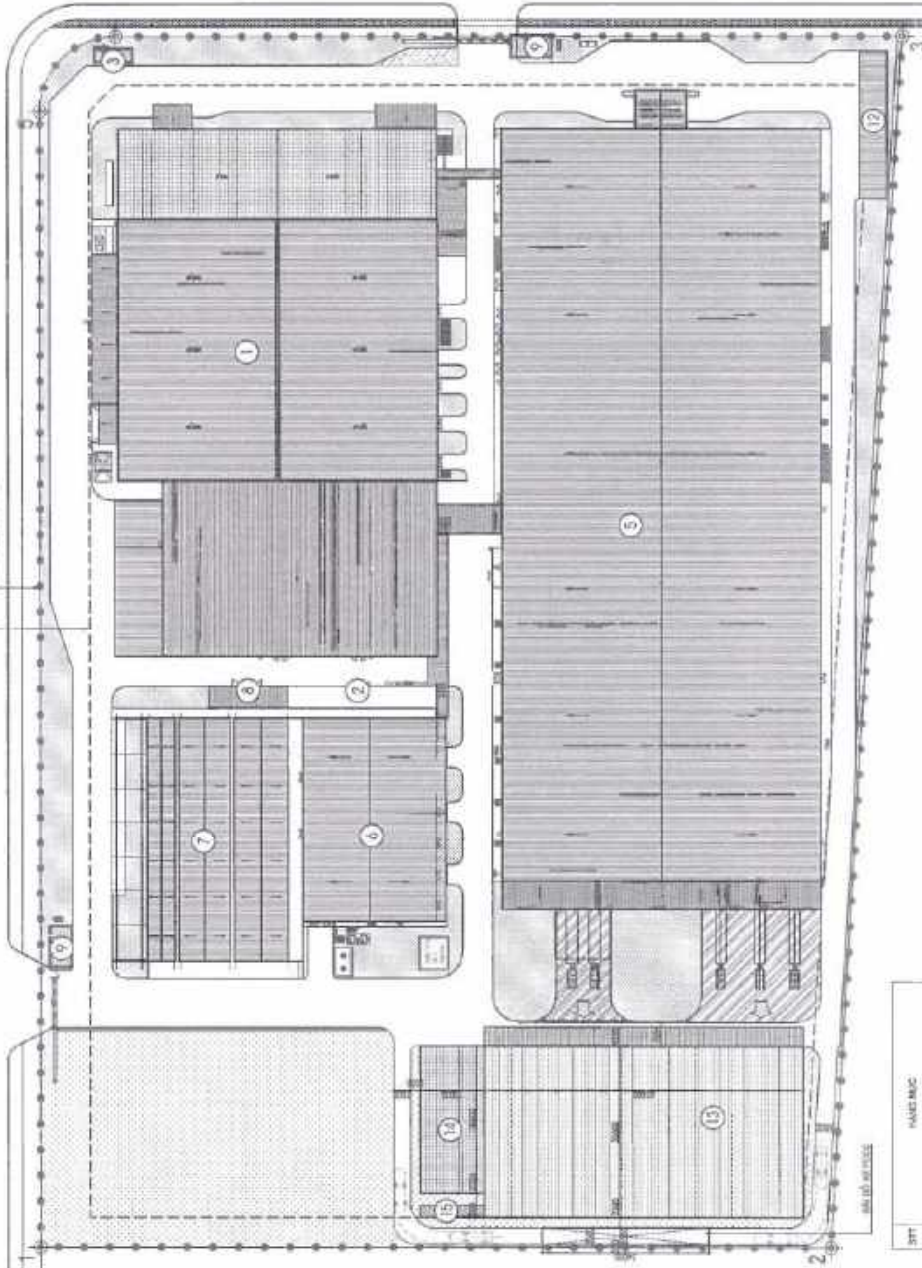


1:00000000

1:00000000



PLOT 37		45000000	
LANDMARKS	X	Y	
S1	20000000	45000000	SPRINKLER
E	20000000	45000000	SPRINKLER
A	20000000	45000000	SPRINKLER
B	20000000	45000000	SPRINKLER
C	20000000	45000000	SPRINKLER
D	20000000	45000000	SPRINKLER



1:00000000

STT	HÀNG MỤC
1	CÁC CÔNG TRÌNH KINH TẾ
2	TRƯỜNG MẦM NON
3	TRƯỜNG TIỂU HỌC
4	TRƯỜNG THPT
5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC
6	TRƯỜNG ĐÀO TẠO
7	TRƯỜNG ĐÀO TẠO
8	TRƯỜNG ĐÀO TẠO
9	TRƯỜNG ĐÀO TẠO
10	TRƯỜNG ĐÀO TẠO
11	TRƯỜNG ĐÀO TẠO
12	TRƯỜNG ĐÀO TẠO
13	TRƯỜNG ĐÀO TẠO
14	TRƯỜNG ĐÀO TẠO
15	TRƯỜNG ĐÀO TẠO

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CẢI TẠO
T.L: 1/5000

STT	HÀNG MỤC
1	CÁC CÔNG TRÌNH KINH TẾ
2	TRƯỜNG MẦM NON
3	TRƯỜNG TIỂU HỌC
4	TRƯỜNG THPT
5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC
6	TRƯỜNG ĐÀO TẠO
7	TRƯỜNG ĐÀO TẠO
8	TRƯỜNG ĐÀO TẠO
9	TRƯỜNG ĐÀO TẠO
10	TRƯỜNG ĐÀO TẠO
11	TRƯỜNG ĐÀO TẠO
12	TRƯỜNG ĐÀO TẠO
13	TRƯỜNG ĐÀO TẠO
14	TRƯỜNG ĐÀO TẠO
15	TRƯỜNG ĐÀO TẠO

NOTE: NOTE

TÊN DỰ ÁN: PROJECT NAME
EXTENSION FACTORY PROJECT
OF NIDEC INSTRUMENTS (HANOI)
CORPORATION



CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

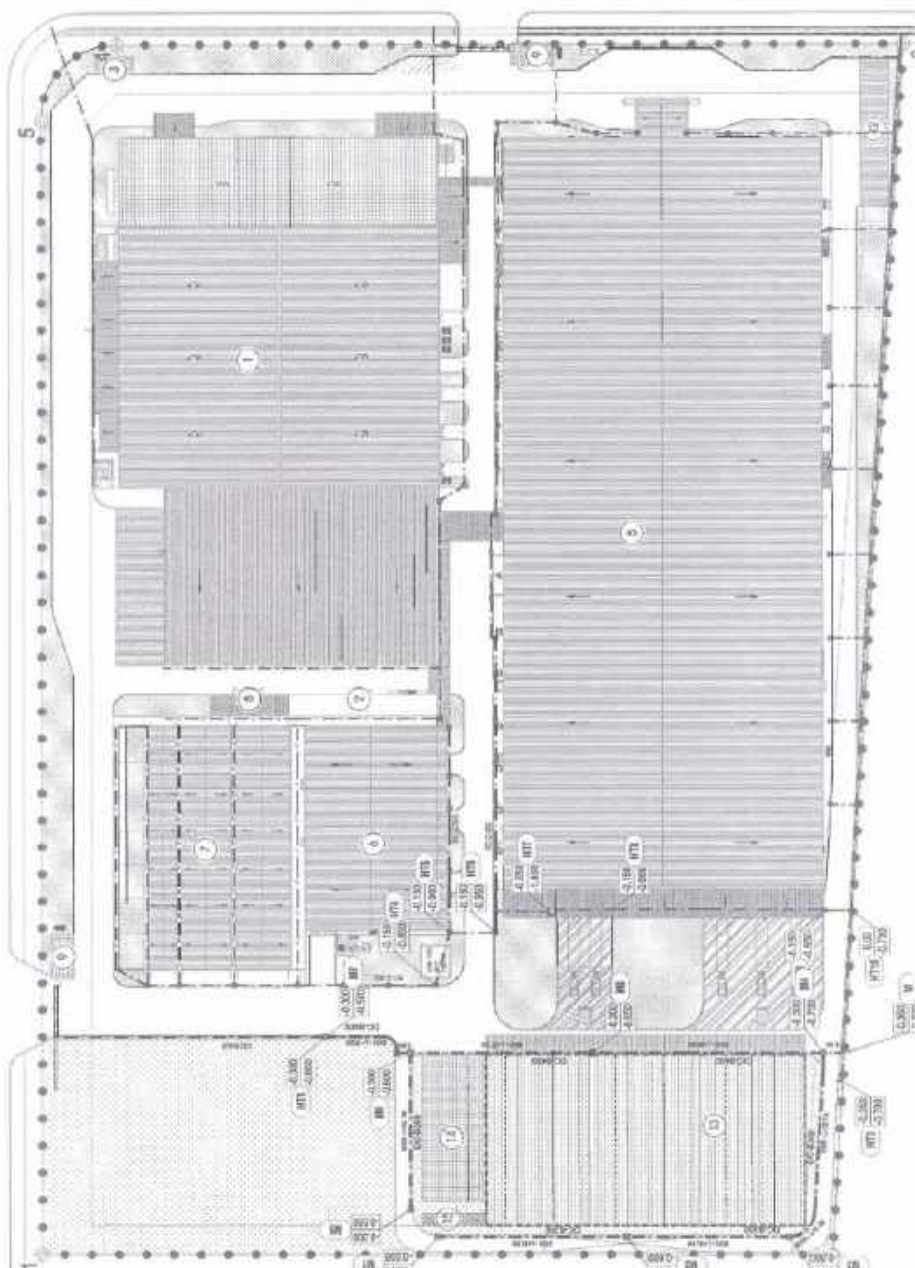
CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)

CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(HÀ NỘI)



KÝ HIỆU

I CÁC CÔNG TRÌNH HIỆN TRẠNG

- ① NHƯ XUÔNG AI
- ② NHỮNG TRÒ KHỎI VỀ SỰK THAY QUÂN (H)
- ③ NHẢY BÃO VỆ 1
- ④ NHẢY BỂ ĐÓNG BÊ THẢO DỒ VÀ D CHUYỀN
- ⑤ NHƯ XUÔNG A + HAY PHÒNG
- ⑥ CẶNG TÍN (NHÀ AN + THUY ĐO)
- ⑦ NHẢY BỂ ĐÓNG
- ⑧ NHỎ CHUYA RÁC
- ⑨ NHẢY BÃO VỆ 2A3
- ⑩ BÊ NGANG CHAY NƯỚC PCCC

II. CÁC CÔNG TRÌNH HIỆN TRẠNG

- 13 NHÀ XƯỞNG XÂY NÉT
 14 NHÀ AHH / GRC
 15 PROCESS CHILLER

KÝ HIỆU

1. **ĐỀ THI**
 2. **ĐỀ THI**
 3. **ĐỀ THI**
 4. **ĐỀ THI**
 5. **ĐỀ THI**
 6. **ĐỀ THI**
 7. **ĐỀ THI**
 8. **ĐỀ THI**
 9. **ĐỀ THI**
 10. **ĐỀ THI**
 11. **ĐỀ THI**
 12. **ĐỀ THI**
 13. **ĐỀ THI**
 14. **ĐỀ THI**
 15. **ĐỀ THI**
 16. **ĐỀ THI**
 17. **ĐỀ THI**
 18. **ĐỀ THI**
 19. **ĐỀ THI**
 20. **ĐỀ THI**
 21. **ĐỀ THI**
 22. **ĐỀ THI**
 23. **ĐỀ THI**
 24. **ĐỀ THI**
 25. **ĐỀ THI**
 26. **ĐỀ THI**
 27. **ĐỀ THI**
 28. **ĐỀ THI**
 29. **ĐỀ THI**
 30. **ĐỀ THI**
 31. **ĐỀ THI**
 32. **ĐỀ THI**
 33. **ĐỀ THI**
 34. **ĐỀ THI**
 35. **ĐỀ THI**
 36. **ĐỀ THI**
 37. **ĐỀ THI**
 38. **ĐỀ THI**
 39. **ĐỀ THI**
 40. **ĐỀ THI**
 41. **ĐỀ THI**
 42. **ĐỀ THI**
 43. **ĐỀ THI**
 44. **ĐỀ THI**
 45. **ĐỀ THI**
 46. **ĐỀ THI**
 47. **ĐỀ THI**
 48. **ĐỀ THI**
 49. **ĐỀ THI**
 50. **ĐỀ THI**
 51. **ĐỀ THI**
 52. **ĐỀ THI**
 53. **ĐỀ THI**
 54. **ĐỀ THI**
 55. **ĐỀ THI**
 56. **ĐỀ THI**
 57. **ĐỀ THI**
 58. **ĐỀ THI**
 59. **ĐỀ THI**
 60. **ĐỀ THI**
 61. **ĐỀ THI**
 62. **ĐỀ THI**
 63. **ĐỀ THI**
 64. **ĐỀ THI**
 65. **ĐỀ THI**
 66. **ĐỀ THI**
 67. **ĐỀ THI**
 68. **ĐỀ THI**
 69. **ĐỀ THI**
 70. **ĐỀ THI**
 71. **ĐỀ THI**
 72. **ĐỀ THI**
 73. **ĐỀ THI**
 74. **ĐỀ THI**
 75. **ĐỀ THI**
 76. **ĐỀ THI**
 77. **ĐỀ THI**
 78. **ĐỀ THI**
 79. **ĐỀ THI**
 80. **ĐỀ THI**
 81. **ĐỀ THI**
 82. **ĐỀ THI**
 83. **ĐỀ THI**
 84. **ĐỀ THI**
 85. **ĐỀ THI**
 86. **ĐỀ THI**
 87. **ĐỀ THI**
 88. **ĐỀ THI**
 89. **ĐỀ THI**
 90. **ĐỀ THI**
 91. **ĐỀ THI**
 92. **ĐỀ THI**
 93. **ĐỀ THI**
 94. **ĐỀ THI**
 95. **ĐỀ THI**
 96. **ĐỀ THI**
 97. **ĐỀ THI**
 98. **ĐỀ THI**
 99. **ĐỀ THI**
 100. **ĐỀ THI**

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA CẢI TẠO

TL: 1/500

NOTE

CHARTERED ACCOUNTANTS
EXTENSION FACTORY PROJECT
OF NIOEC INSTRUMENTS (HANOI)
CORPORATION

COUNTRY TRAVEL SERVICE

NAMKANO VIETNAM CO., LTD.
 CÔNG TY TNHH NAMKANO VIỆT NAM

TRƯỜNG THỰC HÀNH - CÔNG NGHỆ
CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT SẢN PHẨM - CÔNG
NGHỆ SẢN XUẤT SẢN PHẨM - CÔNG NGHỆ

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN / DESIGNED BY
VĂN CƠ ĐIỆN NƯỚC VÀ MỸ SỐ 1
Số 07-346A Đ. LA THÁI - ĐÓNG LẠI - TP. HỒ CHÍ MINH
ĐT: 09 37851442 - 2943 98 00004433

Dr. Robert G. Vetter
10000 W. 16th Ave., Suite 300
Denver, CO 80202
Tel: 303.733.8778

CO-TRAFFIC-10842
CROSS-TRAFFIC BY

ALL INFORMATION CONTAINED
HEREIN IS UNCLASSIFIED
DATE 07-20-2018 BY 60320 UCBAW

[illegible]

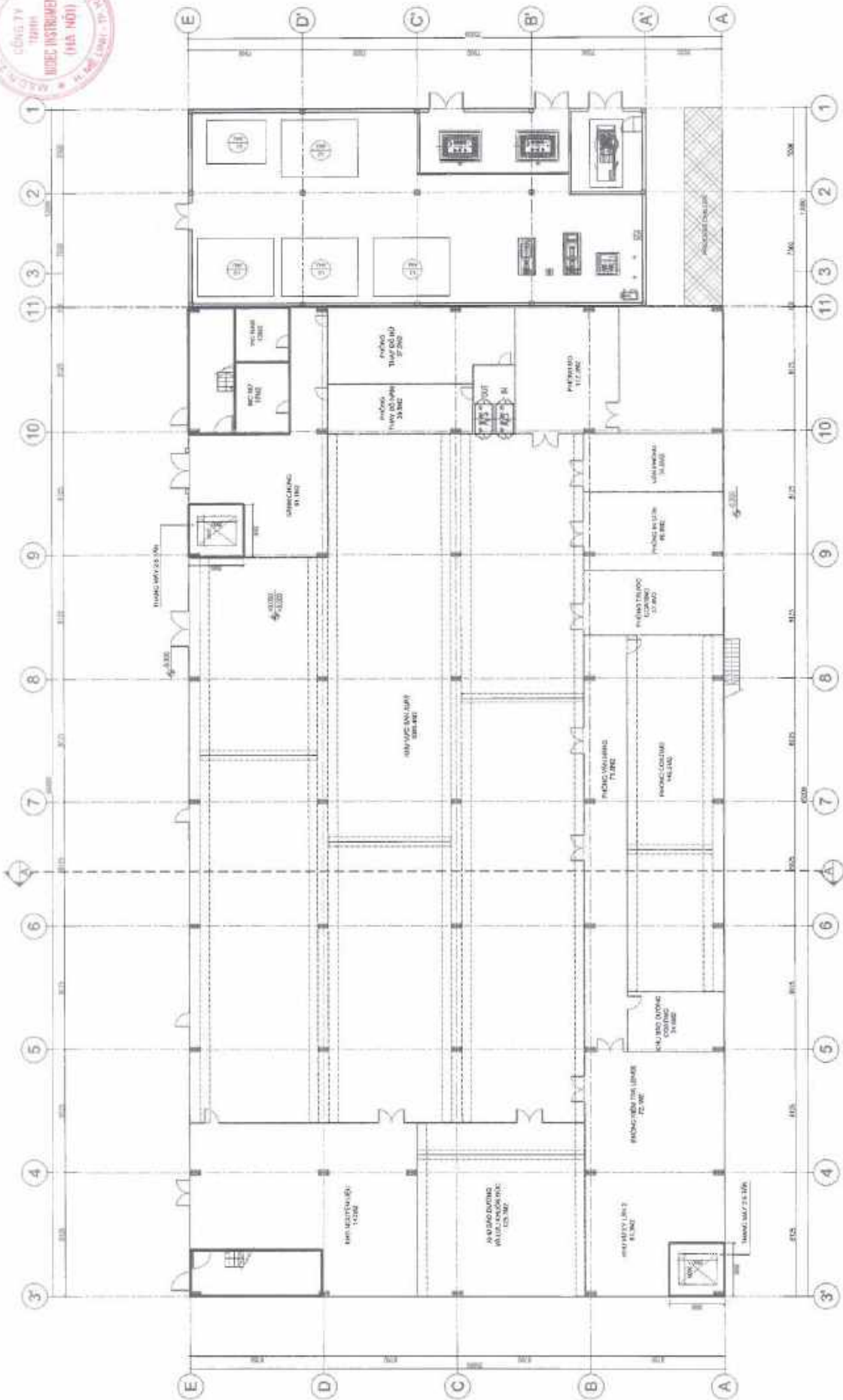
WILLIAMSON COUNTY
 SNYDER, IAN
 2006 GRAYSON - 2100 611

1990-1991	1991-1992
-----------	-----------

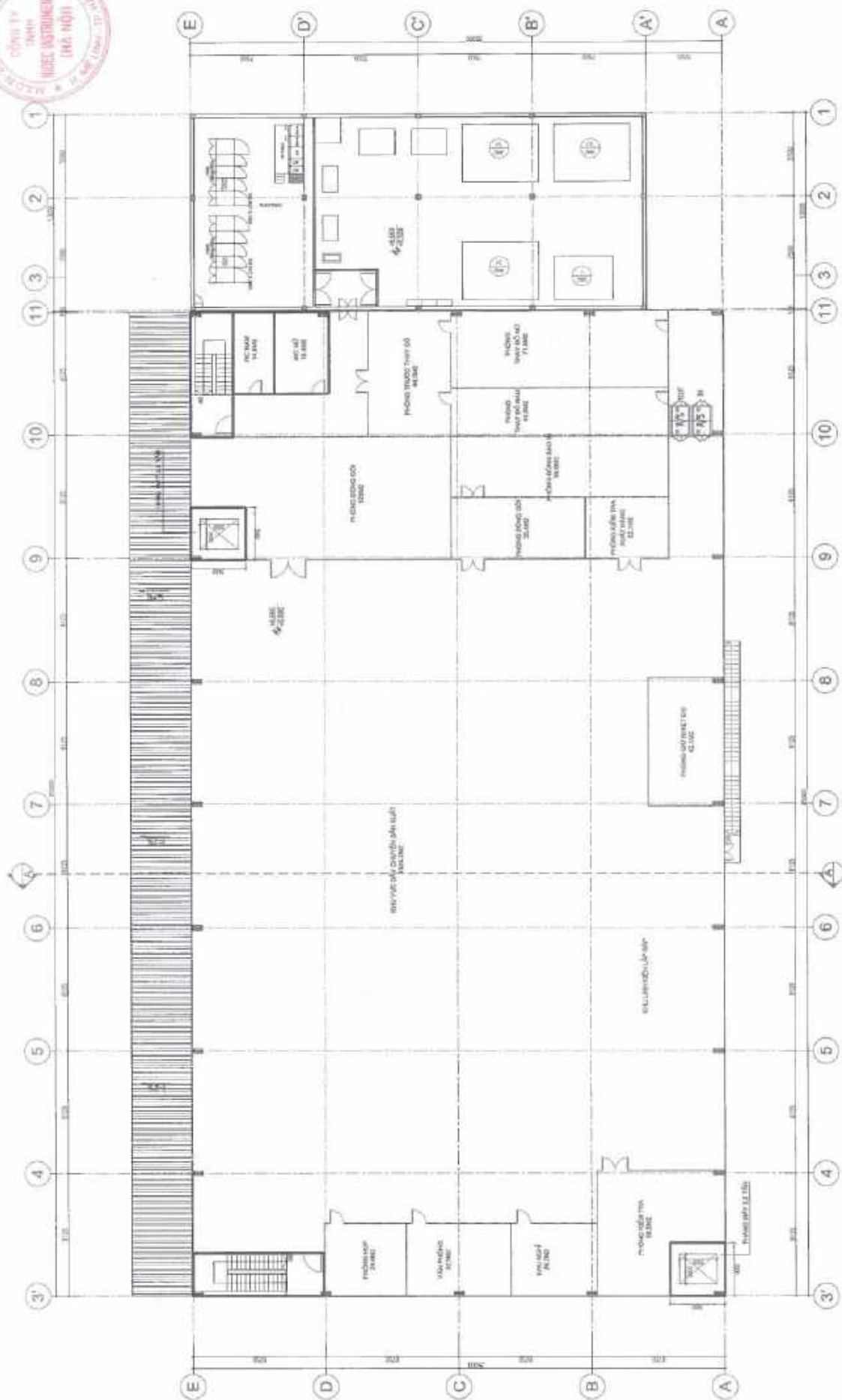
TRUCK	0
-CONTAINER FWD - DATE	
120024	

SW4-01-101

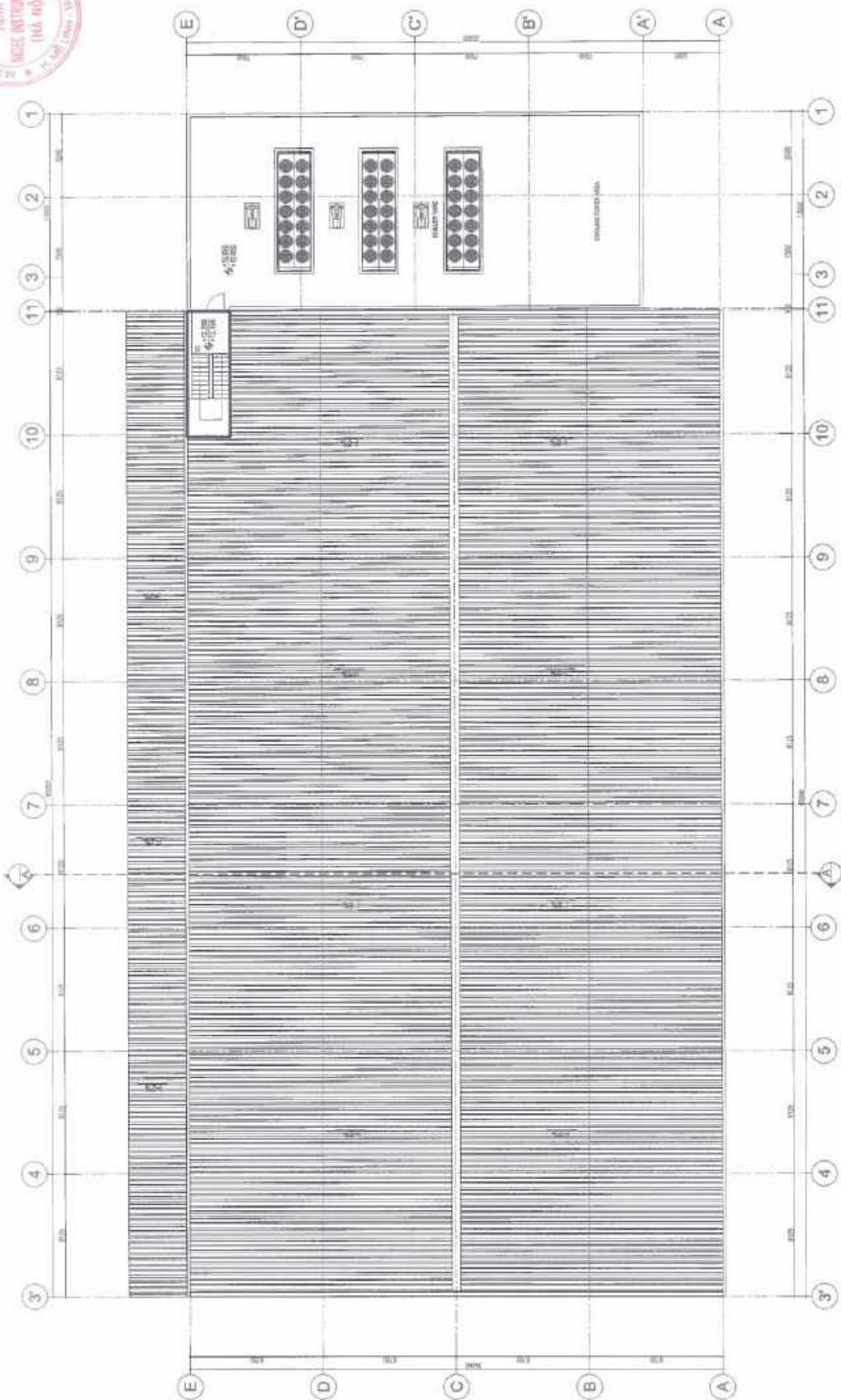




MẶT BẰNG TẦNG 1
TL: 1/150

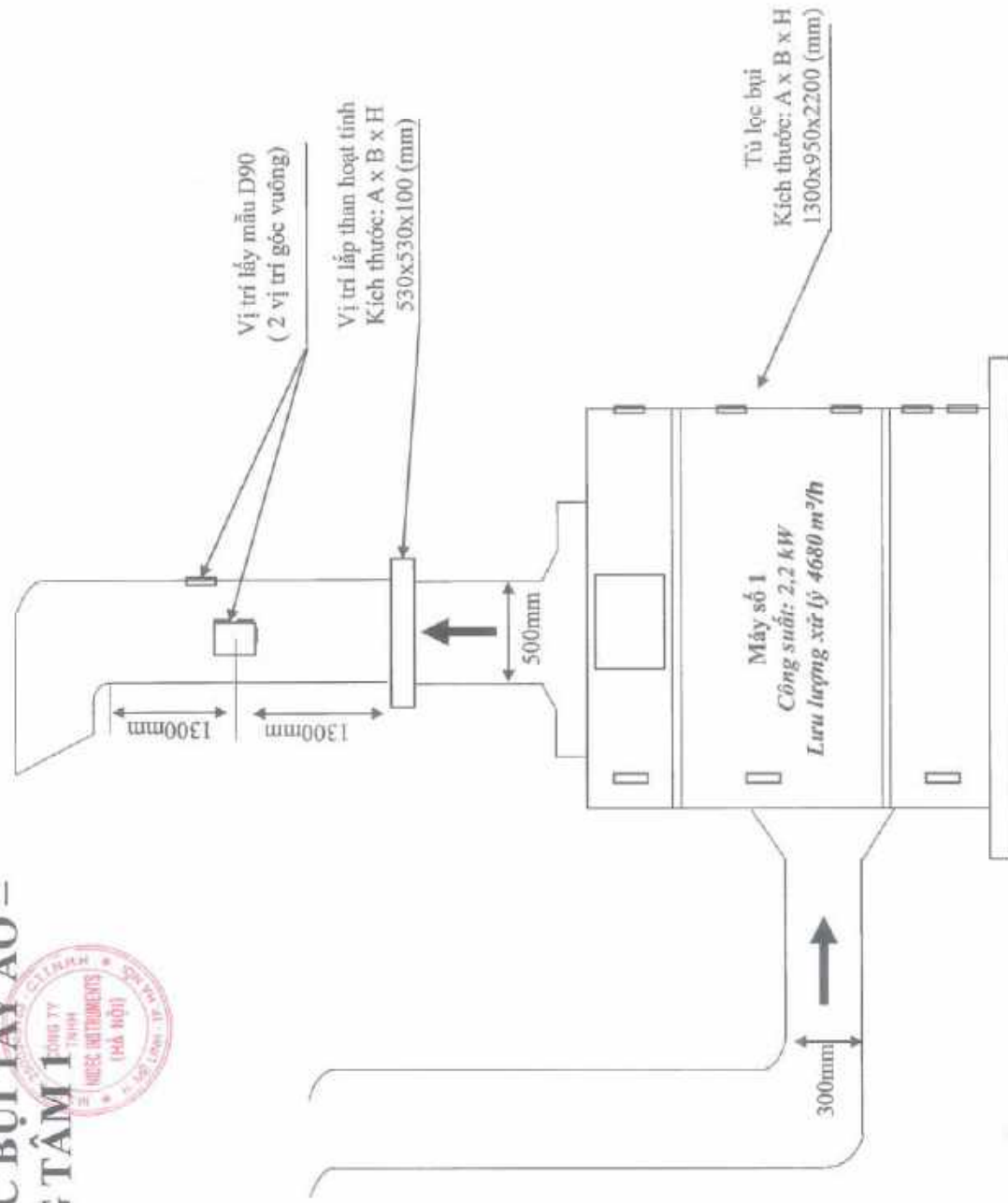


MẶT BẰNG TẦNG 2
T.L: 1/150

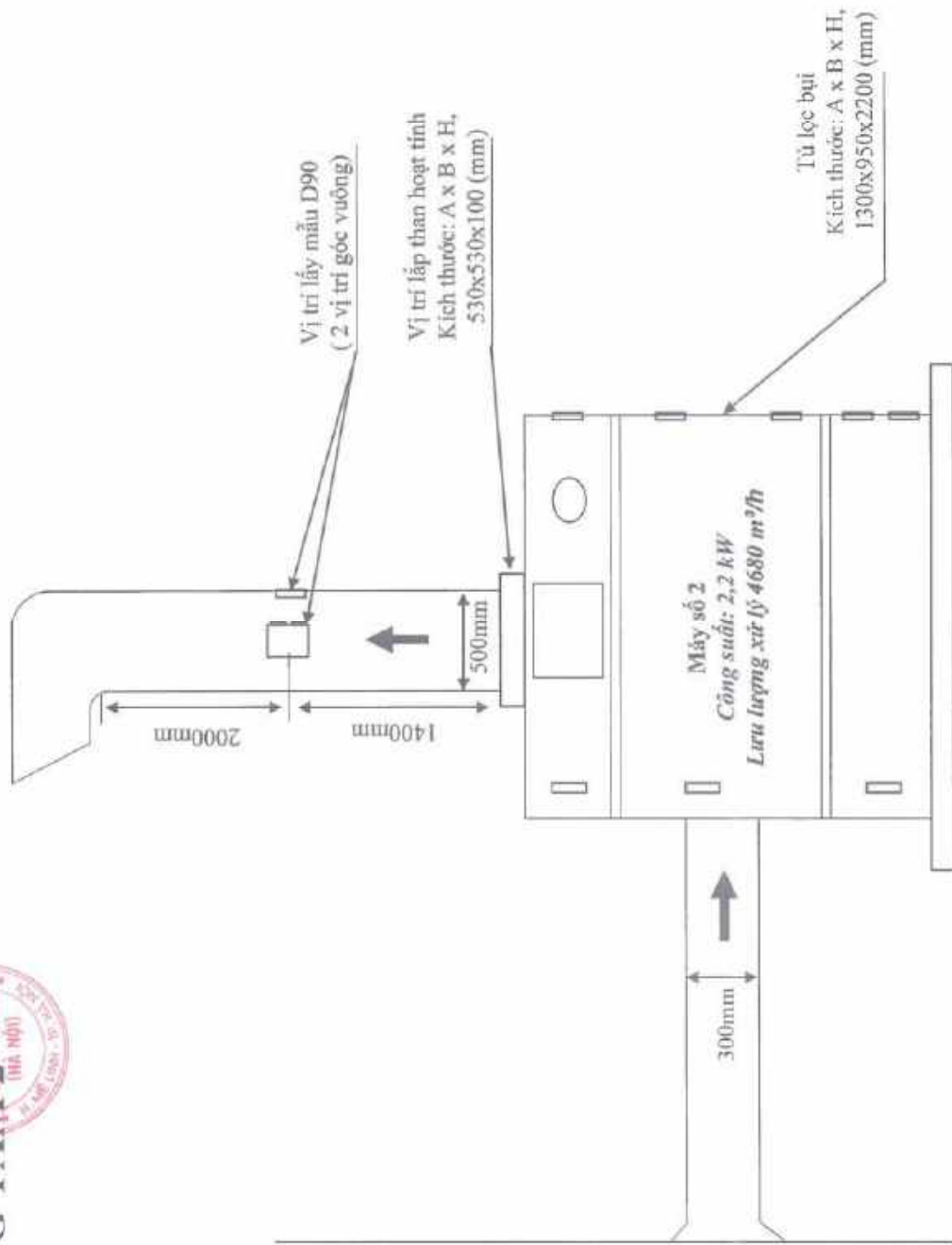


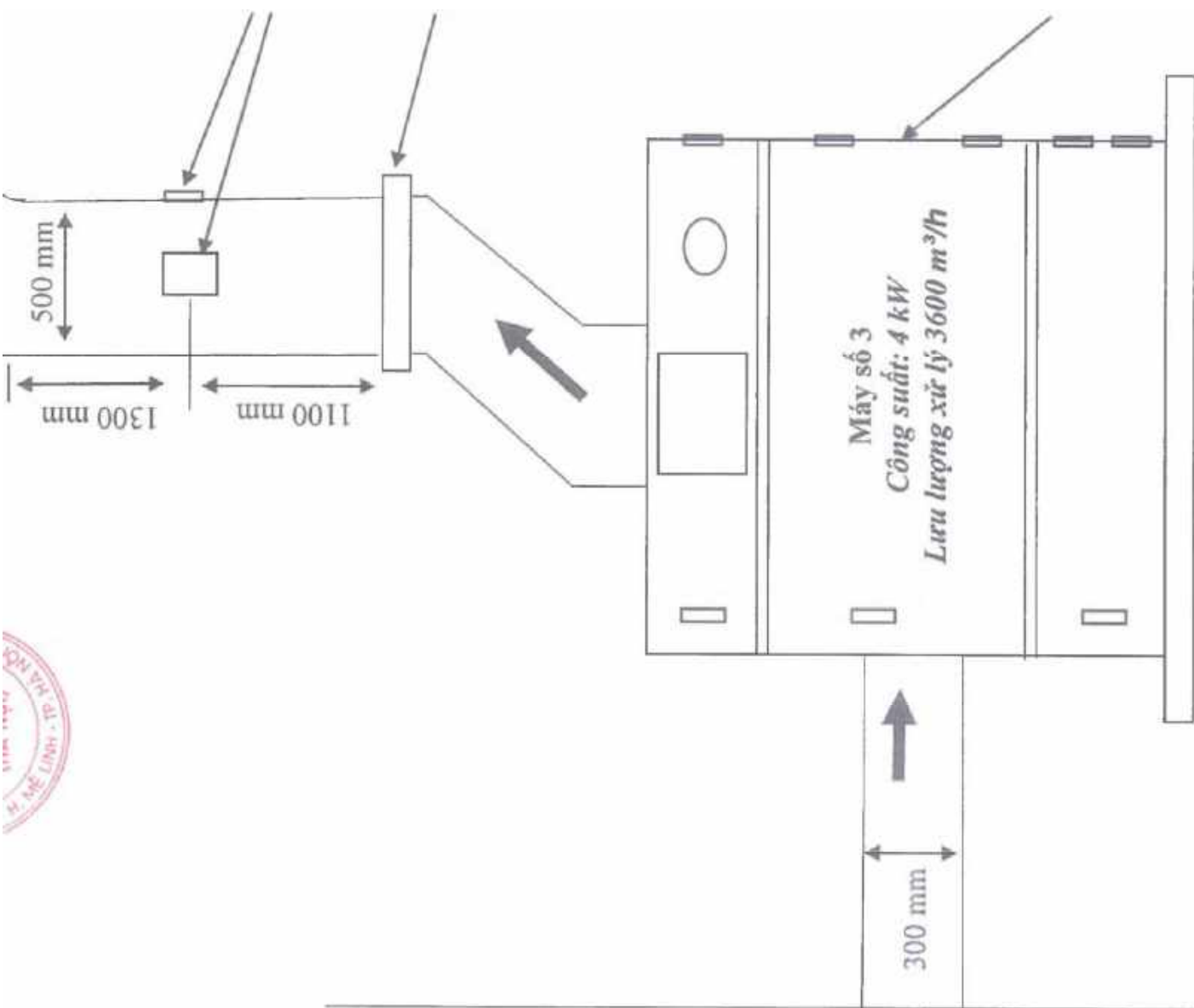
MẶT BẰNG MÃI
TL: 1/150

HỆ THỐNG LỌC BỤI TAY ÁO – TRUNG TÂM 1



HỆ THỐNG LỌC BỤI TAY ÁO – TRUNG TÂM 2



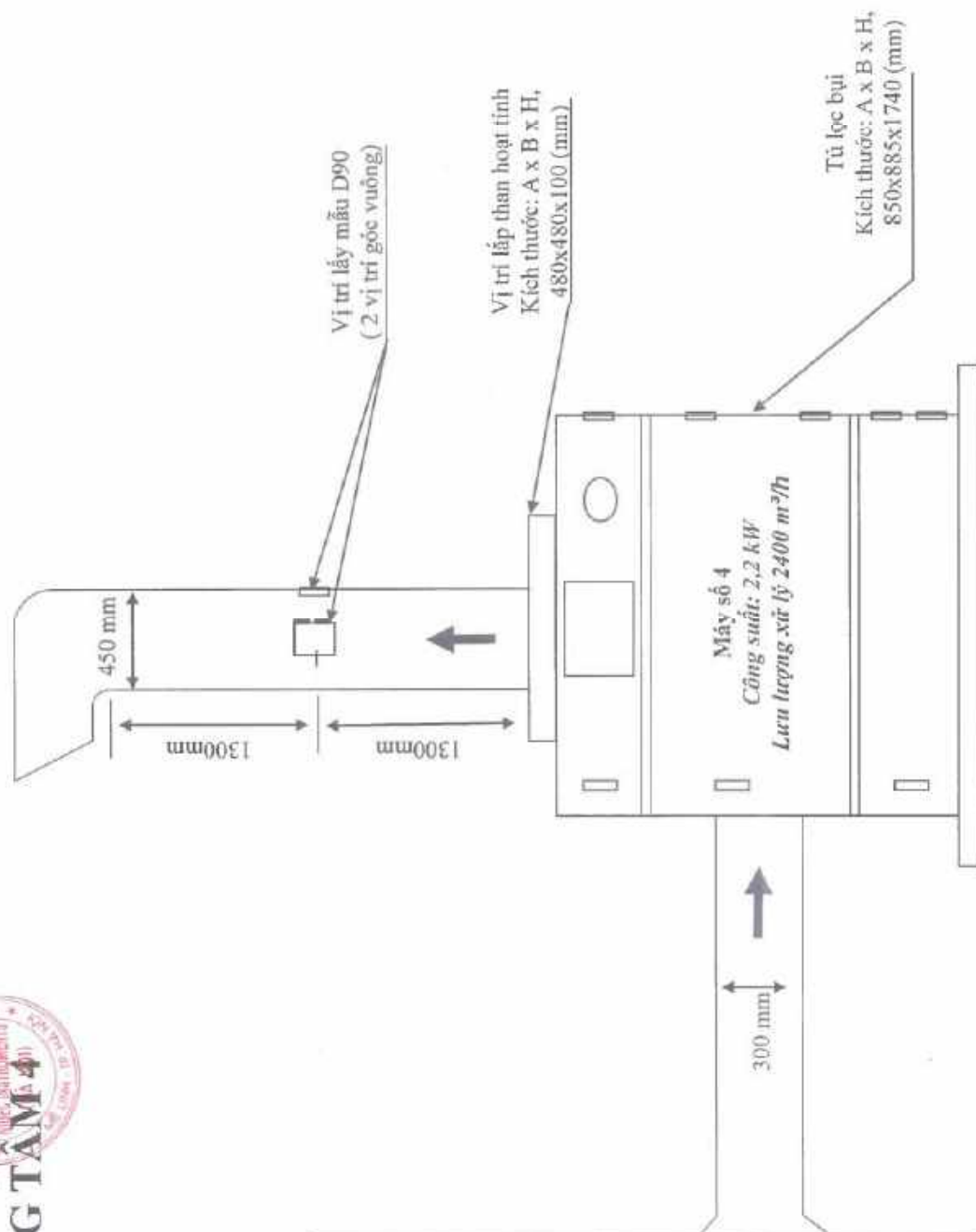


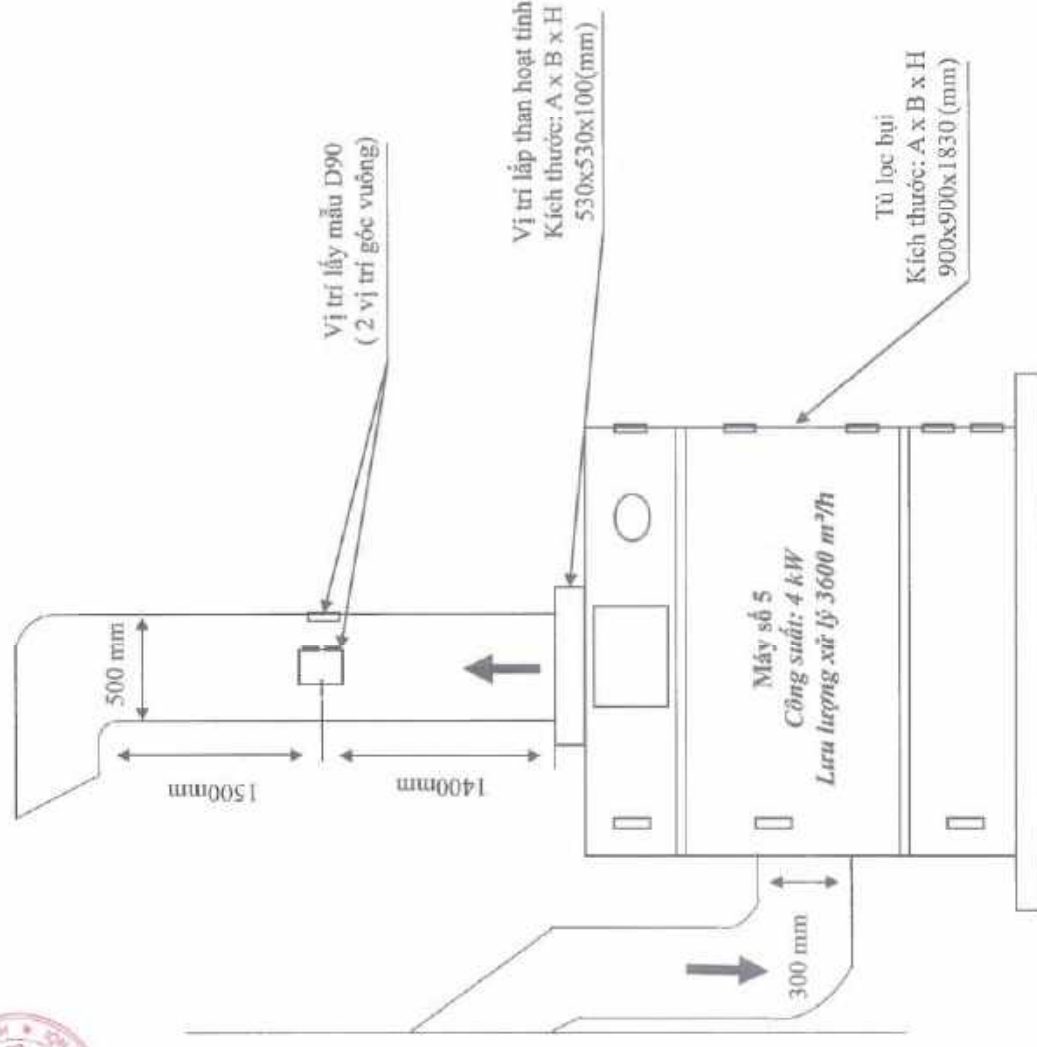
Vị trí lấy mẫu D90
(2 vị trí góc vuông)

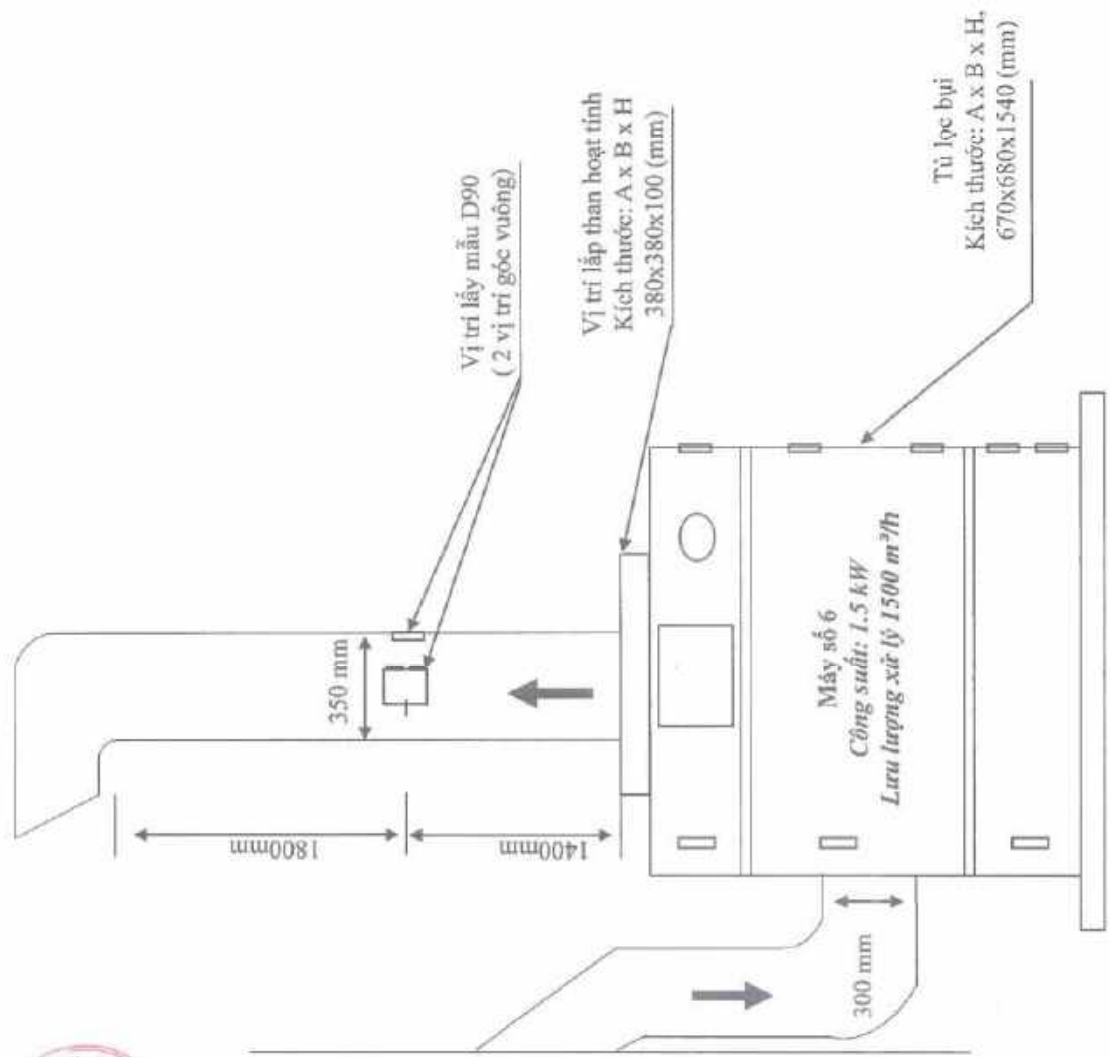
Vị trí lắp than hoạt tính
Kích thước: A x B x H
530x530x100 (mm)

Tủ lọc bụi
Kích thước: A x B x H
900x900x1830 (mm)

**TỦ HÚT LỘC BỤI -
TRUNG TÂM 4**



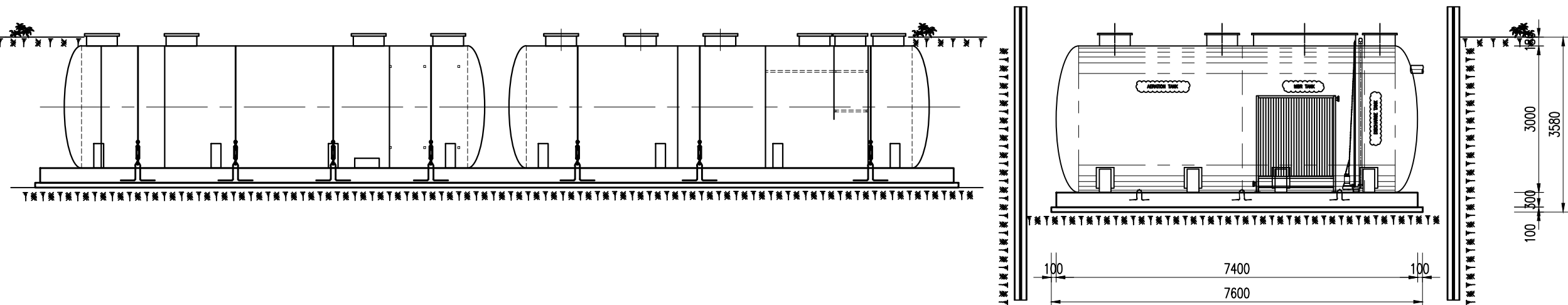
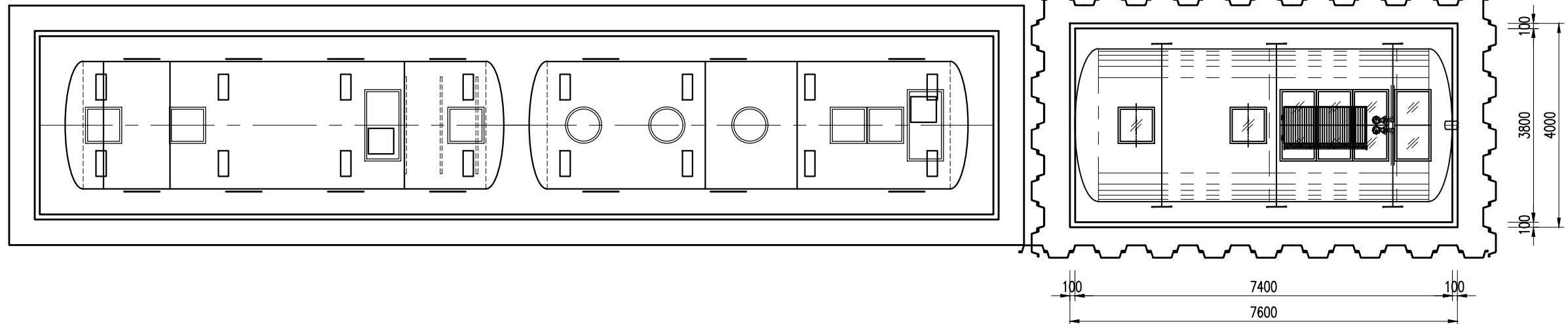




AS BUILT DRAWING

18-Feb-2019

FUDESQ., JSC
PLANT DEPARTMENT



EDIT		
NUMBER	DATE	CONFIRM
1		
2		
3		

NOTE:

DRAWING STATUS:

☐ DRAWING ON PROGRESS

☐ FOR REFERENCE ONLY

☐ FOR APPROVAL

☐ APPROVED DRAWING

☐ FOR CONSTRUCTION

☐ AS BUILT DRAWING

PROJECT:

NIDEC SANKYO
VIETNAM (HA NOI)
FACTORY

WORK ITEM:

WASTE WATER TREATMENT PLANT

CLIENT:

SANKYO CO.,LMT

Addr: QUANG MINH INDUSTRIAL PARK - ME LINH - HA NOI

SITE:

QUANG MINH INDUSTRIAL PARK
ME LINH - HA NOI

CONTRACTOR:

FUTURE DEVELOPMENT SOLUTIONS
JOINT STOCK COMPANY

FUDESQ
TECHNOLOGY OF FUTURE

ADD: No.187, HOANG VAN THAI STREET, KHUONG TRUNG,
THANH XUAN, HN, TEL: 04 32 063 222,
WEBSITE: HTTP://JOHNASOU.COM.VN

DRAWING NAME:

CONCRETE WWTP

DERECTOR:

KS. NGUYEN TUAN ANH

DESIGNER:

KS. TAO VAN LUONG

CHECKER:

KS. PHAM HUNG

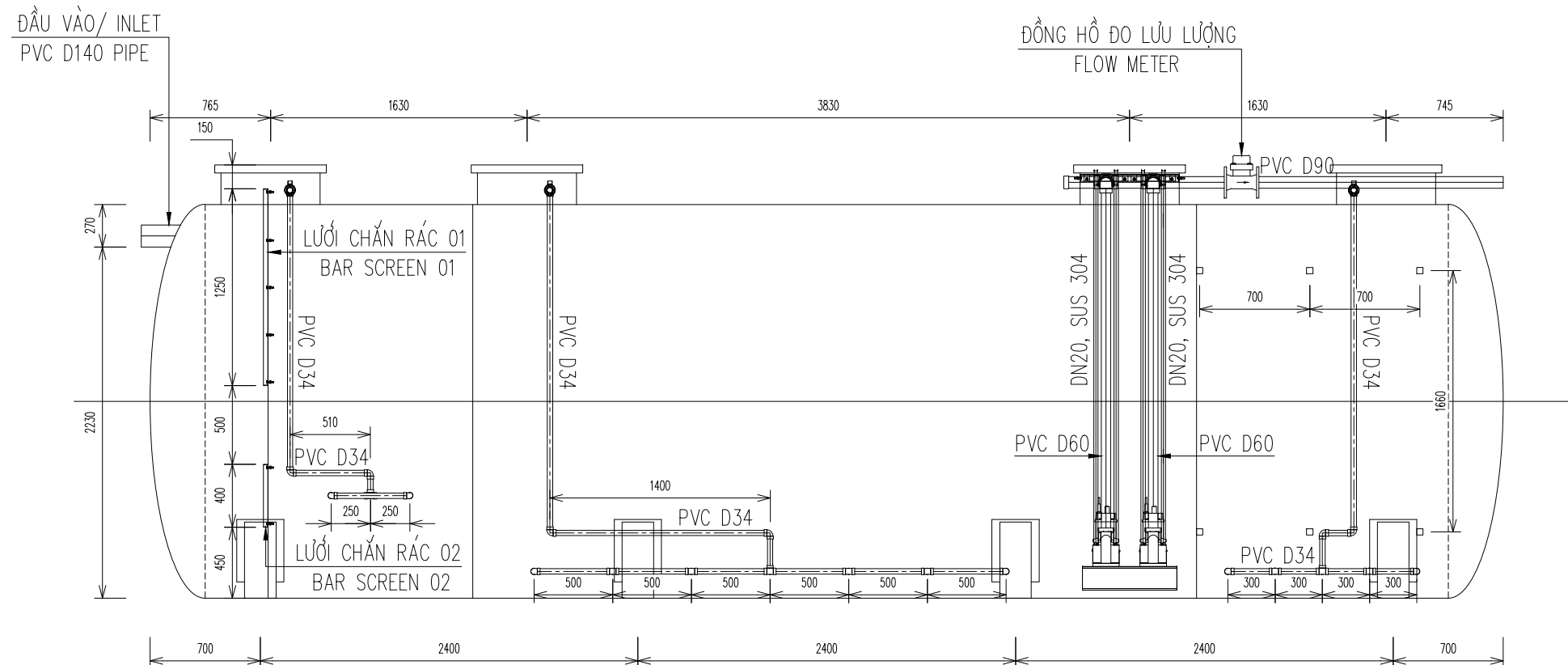
DATE: 31/01/2018

PAGE: 02 SCALE: 1/125

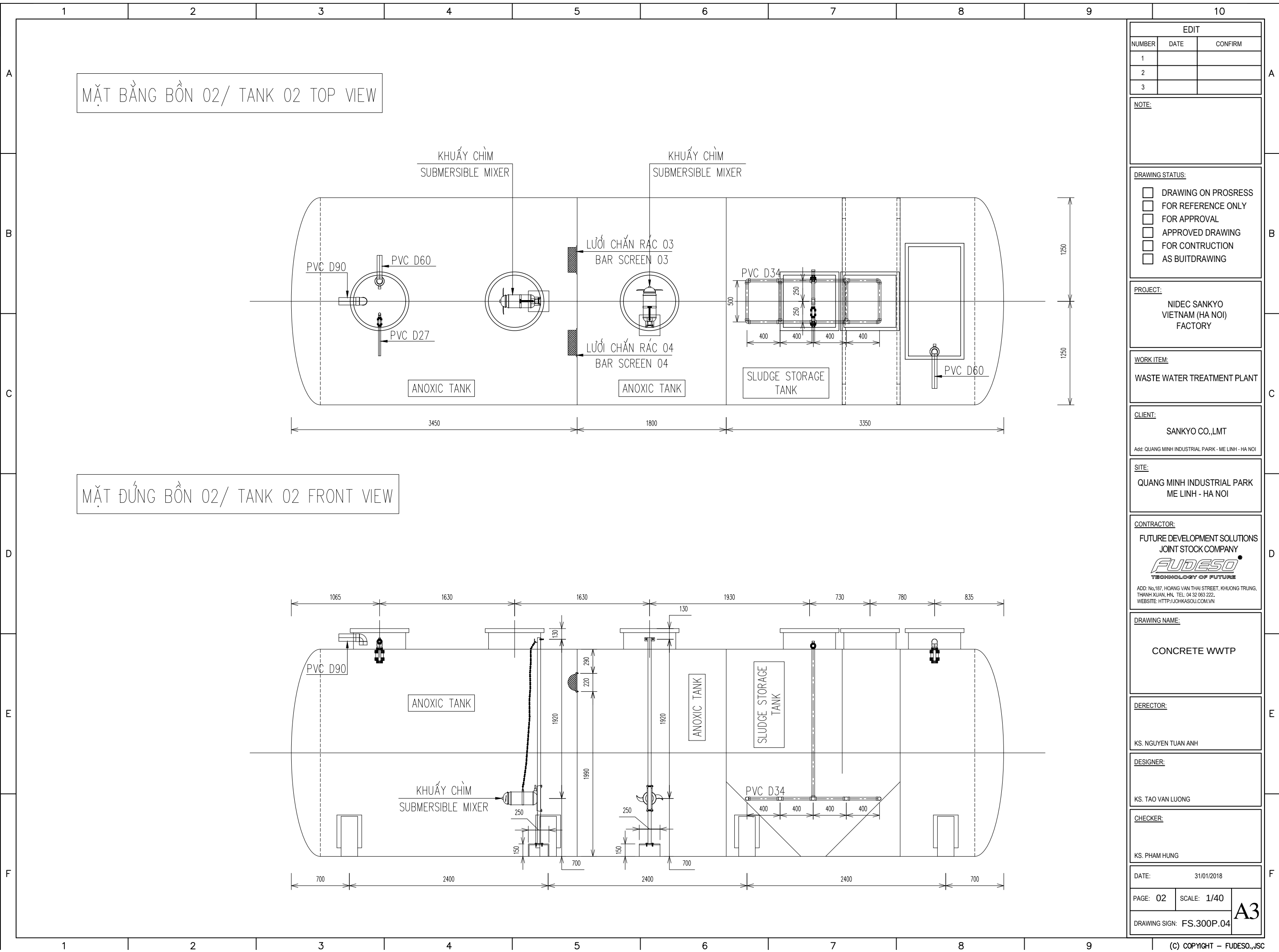
DRAWING SIGN: FS.300P.02

A3

MẶT ĐÚNG BỒN 01/ TANK 01 FRONT VIEW



EDIT		
NUMBER	DATE	CONFIRM
1		
2		
3		
<u>NOTE:</u>		
<u>DRAWING STATUS:</u>		
☐ DRAWING ON PROGRESS		
☐ FOR REFERENCE ONLY		
☐ FOR APPROVAL		
☐ APPROVED DRAWING		
☐ FOR CONTRUCTION		
☐ AS BUITDRAWING		
<u>PROJECT:</u>		
NIDEC SANKYO VIETNAM (HA NOI) FACTORY		
<u>WORK ITEM:</u>		
WASTE WATER TREATMENT PLANT		
<u>CLIENT:</u>		
SANKYO CO.,LMT		
Add: QUANG MINH INDUSTRIAL PARK - ME LINH - HA NOI		
<u>SITE:</u>		
QUANG MINH INDUSTRIAL PARK ME LINH - HA NOI		
<u>CONTRACTOR:</u>		
FUTURE DEVELOPMENT SOLUTIONS JOINT STOCK COMPANY		
		
ADD: No.187, HOANG VAN THAI STREET, KHUONG TRUNG, THANH XUAN, HN, TEL: 04 32 063 222, WEBSITE: HTTP://JOHKASOU.COM.VN		
<u>DRAWING NAME:</u>		
CONCRETE WWTP		
<u>DERECTOR:</u>		
KS. NGUYEN TUAN ANH		
<u>DESIGNER:</u>		
KS. TAO VAN LUONG		
<u>CHECKER:</u>		
KS. PHAM HUNG		
DATE: 31/01/2018		
PAGE: 02	SCALE: 1/40	A3
DRAWING SIGN: FS.300P.03		



EDIT		
NUMBER	DATE	CONFIRM
1		
2		
3		

NOTE:

DRAWING STATUS:

☐ DRAWING ON PROGRESS

☐ FOR REFERENCE ONLY

☐ FOR APPROVAL

☐ APPROVED DRAWING

☐ FOR CONSTRUCTION

☐ AS BUILT DRAWING

PROJECT:

NIDEC SANKYO
VIETNAM (HA NOI)
FACTORY

WORK ITEM:

WASTE WATER TREATMENT PLANT

CLIENT:

SANKYO CO.,LMT

ADD: QUANG MINH INDUSTRIAL PARK - ME LINH - HA NOI

SITE:

QUANG MINH INDUSTRIAL PARK
ME LINH - HA NOI

CONTRACTOR:

FUTURE DEVELOPMENT SOLUTIONS
JOINT STOCK COMPANY

FUDES
TECHNOLOGY OF FUTURE

ADD: No.187, HOANG VAN THAI STREET, KHUONG TRUNG,
THANH XUAN, HN. TEL: 04 32 063 222.
WEBSITE: HTTP://JOHKASOU.COM.VN

DRAWING NAME:

CONCRETE WWTP

DERECTOR:

KS. NGUYEN TUAN ANH

DESIGNER:

KS. TAO VAN LUONG

CHECKER:

KS. PHAM HUNG

DATE:

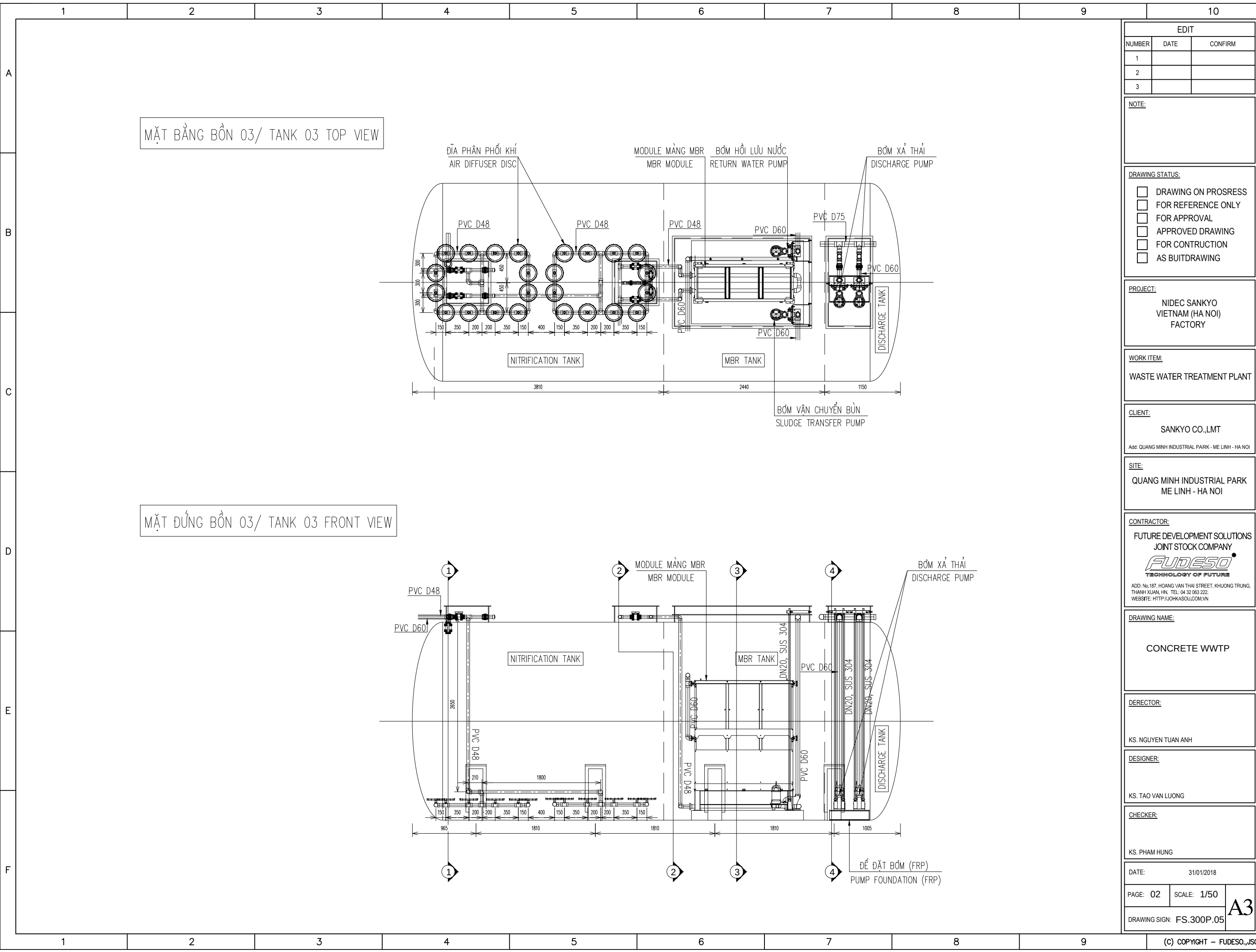
31/01/2018

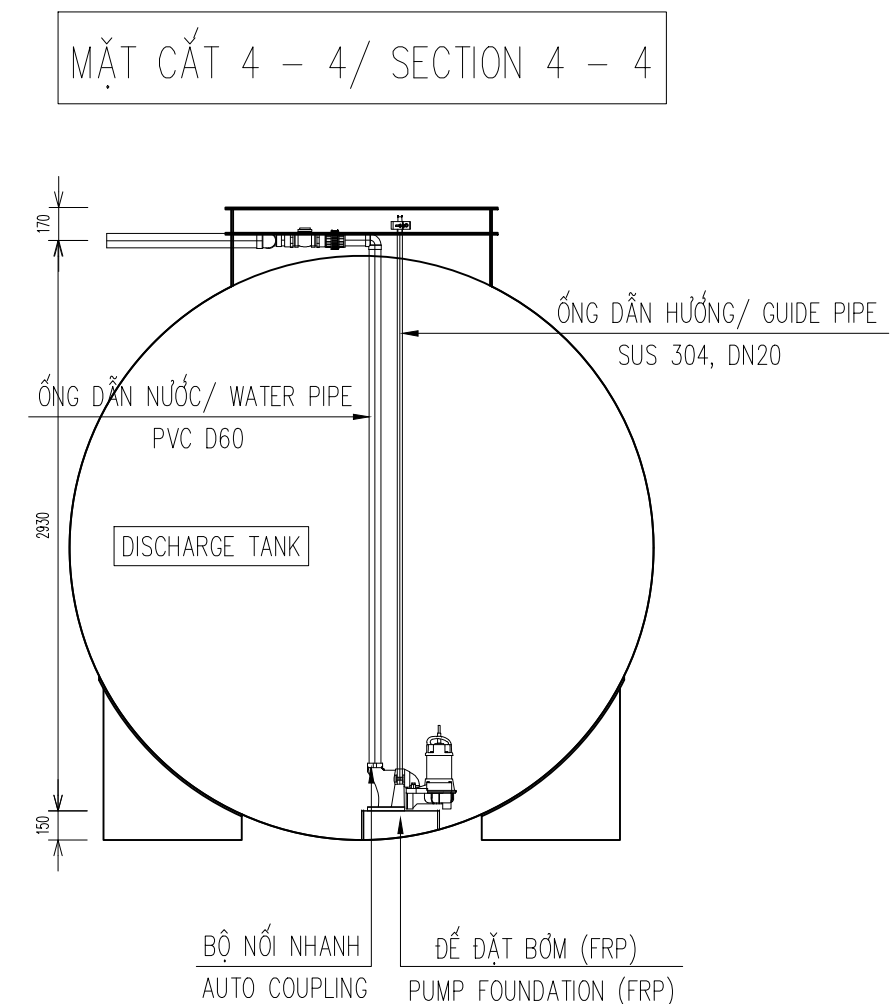
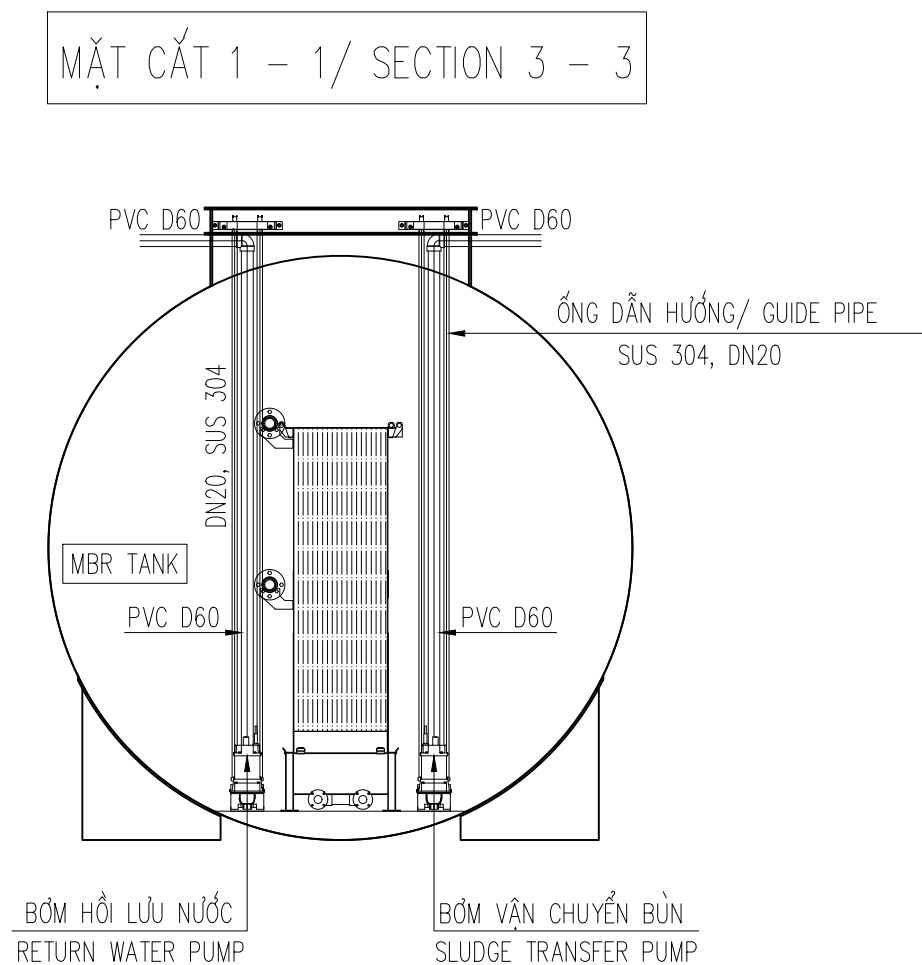
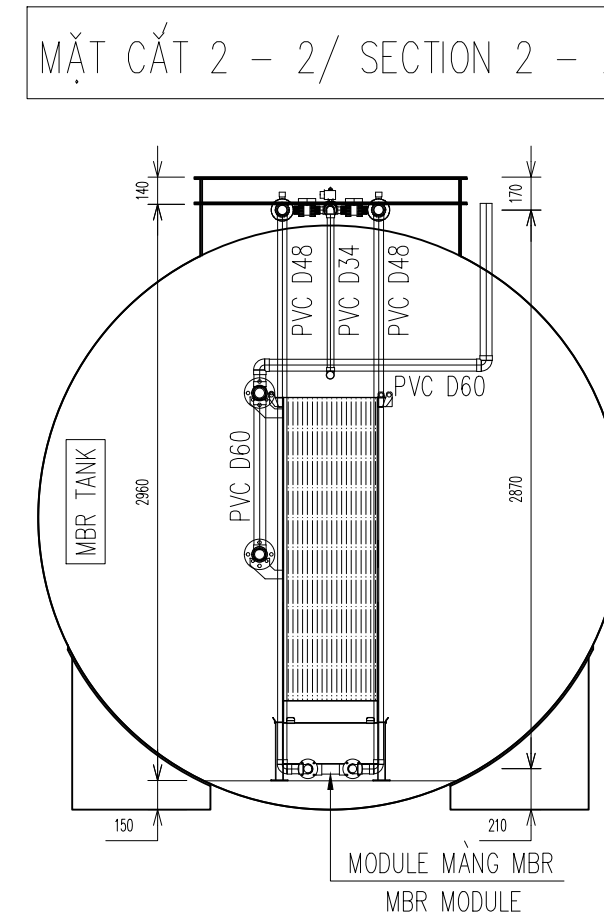
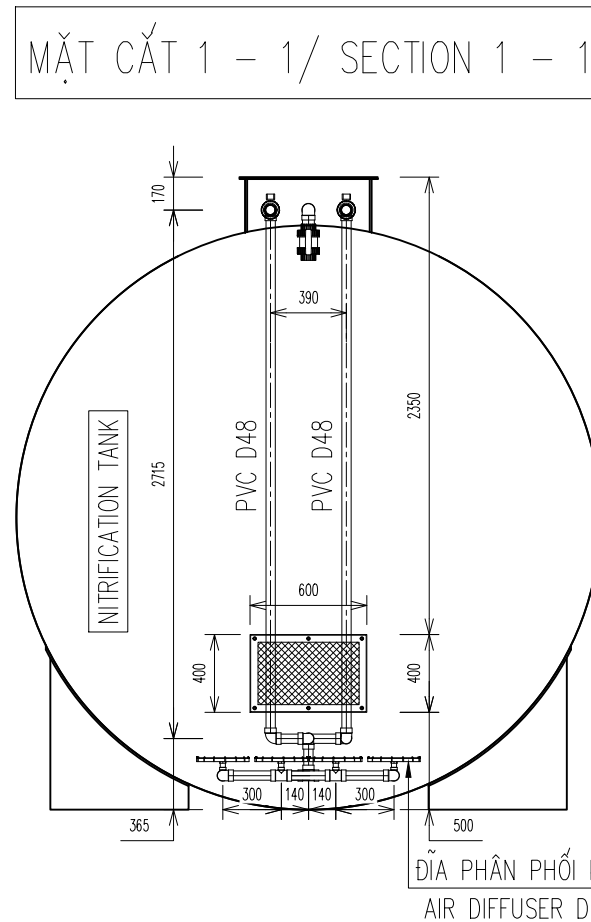
PAGE: 02SCALE: 1/40

DRAWING SIGN: FS.300P.04

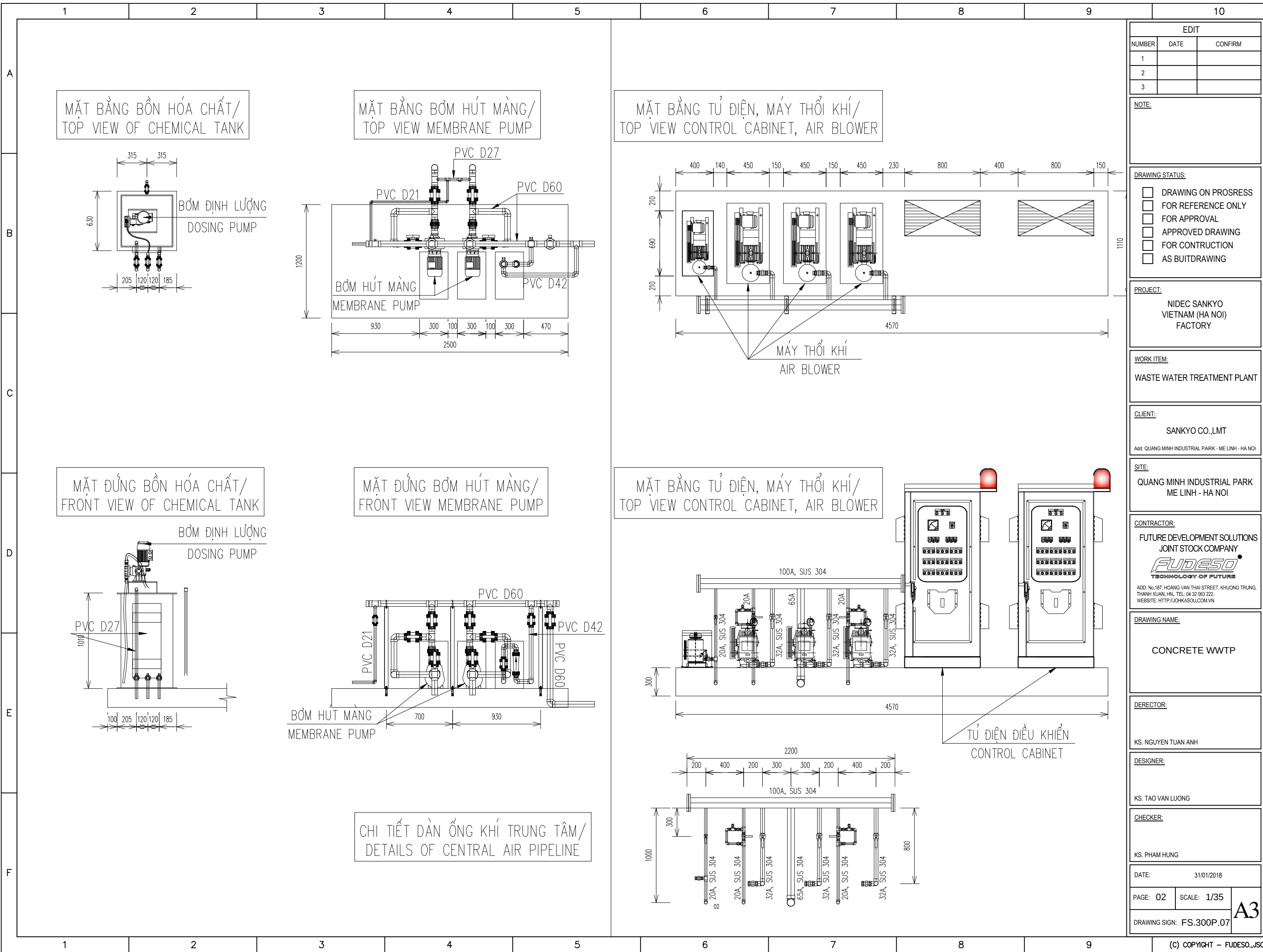
A3

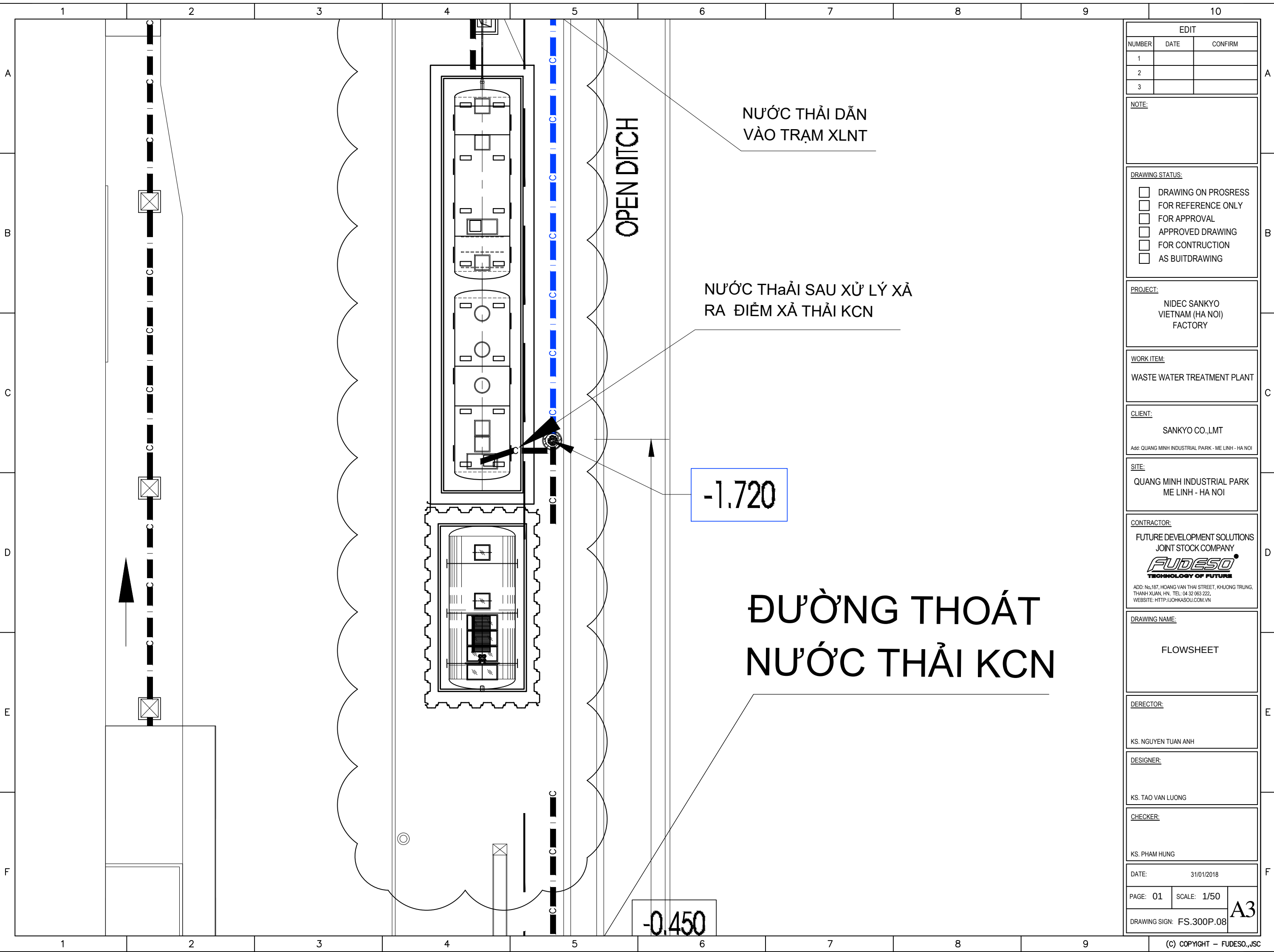
(C) COPYRIGHT – FUDES.,JSC





EDIT		
NUMBER	DATE	CONFIRM
1		
2		
3		
<u>NOTE:</u>		
<u>DRAWING STATUS:</u> ☐ DRAWING ON PROGRESS ☐ FOR REFERENCE ONLY ☐ FOR APPROVAL ☐ APPROVED DRAWING ☐ FOR CONSTRUCTION ☐ AS BUILT DRAWING		
<u>PROJECT:</u> NIDEC SANKYO VIETNAM (HA NOI) FACTORY		
<u>WORK ITEM:</u> WASTE WATER TREATMENT PLANT		
<u>CLIENT:</u> SANKYO CO.,LMT Add: QUANG MINH INDUSTRIAL PARK - ME LINH - HA NOI		
<u>SITE:</u> QUANG MINH INDUSTRIAL PARK ME LINH - HA NOI		
<u>CONTRACTOR:</u> FUTURE DEVELOPMENT SOLUTIONS JOINT STOCK COMPANY  ADD: No.187, HOANG VAN THAI STREET, KHUONG TRUNG, THANH XUAN, HN. TEL: 04 32 063 222, WEBSITE: HTTP://JOHKASOU.COM.VN		
<u>DRAWING NAME:</u> CONCRETE WWTP		
<u>DERECTOR:</u> KS. NGUYEN TUAN ANH		
<u>DESIGNER:</u> KS. TAO VAN LUONG		
<u>CHECKER:</u> KS. PHAM HUNG		
<u>DATE:</u> 31/01/2018		
<u>PAGE:</u> 02		<u>SCALE:</u> 1/40
<u>DRAWING SIGN:</u> FS.300P.06		A3





EDIT		
NUMBER	DATE	CONFIRM
1		
2		
3		

NOTE:

DRAWING STATUS:

☐ DRAWING ON PROGRESS

☐ FOR REFERENCE ONLY

☐ FOR APPROVAL

☐ APPROVED DRAWING

☐ FOR CONSTRUCTION

☐ AS BUILT DRAWING

PROJECT:

NIDEC SANKYO
VIETNAM (HA NOI)
FACTORY

WORK ITEM:

WASTE WATER TREATMENT PLANT

CLIENT:

SANKYO CO.,LMT

ADD: QUANG MINH INDUSTRIAL PARK - ME LINH - HA NOI

SITE:

QUANG MINH INDUSTRIAL PARK
ME LINH - HA NOI

CONTRACTOR:

FUTURE DEVELOPMENT SOLUTIONS
JOINT STOCK COMPANY

FUDESQ
TECHNOLOGY OF FUTURE

ADD: No.187, HOANG VAN THAI STREET, KHUONG TRUNG,
THANH XUAN, HN, TEL: 04 32 063 222,
WEBSITE: HTTP://JOHKASOU.COM.VN

DRAWING NAME:

FLowsheet

DIRECTOR:

KS. NGUYEN TUAN ANH

DESIGNER:

KS. TAO VAN LUONG

CHECKER:

KS. PHAM HUNG

DATE:

31/01/2018

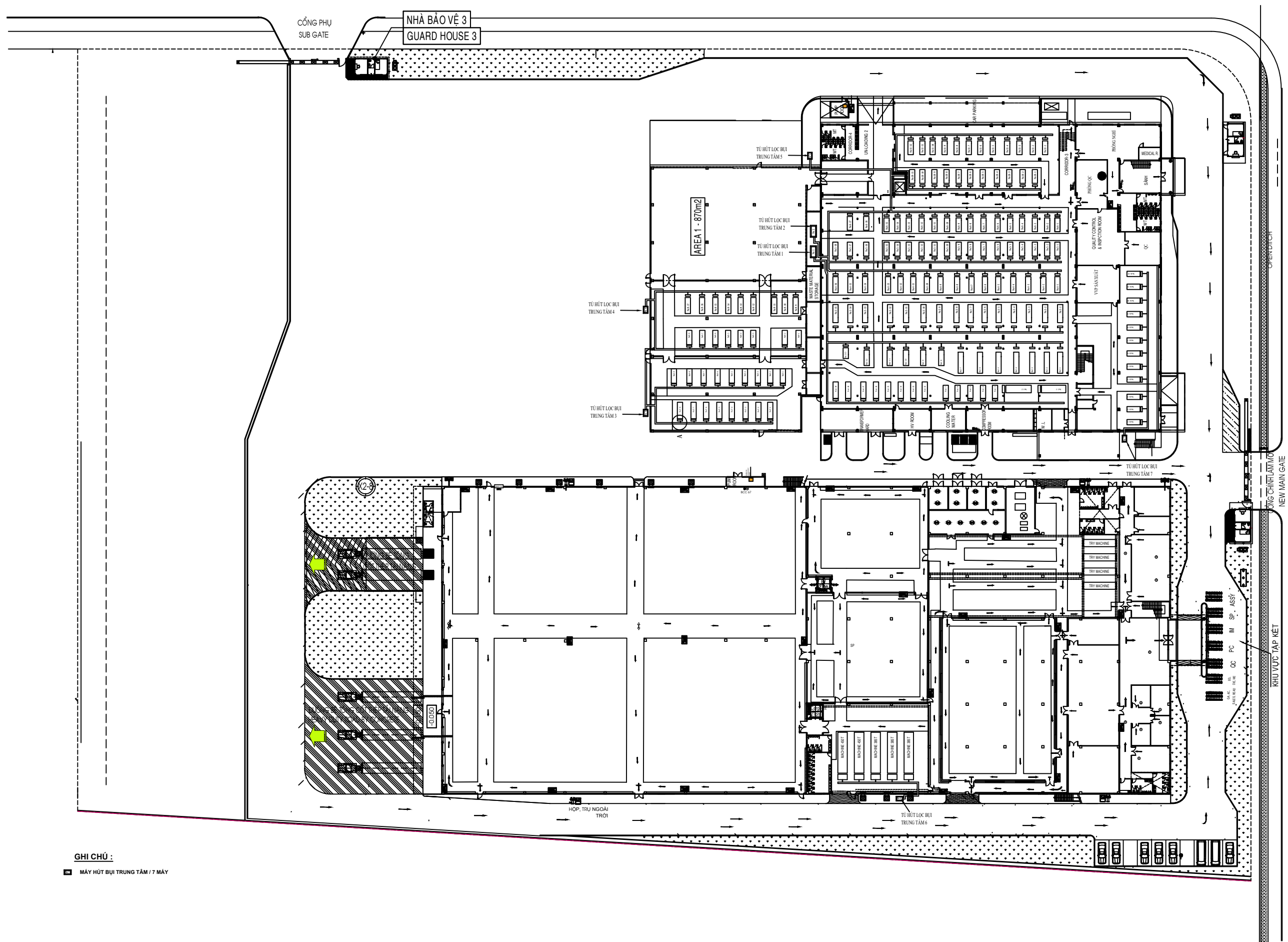
PAGE: 01SCALE: 1/50

DRAWING SIGN: FS.300P.08

A3

(C) COPYRIGHT – FUDESQ,JSC

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG HÚT BỤI TRUNG TÂM HIỆN TRẠNG



GHI CHÚ :

MÁY HÚT BỤI TRUNG TÂM / 7 MÂY

CHỦ ĐẦU TƯ :
INVESTOR

CÔNG TY TNHH NIDEC

SANKYO VIỆT NAM (HÀ NỘI)

GIÁM ĐỐC :
DIRECTOR

ĐƠN VỊ THI CÔNG :

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ CƠ ĐIỆN LOA THÀNH**

TỔ DÂN PHỐ CÁO ĐÌNH, PHƯỜNG XUÂN ĐÌNH, BẮC TỪ LIÊM , HÀ NỘI

TEL: 84-4-3750-5236 , FAX : 84-4-3750-5238

GIÁM ĐỐC :

VỀ			
ĐỒ QUANG LỤC			
03			
02			
01			
STT REV	NỘI DUNG SỬA DESCRIPTION OF REVISION	NGƯỜI SỬA REVISED	NGÀY SỬA DATE

CÔNG TRÌNH :
PROJECT

NHÀ XƯỞNG A1+A2

ĐỊA ĐIỂM : LÔ 37 - KCN QUANG MINH -
LOCATION HUYỆN MÊ LINH - TP.HÀ NỘI

HẠNG MỤC :
ITEM

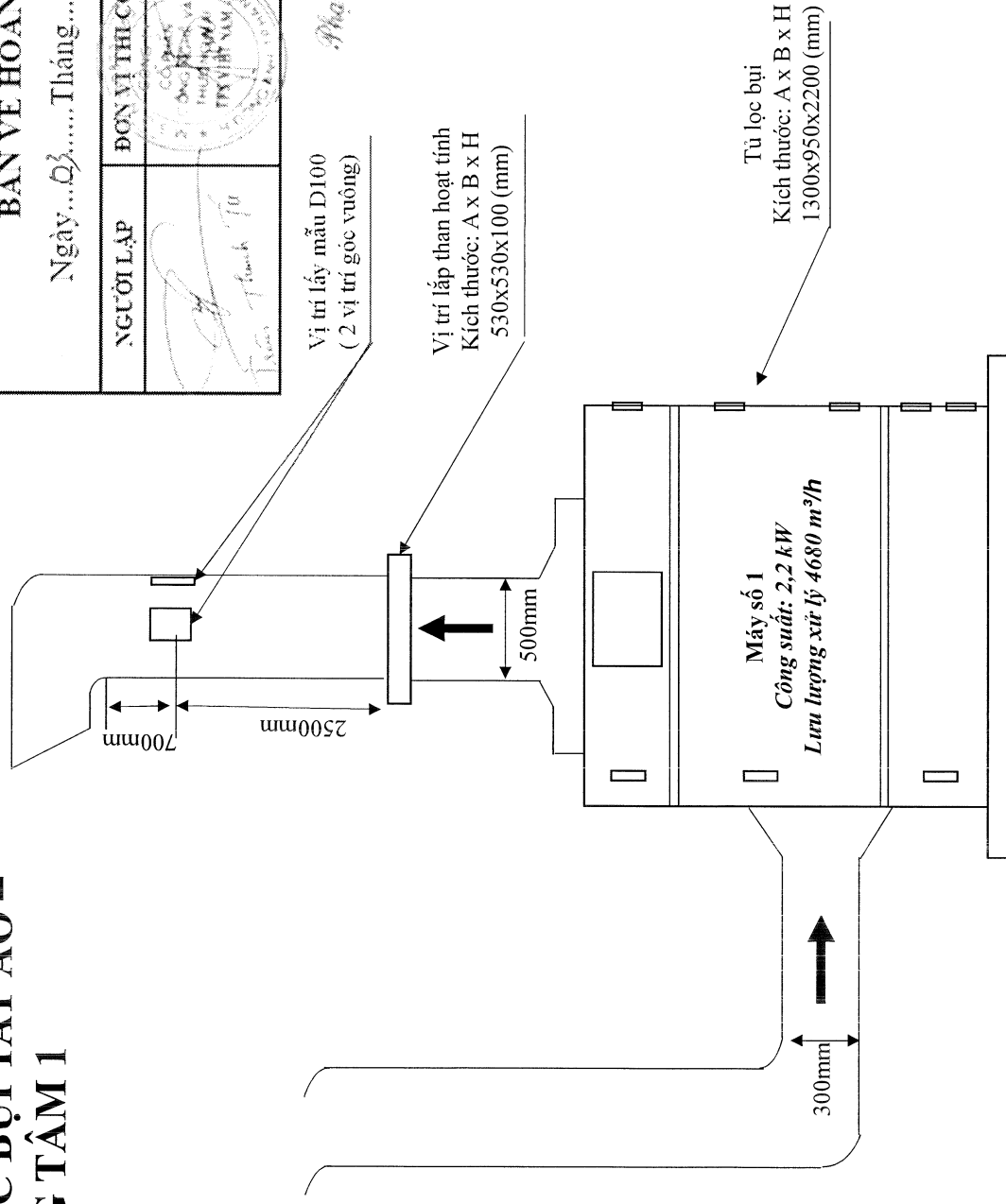
HỆ THỐNG HÚT BỤI TRUNG TÂM

TÊN BẢN VẼ:
DRAWING TITLE

**MẶT BẰNG TỔNG THỂ
HỆ THỐNG HÚT BỤI TRUNG TÂM**

NGÀY: DATE	15/11/2019	BẢN VẼ: DRAWING No								
TỈ LỆ: SCALE	1/200									
GIẢI ĐOẠN : STAGE										
FILE :	<table><tr><td>A</td><td>B</td><td>C</td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr></table>	A	B	C				SỐ BẢN VẼ: DRAW'S QUANTITY	01	
A	B	C								
SANKYO-HLDG										

HỆ THỐNG LỘC BỤI TAY ÁO - TRUNG TÂM 1



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ TFS VIỆT NAM	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Ngày....<i>03</i>..... Tháng....<i>11</i>..... Năm....<i>2023</i>	
NGƯỜI LẬP	 Trần Thanh Tú
ĐƠN VỊ THỰC CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
	

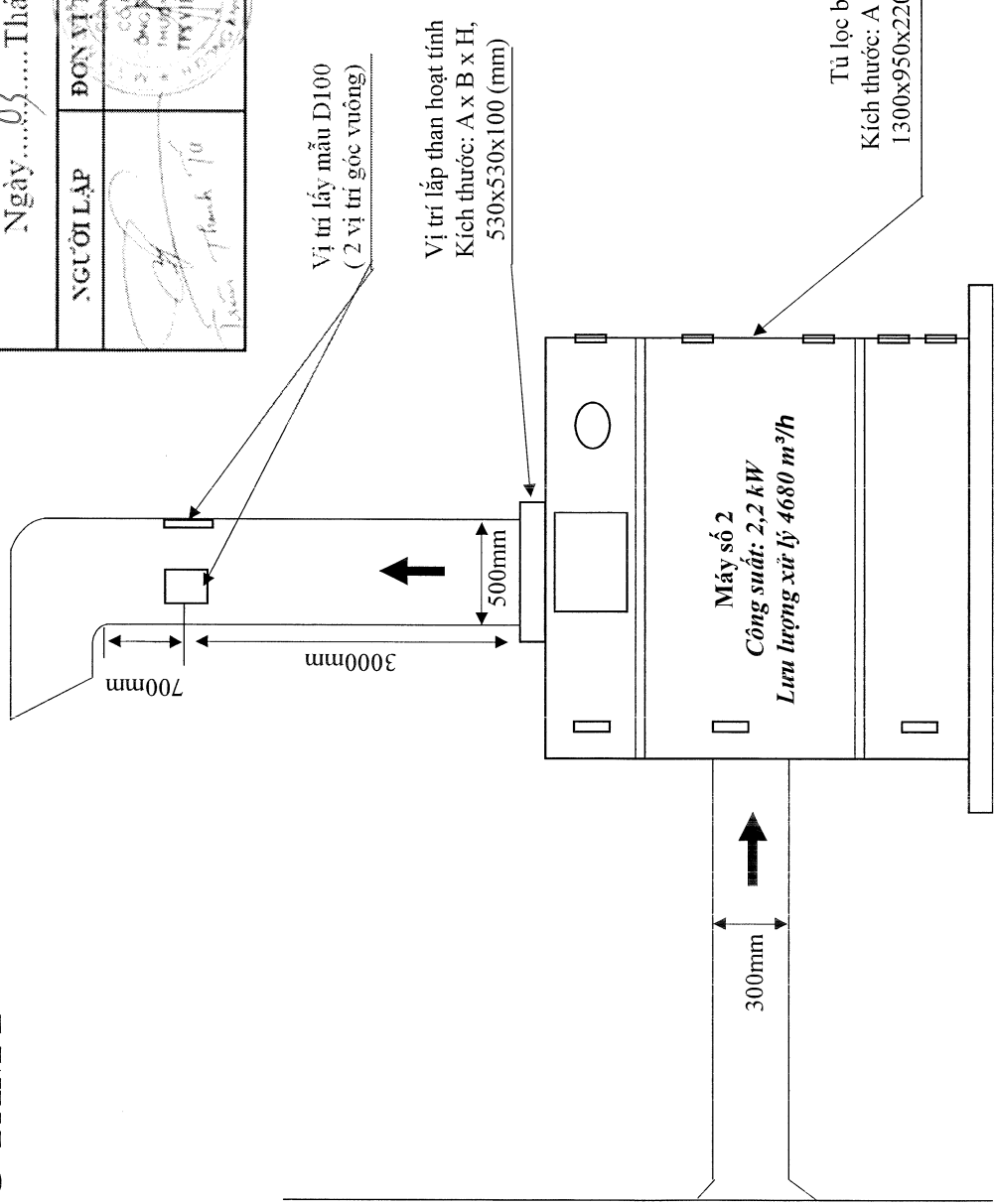
CIAM FOX
Pham Thanh Luoc

Buddy Jim

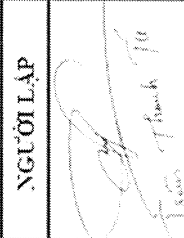
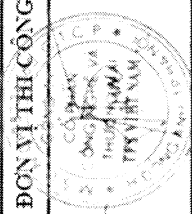
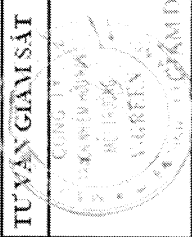
HỆ THỐNG LỌC BỤI TAY ÁO – TRUNG TÂM 2

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ TFS VIỆT NAM			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày..... <i>03</i>Tháng..... <i>11</i>Năm..... <i>2023</i>			
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	
<i>Trần Thanh Tú</i>	<i>ĐÔNG NINH VÀ THƯƠNG MẠI TFS VIỆT NAM</i>	<i>CÔNG TY TNHH TFS VIỆT NAM</i>	

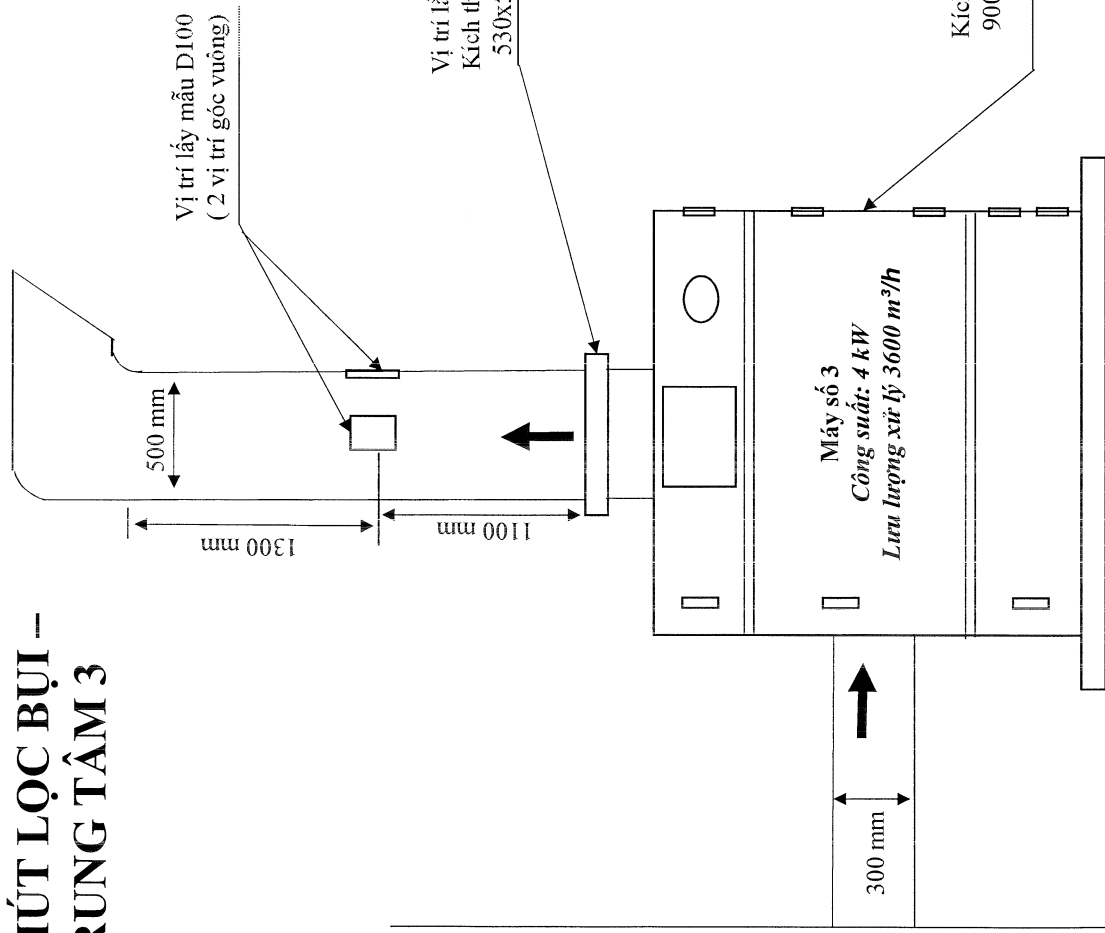
GIAM ĐỐC *Phạm Chánh Tuấn*
Đoàn Văn Sơn



TỦ HÚT LỘC BỤI –
TRUNG TÂM 3

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ TFS VIỆT NAM			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày.....M.....Tháng...03.....Năm...2025			
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	
			

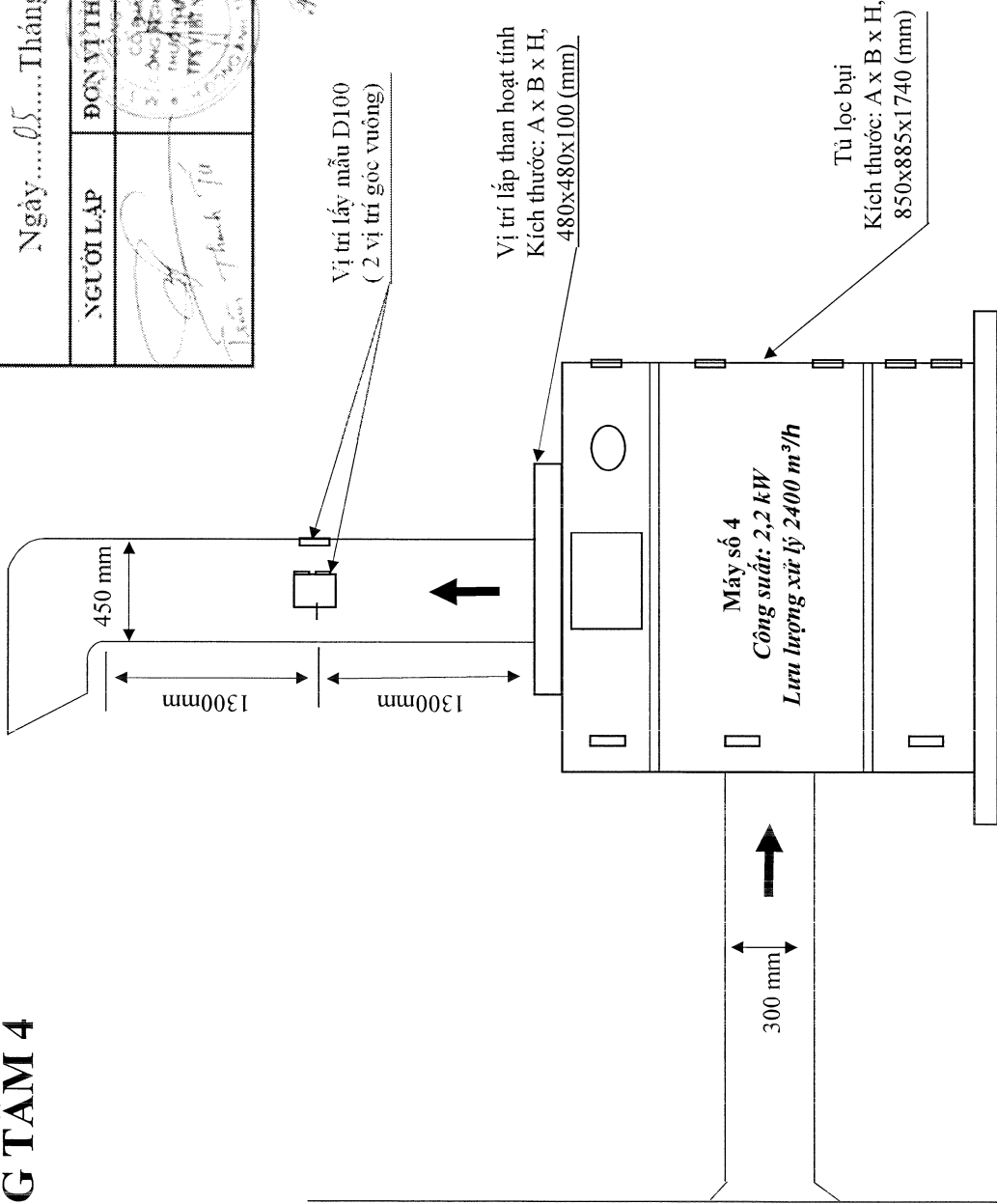
GIAM ĐỐC
Phạm Thanh Tuấn
Đang Tâm Đức



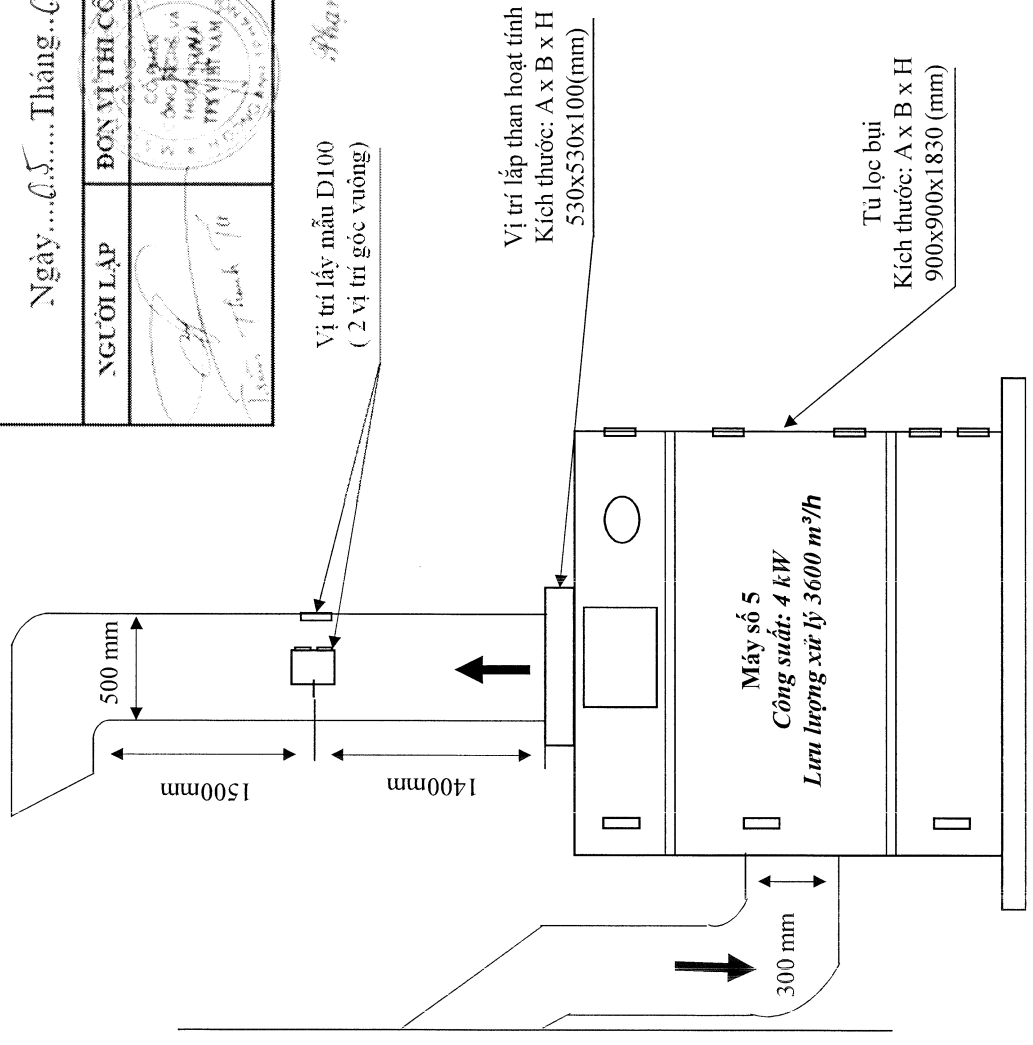
TỦ HÚT LỘC BỤI –
TRUNG TÂM 4

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ TFS VIỆT NAM			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày.....05.....Tháng.....07.....Năm.....2022			
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	

GIÁM ĐỐC
Phạm Thanh Tuấn



TỦ HÚT LỘC BỤI - TRUNG TÂM 5



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ TFS VIỆT NAM			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày...05...Tháng...07...Năm 2022			
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	

GIAM ĐỐC
Trần Thanh Tuấn

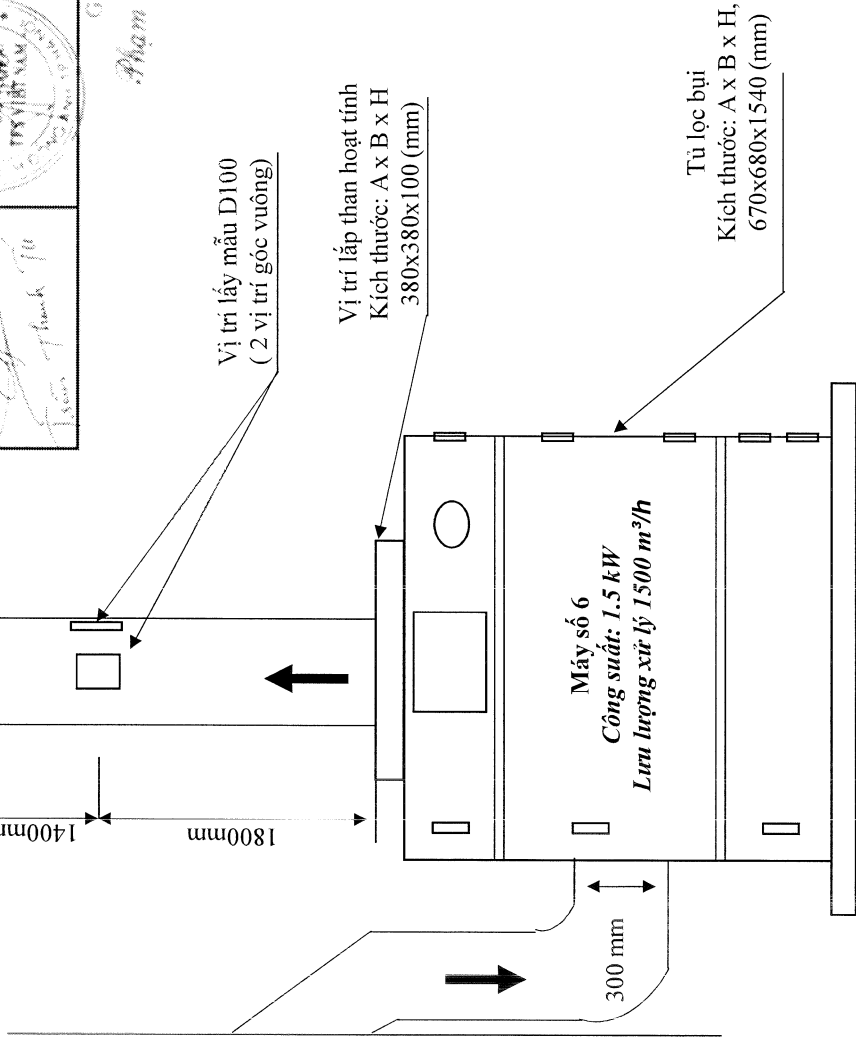
Vị trí lấy mẫu D100
(2 vị trí góc vuông)

Vị trí lắp than hoạt tính
Kích thước: A x B x H
530x530x100(mm)

Tủ lọc bụi
Kích thước: A x B x H
900x900x1830 (mm)

TỦ HÚT LỘC BỤI –
TRUNG TÂM 6

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ TFS VIỆT NAM			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày... <i>05</i> ...Tháng... <i>07</i> ...Năm... <i>2022</i> ...			
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	
<i>Phạm Tuấn Tú</i>	<i>Phạm Tuấn Tú</i>	<i>Phạm Tuấn Tú</i>	



GIAM ĐỐC *Phạm Tuấn Tú*
Phạm Tuấn Tú

TỦ HÚT LỘC BỤI – TRUNG TÂM 7

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ TFS VIỆT NAM			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày..... <i>C.S.</i>Tháng.. <i>07</i>Năm.. <i>2022</i> ..			
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	TUYỂN GIÁM SÁT	
<i>Trần Thành Tú</i>			

GIAM ĐỐC
Phạm Thanh Tuấn
Đường Văn Đức

Vị trí lấy mẫu D100
(2 vị trí góc vuông)

